

## LUẬT

### DOANH NGHIỆP CÁC QUỐC GIA TRONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SỐ 60/2005/QH11 NGÀY 29 THÁNG 11 NĂM 2005

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;

Luật này quy định về doanh nghiệp.

### CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân thu nhập thành phần kinh tế (sau đây gọi chung là doanh nghiệp); quy định về nhóm công ty.

#### Điều 2. Định nghĩa áp dụng

1. Các doanh nghiệp thu nhập thành phần kinh tế.
2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của các doanh nghiệp.

#### Điều 3. Áp dụng Luật doanh nghiệp, điều lệ công ty và các luật có liên quan

1. Việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp thu nhập thành phần kinh tế áp dụng theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Trường hợp có thể liên quan đến việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp áp dụng quy định của Luật khác thì áp dụng theo quy định của Luật này.
3. Trường hợp điều lệ công ty mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng theo quy định của điều lệ công ty.

#### Điều 4. Giải thích thuật ngữ

Trong Luật này, các thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

1. Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tư nhân, có tài sản, có trụ sở giao dịch kinh doanh, có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

2. Kinh doanh là vi c th c hi n li n t c m t, m t s ho c t t c c c c ng o n c a quá tr nh u t , t s n xu t n ti u th s n ph m ho c cung ng d ch v tr n th tr ng nh m m c ích sinh l i.

3. H s h p l là h s cú y gi y t theo quy nh c a Lu t này, cú n i dung c k khai y theo quy nh c a pháp lu t.

4. Gúp v n là vi c a tài s n vào c ng ty tr thành ch s h u ho c c c ch s h u chung c a c ng ty. Tài s n gúp v n cú th là ti n Vi t Nam, ngo i t t do chuy n i, vàng, gi tr quy n s d ng t, giá tr quy n s h u trí tu , công ngh , bí quy t k thu t, các tài s n khác ghi trong i u l công ty do thành vi n gúp t o thành v n c a c ng ty.

5. Ph n v n gúp là t l v n mà ch s h u ho c ch s h u chung c a c ng ty gúp vào v n i u l .

6. V n i u l là s v n do c c thành vi n, c ông góp ho c cam k t góp trong m t th i h n nh t nh và c ghi vào i u l công ty.

7. V n pháp nh là m c v n t i thi u ph i cú theo quy nh c a pháp lu t thành l p doanh nghi p.

8. V n cú quy n bi u quy t là ph n v n gúp ho c c ph n, theo ó ng i s h u có quy n bi u quy t v nh ng v n thu c th m quy n quy t nh c a H i ng thành vi n ho c i h i ng c ông.

9. C t c là kho n l i nhu n r ng c tr cho m i c ph n b ng ti n m t ho c b ng tài s n kh c t ngu n l i nhu n c n l i c a c ng ty sau khi ó th c hi n ngh a v v tài ch nh.

10. Thành vi n s ng l p là ng i gúp v n, tham gia xõy d ng, th ng qua và ký t n vào b n i u l u ti n c a c ng ty tr ch nhi m h u h n, c ng ty h p danh.

11. C ông là ng i s h u t nh t m t c ph n ó ph t hành c a c ng ty c ph n.

C ông sáng l p là c ông tham gia xây d ng, thông qua và ký t n vào b n i u l u ti n c a c ng ty c ph n.

12. Thành vi n h p danh là thành vi n ch u tr ch nhi m b ng toàn b tài s n c a m nh v c c ngh a v c a c ng ty h p danh.

13. Ng i qu n lý doanh nghi p là ch s h u, gi m c doanh nghi p t nhân, thành vi n h p danh c ng ty h p danh, Ch t ch H i ng thành vi n, Ch t ch c ng ty, thành vi n H i ng qu n tr , Giám c ho c T ng giám c và c c ch c danh qu n lý kh c do i u l công ty quy nh.

14. Ng i i di n theo u quy n là c nhõn c thành vi n, c ông là t ch c c a c ng ty tr ch nhi m h u h n, c ng ty c ph n u quy n b ng v n b n th c hi n các quy n c a m nh t i c ng ty theo quy nh c a Lu t này.

15. M t công ty c coi là c ng ty m c a công ty khác n u thu c m t trong các tr ng h p sau ây:

a) S h u tr n 50% v n i u l ho c t ng s c ph n ph thông ó ph t hành c a c ng ty ó;

b) Có quy n tr c ti p ho c gián ti p b nhi m a s ho c t t c thành vi n H i ng qu n tr , Giám c ho c T ng giám c c a công ty ó;

c) Có quy định quy định về việc chia, tặng, thừa kế của công ty đó.

16. Thành viên doanh nghiệp là việc chia, tặng, thừa kế, sáp nhập hoặc chuyển nhượng doanh nghiệp.

17. Người có liên quan là thành viên, chủ nợ có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:

a) Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó tại công ty con;

b) Công ty con tại công ty mẹ;

c) Người hoặc nhóm người có khoản nợ chi phí về việc mua quy định, hoặc người của doanh nghiệp đó thông qua các cơ quan quản lý doanh nghiệp;

d) Người quản lý doanh nghiệp;

e) Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý doanh nghiệp hoặc của thành viên, công nhân viên góp hay thành viên chi phí;

f) Cá nhân có quy định liên quan cho những người quy định tại các mục a, b, c, d và khoản này;

g) Doanh nghiệp trong đó những người quy định tại các mục a, b, c, d, e và h khoản này có sự tham gia chi phí về việc mua quy định của các cơ quan quản lý doanh nghiệp đó;

h) Nhóm người tho thu nhận quyền sở hữu tài sản góp, thành viên hoặc lợi ích công ty hoặc chi phí về việc mua quy định của công ty.

18. Phần vốn góp của nhà nước là phần vốn góp của chủ thể ngân sách nhà nước và ngân viên khác của Nhà nước do mối quan hệ nhà nước hoặc tổ chức kinh tế làm việc liên quan.

Phần vốn của nhà nước là phần thanh toán bằng vốn ngân sách nhà nước và ngân viên khác của Nhà nước do mối quan hệ nhà nước hoặc tổ chức kinh tế làm việc liên quan.

19. Giá trị của phần vốn góp hoặc phần là giá trị giao dịch trên thị trường chứng khoán hoặc giá trị mua sắm tài sản giá trị chuyển nhượng.

20. Quyền của doanh nghiệp là quyền của nhân viên, viên chức lãnh đạo nội doanh nghiệp thành lập, ký kinh doanh.

21. Chức vụ công chức là chức vụ ký tự chính trị về việc; chức vụ ký tự khác về việc công chức hoặc nhân viên khác của chủ nhân mà người đó ký về việc doanh nghiệp làm chức vụ.

22. Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp trong đó Nhà nước sở hữu trên 50% vốn.

### **Điều 5. Bộ mô tả Nhà nước về việc doanh nghiệp và chức vụ doanh nghiệp**

1. Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài và phát triển của các loại hình doanh nghiệp quy định trong Luật này; bộ mô tả bộ phận chức vụ pháp luật của các

doanh nghiệp không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế; thể hiện tính sinh lợi và hiệu quả hoạt động kinh doanh.

2. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp.

3. Tài sản và vốn đầu tư pháp của doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp không bị quốc hữu, không bị tịch thu hoặc bị ngừng hành chính.

Trên cơ sở những nguyên tắc nêu trên, lý do quốc phòng, an ninh và vì lợi ích quốc gia, Nhà nước được mua, trả nợ bằng tài sản của doanh nghiệp theo doanh nghiệp để thanh toán hoặc bị thế chấp theo giá trị ngang trị giá của công bố trả nợ mua hoặc trả nợ nợ. Việc thanh toán hoặc bị thế chấp phải dựa trên lợi ích của doanh nghiệp và không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp.

#### **Điều 6. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp**

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định trong pháp luật.

#### **Điều 7. Ngành, nghề và điều kiện kinh doanh**

1. Doanh nghiệp được tự do thành lập kinh tế cá nhân kinh doanh các ngành, nghề mà pháp luật không cấm.

2. Điều kiện ngành, nghề mà pháp luật quy định và pháp luật có liên quan quy định phải có điều kiện theo pháp luật kinh doanh ngành, nghề đó khi có điều kiện theo quy định.

Điều kiện kinh doanh là yêu cầu mà doanh nghiệp phải có hoặc phải thực hiện khi kinh doanh ngành, nghề cụ thể, được thực hiện bằng giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, chứng nhận nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, yêu cầu về vốn pháp định hoặc yêu cầu khác.

3. Các hoạt động kinh doanh gây ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam và sức khoẻ của nhân dân, làm hại môi trường, phá huỷ môi trường.

Chính phủ quy định danh mục ngành, nghề kinh doanh bị cấm.

4. Chính phủ chỉ định, đánh giá lợi ích toàn bộ hoặc một phần của điều kiện kinh doanh; bố trí hoặc kiểm soát bố trí của điều kiện không cần pháp định; sự ảnh hưởng của điều kiện kinh doanh đối với các điều kiện bắt buộc pháp lý; ban hành hoặc kiểm soát ban hành điều kiện kinh doanh mới theo yêu cầu của pháp luật.

5. Bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền của ngành, nghề kinh doanh cụ thể điều kiện và điều kiện kinh doanh.

#### **Điều 8. Quyền của doanh nghiệp**

1. Tổ chức kinh doanh; chức năng của các ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, xuất; chức năng quản lý quy mô và ngành, nghề kinh doanh; các Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Loại hình kinh doanh, phương thức hoạt động, phân bổ và sử dụng vốn.

3. Chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, khách hàng và kỹ thuật sản xuất.

4. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.

5. Tuyển dụng, thu và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.

6. Chức năng, ngành khoa học công nghệ hiện đại nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.

7. Tổ chức quy định các công việc kinh doanh và quản lý nội bộ.

8. Chi mô hình, sử dụng, nguồn tài sản của doanh nghiệp.

9. Tổ chức, nhiệm vụ của các phòng ban chức năng của pháp luật quy định.

10. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

11. Trách nhiệm của thông qua nghị định theo quy định tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

12. Các quy định khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 9. Nghĩa vụ của doanh nghiệp**

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề có ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; báo cáo tình hình kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

2. Tổ chức kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán.

3. Đăng ký mô hình, khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo quy định, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

5. Báo cáo và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn có đăng ký hoặc công bố.

6. Thực hiện chế độ thanh toán theo quy định của pháp luật về thanh toán; nộp báo cáo ý kiến các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của doanh nghiệp và các quan hệ nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; khi phát hiện các thông tin có khả năng vi phạm pháp luật, chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ bảo hiểm y tế, chế độ bảo hiểm khác, bổ sung các thông tin có.

7. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di sản văn hóa và danh lam thắng cảnh.

8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 10.** Quy định và nghĩa vụ của doanh nghiệp cú s n xuất, cung ứng c c s n phẩm, dịch vụ c ng ch

1. Các quy định và nghĩa vụ quy định tại Điều 8, Điều 9 và các quy định khác có liên quan của Luật này.
2. Các chi phí toán và bù đắp chi phí theo giá thị trường hoặc thu phí sử dụng dịch vụ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
3. Các báo cáo thị trường s n xuất, cung ứng s n phẩm, dịch vụ thích hợp thu hồi vốn đầu tư và cứu trợ h p lý.
4. S n xuất, cung ứng s n phẩm, dịch vụ s l ng, ứng dụng công nghệ và thị trường cam kết theo ghi hoạch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.
5. Báo cáo các tiêu chí công bằng và thu nhập liên nhau cho mọi tầng lớp khách hàng.
6. Chịu trách nhiệm trực tiếp luật và khách hàng sử dụng, công nghệ, tiêu chí cung ứng và giá, phẩm s n phẩm, dịch vụ cung ứng.
7. Các quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 11.** Các hành vi bị cấm

1. Các Công ty ch ng nh n ng ký kinh doanh cho người không tiêu chí tiêu chí công ty ch ng nh n ng ký kinh doanh cho người tiêu chí tiêu chí công ty ch ng nh n ng ký kinh doanh và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Hoạt động kinh doanh d i h nh th c doanh nghiệp mà không ng ký kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh khi có bất thu hồi Công ty ch ng nh n ng ký kinh doanh.
3. Khai khai công trung thực, không ch nh x c n i dung hồ sơ ng ký kinh doanh; khai không trung thực, không chính xác, không kịp thời nh ng thay i trong n i dung hồ sơ ng ký kinh doanh.
4. Khai khai công v n ng ký, không góp và ứng dụng v n nh ó ng ký; c ý nh giá tài s n giúp v n kh ng ứng giá trị thực tế.
5. Hoạt động trái pháp luật, l a o; kinh doanh các ngành, nghề cấm kinh doanh.
6. Kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh cấm tiêu chí tiêu chí công ty ch ng nh n ng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.
7. Ng n c n ch s h u, thành viên, công của doanh nghiệp th c hi n các quy định theo quy định của Luật này và i u l công ty.
8. Các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 12.** Chế độ tài liệu của doanh nghiệp

1. Tu theo lo i h nh, doanh nghiệp phải lưu giữ các tài liệu sau đây:
  - a) i u l công ty; s a i, b sung i u l công ty; quy chế quản lý nội bộ của công ty; s ng ký thành viên hoặc s ng ký công;

- b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; văn bản quy định của công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chi tiêu ngân sách; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;
- c) Tài liệu, giấy tờ cần thiết quy định của tài sản cá nhân;
- d) Biên bản họp Hội đồng thành viên, hội đồng công, Hội đồng quản trị; các quy định của doanh nghiệp;
- e) Báo cáo báo cáo phát hành chứng khoán;
- e) Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán nội bộ;
- g) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
- h) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.
2. Doanh nghiệp phải lưu giữ các tài liệu quy định trong khoản 1 điều này từ thời điểm thành lập; thời hạn lưu giữ theo quy định của pháp luật.

## CHƯƠNG II THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP VÀ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

**Điều 13.** Quy định thành lập, góp vốn, mua cổ phần và quản lý doanh nghiệp

1. Thành, công nhân Việt Nam, thành, công nhân nước ngoài có quy định thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều này.

2. Thành, cá nhân sau đây không được quy định thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

- a) Cơ quan nhà nước, nhân viên công vụ trong nhân dân Việt Nam sử dụng tài sản nhà nước thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, nhân viên;
- b) Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;
- c) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, nhân viên thu thuế Quân nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, nhân viên thu thuế Công an nhân dân Việt Nam;
- d) Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn của nhà nước, trừ những người được làm việc theo quy định của pháp luật về quản lý nhân viên góp vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;
- e) Người cha thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- e) Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;
- g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về pháp nhân.

3. Thành, công nhân có quy định mua cổ phần của công ty cổ phần, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 điều này.

4. Thành viên, cá nhân sau đây không được mua cổ phần của công ty cổ phần, góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật này:

- a) Cơ quan nhà nước, nhân viên công an, cảnh sát, nhân viên phòng chống tham nhũng, nhân viên kiểm sát, nhân viên công tố, nhân viên cơ quan an ninh, nhân viên cơ quan bảo vệ pháp luật;
- b) Các vị trí không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

#### **Điều 14.** Hợp tác kinh doanh

1. Thành viên, công dân sáng lập hoặc người đi đầu theo quy định ký các loại hợp đồng phục vụ cho việc thành lập và hoạt động của doanh nghiệp hợp tác kinh doanh.

2. Trường hợp doanh nghiệp thành lập theo quy định là người tiếp nhận quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng ký kết quy định tại khoản 1 điều này.

3. Trường hợp doanh nghiệp không thành lập theo quy định ký kết hợp đồng theo quy định tại khoản 1 điều này chịu trách nhiệm hoàn toàn về nghĩa vụ tài sản và việc thực hiện hợp đồng.

#### **Điều 15.** Trách nhiệm kinh doanh

1. Người thành lập doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật này tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét hồ sơ đăng ký kinh doanh và cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong thời hạn miễn phí làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ; nếu từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì phải báo bằng văn bản cho người thành lập doanh nghiệp biết. Phải báo rõ nguyên nhân lý do và cơ sở pháp lý của việc từ chối, bổ sung.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; không cơ sở pháp lý của người thành lập doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh không đúng quy định tại Luật này.

4. Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ghi trong văn bản đăng ký theo quy định của pháp luật về thuế.

#### **Điều 16.** Hồ sơ đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân

1. Giấy đăng ký kinh doanh theo mẫu theo quy định của cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền quy định.

2. Bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

3. Văn bản xác nhận về pháp nhân của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về việc doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có văn bản pháp nhân.

4. Ch ng ch hành ngh c a Gi m c và c nhõn kh c i v i doanh nghi p kinh doanh ngành, ngh mà theo quy nh c a pháp lu t ph i có ch ng ch hành ngh .

**i u 17.** H s ng ký kinh doanh c a công ty h p danh

1. Gi y ngh ng ký kinh doanh theo m u th ng nh t do c quan ng ký kinh doanh có th m quy n quy nh.

2. D th o i u l công ty.

3. Danh s ch thành vi n, b n sao Gi y ch ng minh nhõn dõn, H chi u ho c ch ng th c c nhõn h p ph p kh c c a m i thành vi n.

4. V n b n xác nh n v n pháp nh c a c quan, t ch c có th m quy n i v i công ty h p danh kinh doanh ngành, ngh mà theo quy nh c a pháp lu t ph i có v n pháp nh.

5. Ch ng ch hành ngh c a thành vi n h p danh và c nhõn kh c i v i công ty h p danh kinh doanh ngành, ngh mà theo quy nh c a pháp lu t ph i có ch ng ch hành ngh .

**i u 18.** H s ng ký kinh doanh c a công ty tr ch nhi m h u h n

1. Gi y ngh ng ký kinh doanh theo m u th ng nh t do c quan ng ký kinh doanh có th m quy n quy nh.

2. D th o i u l công ty.

3. Danh s ch thành vi n và c c gi y t k m theo sau ây:

a) i v i thành vi n là c nhõn: b n sao Gi y ch ng minh nhõn dõn, H chi u ho c ch ng th c c nhõn h p ph p kh c;

b) i v i thành vi n là t ch c: b n sao quy t nh thành l p, Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh ho c tài li u t ng ng khác c a t ch c; v n b n u quy n, Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a ng i i đi n theo u quy n.

i v i thành vi n là t ch c n c ngoài th b n sao Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh ph i có ch ng th c c a c quan n i t ch c ó ó ng ký không quá ba tháng tr c ngày n p h s ng ký kinh doanh.

4. V n b n xác nh n v n pháp nh c a c quan, t ch c có th m quy n i v i công ty kinh doanh ngành, ngh mà theo quy nh c a pháp lu t ph i có v n pháp nh.

5. Ch ng ch hành ngh c a Gi m c ho c T ng giám c và c nhõn kh c i v i công ty kinh doanh ngành, ngh mà theo quy nh c a pháp lu t ph i có ch ng ch hành ngh .

**i u 19.** H s ng ký kinh doanh c a công ty c ph n

1. Gi y ngh ng ký kinh doanh theo m u th ng nh t do c quan ng ký kinh doanh có th m quy n quy nh.

2. D th o i u l công ty.

3. Danh sách c ông sáng l p và c c gi y t k m theo sau ây:



1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện.
2. Ngành, nghề kinh doanh.
3. Văn bản; cách thức tăng và giảm vốn.
4. Hội đồng quản trị, chủ tịch và các thành viên khác của các thành viên hợp danh; địa chỉ của công ty hợp danh; thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn; các công tác viên của công ty cổ phần.
5. Phân bổ vốn góp và giá trị vốn góp của mỗi thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh; số phần trăm công tác viên, lợi ích phần trăm, mức giá cổ phần và tài sản quy định chào bán tại nơi của công ty cổ phần.
6. Quy định và nghĩa vụ của thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; các công tác viên của công ty cổ phần.
7. Cấu trúc quản lý.
8. Nguyên tắc đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần.
9. Thông tin thông qua quy định của công ty; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ.
10. Chức năng và phạm vi xác định lao động, tài sản và trách nhiệm của người quản lý và thành viên Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên.
11. Nghĩa vụ hợp thành viên của chủ yếu của công ty mua lại phần vốn góp của công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần của công ty cổ phần.
12. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế và xử lý lợi trong kinh doanh.
13. Cấu trúc hợp giải thích, trách nhiệm giải thích và thủ tục thanh lý tài sản của công ty.
14. Thông tin xã hội, bổ sung của công ty.
15. Hội đồng quản trị, chủ tịch của các thành viên hợp danh của công ty hợp danh; địa chỉ đại diện theo pháp luật, địa chỉ của công ty, của các thành viên hoặc người đại diện theo ủy quyền của công ty trách nhiệm hữu hạn; địa chỉ đại diện theo pháp luật, của các công tác viên, người đại diện theo ủy quyền của công tác viên của công ty cổ phần.
16. Các nội dung khác do thành viên, công tác viên thỏa thuận nhưng không trái với quy định của pháp luật.

**Điều 23.** Danh sách thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, danh sách công tác viên của công ty cổ phần

Danh sách thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, danh sách công tác viên của công ty cổ phần lập theo mẫu thống nhất do cơ quan đăng ký kinh doanh quy định và phải có nội dung chủ yếu sau đây:

1. Hội đồng quản trị, chủ tịch, địa chỉ trụ sở và các thành viên khác của thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh; các công tác viên của công ty cổ phần.

2. Ph n v n gúp, gi tr v n gúp, lo i tài s n, s l ng, gi tr c a t ng lo i tài s n gúp v n, th i h n gúp v n c a t ng thành vi n i v i công ty trách nhi m h u h n, công ty h p danh; s l ng c ph n, lo i c ph n, lo i tài s n, s l ng tài s n, gi tr c a t ng lo i tài s n gúp v n c ph n c a t ng c ông sáng l p i v i c ng ty c ph n.

3. H , t n, ch ký c a ng i i di n theo pháp lu t c a thành vi n, c ông sáng l p ho c c a i di n theo u quy n c a h i v i công ty trách nhi m h u h n và c ng ty c ph n; c a thành vi n h p danh i v i công ty h p danh.

#### **í u 24.** i u ki n c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh

Doanh nghi p c c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh khi có các i u ki n sau ây:

1. Ngành, ngh ng ký kinh doanh không thu c l nh v c c m kinh doanh;

2. T n c a doanh nghi p c t theo úng quy nh t i các í u 31, 32, 33 và 34 c a Lu t này;

3. Có tr s chính theo quy nh t i kho n 1 í u 35 c a Lu t này;

4. Có h s ng ký kinh doanh h p l theo quy nh c a pháp lu t;

5. N p l phí ng ký kinh doanh theo quy nh c a pháp lu t.

L phí ng ký kinh doanh c xác nh c n c vào s l ng ngành, ngh ng ký kinh doanh; m c l phí c th do Chính ph quy nh.

#### **í u 25.** N i dung Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh

1. T n, a ch tr s chính c a doanh nghi p, chi nhánh, v n ph ng i di n.

2. H , t n, a ch th ng trú, qu c t ch, s Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a ng i i di n theo pháp lu t c a doanh nghi p.

3. H , t n, a ch th ng trú, qu c t ch, s Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c c nhõn h p ph p kh c c a thành vi n ho c c ông sáng l p là c nhõn; s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh c a ch s h u công ty, c a thành vi n ho c c ông sáng l p là t ch c i v i công ty trách nhi m h u h n và c ng ty c ph n; h , t n, a ch th ng trú, qu c t ch, s Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a thành vi n h p danh i v i công ty h p danh; h , t n, a ch th ng trú, s Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c c nhõn h p ph p kh c c a ch s h u c ng ty là c nhõn ho c ch doanh nghi p t nhõn.

4. V n i u l i v i công ty trách nhi m h u h n và c ng ty h p danh; s c ph n và gi tr v n c ph n ó gúp và s c ph n c quy n chào b n i v i công ty c ph n; v n u t ban u i v i doanh nghi p t nhõn; v n pháp nh i v i doanh nghi p kinh doanh ngành, ngh i h i ph i cú v n ph p nh.

5. Ngành, ngh kinh doanh.

#### **í u 26.** Thay i n i dung ng ký kinh doanh

1. Khi thay i t n, a ch tr s chính, chi nhánh, v n ph ng i di n, m c ti u và ngành, ngh kinh doanh, v n i ul ho c s c ph n c quy n chào b n, v n ut c a ch doanh nghi p, thay i ng i i di n theo pháp lu t c a doanh nghi p và c c v n khác trong n i dung h s ng ký kinh doanh th doanh nghi p phi ng ký v i c quan ng ký kinh doanh trong th i h n m i ngày làm vi c, k t ngày quy t nh thay i.

2. Tr ng h p có thay i n i dung c a Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh, doanh nghi p c c p l i Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh.

3. Tr ng h p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh b m t, b rách, b cháy ho c b tí u hu đ i h nh th c kh c, doanh nghi p c c p l i Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh và ph i tr ph .

#### **i u 27. Cung c p th ng tin v n i dung ng ký kinh doanh**

1. Trong th i h n b y ngày làm vi c, k t ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh ho c ch ng nh n thay i ng ký kinh doanh, c quan ng ký kinh doanh ph i thông báo n i dung gi y ch ng nh n ó cho c quan thu , c quan th ng k , c quan nhà n c cú th m quy n kh c c ng c p, U ban nhõn dõn huy n, qu n, th xó, thành ph thu c t nh và U ban nhõn dõn xó, ph ng, th tr n n i doanh nghi p t tr s chính.

2. T ch c, cá nhân c quy n y u c c quan ng ký kinh doanh cung c p thông tin v n i dung ng ký kinh doanh; c p b n sao Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh, ch ng nh n thay i ng ký kinh doanh ho c b n trích l c n i dung ng ký kinh doanh và ph i tr ph theo quy nh c a pháp lu t.

3. C quan ng ký kinh doanh có ngh a v cung c p y và k p th i c c th ng tin v n i dung ng ký kinh doanh theo y u c u c a t ch c, c nhõn quy nh t i kho n 2 i u này.

#### **i u 28. Công b n i dung ng ký kinh doanh**

1. Trong th i h n ba m i ngày k t ngày c c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh, doanh nghi p phi ng tr n m ng th ng tin doanh nghi p c a c quan ng ký kinh doanh ho c m t trong các lo i t báo vi t ho c báo i n t trong ba s li n ti p v c c n i dung ch y u sau ây:

a) T n doanh nghi p;

b) a ch tr s chính c a doanh nghi p, chi nhánh, v n ph ng i di n;

c) Ngành, ngh kinh doanh;

d) V n i ul i v i công ty trách nhi m h u h n, công ty h p danh; s c ph n và gi tr v n c ph n ó gúp và s c ph n c quy n phát hành i v i công ty c ph n; v n ut ban u i v i doanh nghi p t nh n; v n pháp nh i v i doanh nghi p kinh doanh ngành, ngh i h i ph i cú v n ph p nh;

) H , t n, a ch , qu c t ch, s Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh c a ch s h u, c a thành vi n ho c c ông sáng l p;

e) Hộ, gia đình, cá nhân tự nguyện, quy mô nhỏ, sản xuất kinh doanh minh bạch nhân dân, Hộ chi trả hoặc chi trả cá nhân hợp pháp khác cá nhân đi đầu theo pháp luật của doanh nghiệp;

g) Ngân ký kinh doanh.

2. Trong trường hợp thay đổi nội dung ngân ký kinh doanh, doanh nghiệp phải công bố nội dung ngân ký thay đổi đó trong thời hạn và theo phương thức quy định tại khoản 1 điều này.

### **điều 29.** Chuyển quy định về tài sản

1. Thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và công ty cổ phần phải chuyển quy định về tài sản góp vốn cho công ty theo quy định sau đây:

a) Đối với tài sản có ngân ký hoặc giá trị quy định bằng tiền góp vốn phải làm thủ tục chuyển quy định về tài sản đó hoặc quy định bằng tiền cho công ty để quản lý theo đúng quy định.

Việc chuyển quy định về tài sản góp vốn bằng tiền phải thực hiện;

b) Đối với tài sản bằng ngân ký quy định về, việc góp vốn phải thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn đúng như nội dung ghi nhận.

Bên nhận giao nhận phải ghi rõ tên và địa chỉ thực chính của công ty; hộ, gia đình, cá nhân tự nguyện, sản xuất kinh doanh minh bạch nhân dân, Hộ chi trả hoặc chi trả cá nhân hợp pháp khác, quy định thành lập hoặc ngân ký cá nhân góp vốn; loại tài sản và số vốn tài sản góp vốn; tên người trả tài sản góp vốn và tài sản cá nhân người trả tài sản đó trong vốn điều lệ của công ty; ngày giao nhận; ngân ký cá nhân góp vốn hoặc đi đầu theo quy định của ngân ký góp vốn và ngân ký đi đầu theo pháp luật của công ty;

c) Công nhân hoặc nhân viên góp bằng tài sản bằng tiền là tiền Việt Nam, ngoại tệ do chuyển đổi, vàng hoặc các loại thanh toán xong khi quy định về hợp pháp đối với tài sản góp vốn đó chuyển sang công ty.

2. Tài sản quy định vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì nhân không phải làm thủ tục chuyển quy định về cho doanh nghiệp.

### **điều 30.** Định giá tài sản góp vốn

1. Tài sản góp vốn bằng tiền là tiền Việt Nam, ngoại tệ do chuyển đổi, vàng phải có các thành viên, công đồng sáng lập hoặc các định giá chuyển nhượng định giá.

2. Tài sản góp vốn khi thành lập doanh nghiệp phải có các thành viên, công đồng sáng lập định giá theo nguyên tắc như sau; nếu tài sản góp vốn có định giá cao hơn so với giá trị thực tế thì phải có ngân ký góp vốn thực của thành viên, công đồng sáng lập liên hệ chịu trách nhiệm về việc các khoản và nghĩa vụ tài sản bằng tiền của công ty bằng số chênh lệch giữa giá trị thực và giá trị thực của tài sản góp vốn thì phải có ngân ký thực của ngân ký.

3. Tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động do doanh nghiệp và ngân ký góp vốn theo thu nhập định giá hoặc do mất thực của định giá chuyển nhượng định giá. Trường hợp thực của định giá chuyển nhượng định giá thì người trả tài sản góp vốn phải có ngân ký góp vốn và doanh nghiệp chấp thu; nếu tài sản góp vốn có định giá cao hơn giá trị thực tế thì phải có ngân ký góp vốn thực của ngân ký góp vốn hoặc thực của định giá và ngân ký đi đầu theo pháp luật





1. Văn phòng đại diện là văn phòng thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của doanh nghiệp và bảo vệ các lợi ích đó. Thành lập và hoạt động của văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật.

2. Chi nhánh là văn phòng thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Giám đốc kinh doanh là người hoạt động kinh doanh thực của doanh nghiệp để thực hiện. Giám đốc kinh doanh có thể ngoài nước ký trữ chấp hành.

4. Chi nhánh, văn phòng đại diện và giám đốc kinh doanh phải mang tên của doanh nghiệp, kèm theo phần bổ sung tên ngành nghề chi nhánh, văn phòng đại diện và giám đốc kinh doanh đó.

5. Doanh nghiệp có quy định chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước và nước ngoài. Doanh nghiệp có thể tạm thời ủy quyền văn phòng đại diện, chi nhánh tạm thời chấp hành theo địa chỉ hành chính. Trượt và thực hiện chi nhánh, văn phòng đại diện do Chính phủ quy định.

### CHƯƠNG III CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

#### MỤC I CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRÊN

**Điều 38.** Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trên

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn là doanh nghiệp, trong đó:

a) Thành viên có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng thành viên không vượt quá năm mươi;

b) Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn cam kết góp vào doanh nghiệp;

c) Phần vốn góp của thành viên chuyển nhượng theo quy định tại các điều 43, 44 và 45 của Luật này.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn có thể chấp thuận khoản nợ ngày lập Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Công ty trách nhiệm hữu hạn không được quy định phát hành cổ phiếu.

**Điều 39.** Thành viên góp vốn và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp

1. Thành viên phải góp vốn đầy đủ và ứng hiện bằng tài sản góp vốn nhằm có cam kết. Trường hợp thành viên thay đổi tài sản góp vốn có cam kết thì phải thực hiện thủ tục của các thành viên cần lập; công ty thông báo bằng văn bản nội dung thay đổi đó cho

quan hệ ký kinh doanh trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày chấp thuận thay đổi.

Người đi đăng ký theo pháp luật của công ty phi thông báo bằng văn bản thì nộp góp vốn đăng ký của quan hệ ký kinh doanh trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày cam kết góp vốn và phi chủ trách nhiệm của công ty và người khác do thẩm định thẩm tra hoặc thẩm định thẩm tra, thẩm định thẩm tra, thẩm định thẩm tra.

2. Trường hợp cú thành viên không góp và ứng dụng vốn có cam kết thì số vốn của góp coi là của thành viên ở vị công ty; thành viên ở phi chủ trách nhiệm bị thẩm định thẩm tra phát sinh do không góp và ứng dụng vốn có cam kết.

3. Sau thời hạn cam kết lần cuối mà vẫn cú thành viên của góp số vốn có cam kết thì số vốn của góp xử lý theo một trong các cách sau đây:

a) Mất hoặc mất thành viên nhận góp số vốn của góp;

b) Huy động người khác công góp vốn vào công ty;

c) Các thành viên của góp số vốn của góp theo một phần vốn góp của họ trong vốn của công ty.

Sau khi số vốn của góp theo quy định này, thành viên của góp vốn theo cam kết đăng ký kinh doanh là thành viên của công ty và công ty phi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật này.

4. Thời điểm góp giá trị phần vốn góp, thành viên của công ty chấp hành nghĩa vụ phần vốn góp. Giấy chấp hành phần vốn góp có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b) Số và ngày chấp hành nghĩa vụ phần vốn góp;

c) Vốn của công ty;

d) Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch, số Giấy chấp hành nghĩa vụ nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của thành viên là công dân; tên, địa chỉ, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của thành viên là nước ngoài;

e) Phần vốn góp, giá trị vốn góp của thành viên;

f) Số và ngày chấp hành nghĩa vụ phần vốn góp;

g) Họ, tên, chữ ký của người đi đăng ký theo pháp luật của công ty.

5. Trường hợp chấp hành nghĩa vụ phần vốn góp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hư hỏng thì thẩm định thẩm tra, thành viên của công ty chấp hành nghĩa vụ phần vốn góp.

#### **Điều 40. Đăng ký thành viên**

1. Công ty phi lập số đăng ký thành viên ngay sau khi đăng ký kinh doanh. Số đăng ký thành viên phi có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b) Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch, số Giấy chấp hành nghĩa vụ nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của thành viên là công dân; tên, địa chỉ, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của thành viên là nước ngoài;

trú, quyết định, quy định thành lập hoặc ngừng ký kinh doanh và vị thành niên là thành viên;

c) Giá trị vốn góp thì ít thì nhiều góp vốn và phần vốn góp của từng thành viên; thì ít thì nhiều góp vốn; lợi tài sản góp vốn, số lãi, chi phí của lợi tài sản góp vốn;

d) Chế độ ký của thành viên là cá nhân hoặc cá nhân đi theo pháp luật của thành viên là thành viên;

đ) Số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của từng thành viên.

2. Số ngừng ký thành viên của người trực tiếp của công ty.

#### **Điều 41.** Quy định của thành viên

1. Thành viên của công ty trực tiếp hai thành viên trở lên có các quy định sau đây:

a) Tham dự họp Hội đồng thành viên, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;

b) Cử đại biểu ủy quyền người đại diện phần vốn góp;

c) Kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép hoặc trích lục sổ ngừng ký thành viên, sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên, các giấy tờ và tài liệu khác của công ty;

d) Được chia lợi nhuận người đại diện phần vốn góp sau khi công ty nộp thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

đ) Được chia giá trị tài sản của công ty từng người đại diện phần vốn góp khi công ty giải thể hoặc phá sản;

e) Được ưu tiên góp thêm vốn vào công ty khi công ty tăng vốn điều lệ; được quy định chuyển nhượng phần vốn hoặc toàn bộ phần vốn góp theo quy định của Luật này;

g) Khi quyền hoặc quyền lợi của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc khi không thực hiện đúng nghĩa vụ, gây thiệt hại lợi ích của thành viên hoặc công ty theo quy định của pháp luật;

h) Nhận phần vốn góp của mình bằng chuyển nhượng, thế chấp, tặng cho và các cách khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty;

i) Các quy định khác theo quy định của Luật này và điều lệ công ty.

2. Thành viên hoặc nhóm thành viên sở hữu từ 25% vốn điều lệ hoặc một phần khác nhận được từ công ty quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này, có quyền yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền.

3. Trường hợp công ty có một thành viên sở hữu từ 75% vốn điều lệ và điều lệ công ty không quy định một phần khác nhận được theo quy định tại khoản 2 điều này thì các thành viên thì sử dụng nhau lợi ích như các quy định quy định tại khoản 2 điều này.

#### **Điều 42.** Nghĩa vụ của thành viên

1. Góp, ủng hộ số vốn có cam kết và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn có cam kết góp vào công ty; không

rút vốn có giúp ra khỏi công ty để tìm kiếm thị trường, trừ trường hợp quy định tại các điều 43, 44, 45 và 60 của Luật này.

2. Tuân thủ nội quy công ty.

3. Chấp hành quy định của Hội đồng thành viên.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty thực hiện các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khách hàng nhằm mục đích lợi ích cá nhân công ty và gây thiệt hại cho người khác;

c) Thanh toán các khoản nợ của nhân viên trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

### **Điều 43. Mua lại phần vốn góp**

1. Thành viên có quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp của mình, nếu thành viên đó bị phiêu không tán thành với quyết định của Hội đồng thành viên về các vấn đề sau đây:

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung trong nội quy công ty liên quan đến quyền và nghĩa vụ của thành viên, Hội đồng thành viên;

b) Tổ chức lại công ty;

c) Các trường hợp khác quy định tại nội quy công ty.

Yêu cầu mua lại phần vốn góp phải bằng văn bản và được gửi công ty trong thời hạn một tháng kể từ ngày thông qua quyết định của Hội đồng thành viên về các vấn đề và khoản này.

2. Khi có yêu cầu của thành viên quy định tại khoản 1 điều này, nếu không thỏa thuận về giá trị công ty phải mua lại phần vốn góp của thành viên đó theo giá trị trường hợp giá trị thực theo nguyên tắc quy định tại nội quy công ty trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận yêu cầu. Việc thanh toán chỉ thực hiện sau khi thanh toán phần vốn góp của người mua lại, công ty vẫn thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

3. Nếu công ty không mua lại phần vốn góp theo quy định tại khoản 2 điều này thì thành viên đó có quyền chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho thành viên khác hoặc người khác không phải là thành viên.

### **Điều 44. Chuyển nhượng phần vốn góp**

Trừ trường hợp quy định tại khoản 6 điều 45 của Luật này, thành viên công ty thực hiện nghĩa vụ của hai thành viên trở lên có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác theo quy định sau đây:

1. Phải chào bán phần vốn góp cho các thành viên còn lại theo thứ tự ưu tiên của phần vốn góp của họ trong công ty trước người khác;

2. Chủ tịch chuyên nhậm cho người không phải là thành viên của thành viên của công ty kinh doanh mua hoặc kinh doanh mua hàng trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày chào bán.

#### **Điều 45. Xử lý phần vốn góp trong các trường hợp khác**

1. Trong trường hợp thành viên là cá nhân chết hoặc Tòa án tuyên bố là mất thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của thành viên đó là thành viên của công ty.

2. Trong trường hợp phần vốn của thành viên bị hạn chế hoặc bị mất thì người hành vi dẫn sự kiện và nghĩa vụ của thành viên đó trong công ty được ghi nhận thông qua người giám hộ.

3. Phần vốn góp của thành viên của công ty mua lại hoặc chuyển nhượng theo quy định tại Điều 43 và Điều 44 của Luật này trong các trường hợp sau đây:

a) Người thừa kế kế thừa mua trở thành thành viên;

b) Người chết theo quy định khoản 5 Điều này khi người thừa kế ghi nhận thành viên chấp thuận làm thành viên;

c) Thành viên là tổ chức bị giải thể hoặc phá sản.

4. Trường hợp phần vốn góp của thành viên là cá nhân chết mà người kế thừa không có người thừa kế, người thừa kế thừa kế hoặc bị mất quyền thừa kế thì phần vốn góp đó sẽ quy định theo quy định của pháp luật dân sự.

5. Thành viên có quyền tố tụng cho một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình tại công ty cho người khác.

Trường hợp người chết cho là người có quyền huyết thống thì người thừa kế thừa kế là thành viên của công ty. Trường hợp người chết cho là người khác thì người thừa kế thừa kế thành viên của công ty khi người thừa kế ghi nhận thành viên chấp thuận.

6. Trường hợp thành viên sử dụng phần vốn góp trên thực tế thì người nhận thanh toán có quyền sử dụng phần vốn góp đó theo một trong hai cách sau đây:

a) Trở thành thành viên của công ty nếu người thừa kế ghi nhận thành viên chấp thuận;

b) Chào bán và chuyển nhượng phần vốn góp đó theo quy định tại Điều 44 của Luật này.

#### **Điều 46. Cấu trúc quản lý công ty**

Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Công ty trách nhiệm hữu hạn có tối thiểu một thành viên trở lên phải thành lập Ban kiểm soát; trường hợp chủ tịch Hội đồng thành viên, chủ tịch Ban kiểm soát phải là người khác với người quản lý công ty. Quy định, nghĩa vụ, tiêu chuẩn, điều kiện và chức năng làm việc của Ban kiểm soát, Trường ban kiểm soát do Hội đồng công ty quy định.

Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người đi đầu theo pháp luật của công ty theo quy định tại Hội đồng công ty. Người đi đầu theo pháp luật của công ty phải là người đứng đầu là Việt Nam; trường hợp vắng mặt Việt Nam trên ba mươi

ngày thanh lý quy định và ngân sách cho người khác theo quy định của công ty theo các quy định và ngân sách của người đi theo pháp luật của công ty.

#### **Điều 47. Hội đồng thành viên**

1. Hội đồng thành viên gồm các thành viên, là các quan quản lý cao nhất của công ty. Thành viên là tất cả các thành viên đi theo quy định tham gia Hội đồng thành viên của công ty quy định như thể hiện trong Điều lệ Hội đồng thành viên, như thể hiện trong nội dung pháp luật.

2. Hội đồng thành viên có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- b) Quyết định tổng hợp giám đốc điều hành, quyết định thẩm định và phê duyệt ngân sách;
- c) Quyết định phê duyệt và đầu tư có giá trị trên 50% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính thẩm định công bố hàng năm của công ty hoặc một lần khác như quy định của công ty;
- d) Quyết định giám sát phát triển thương mại, tiếp thị và chuyển giao công nghệ; thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính thẩm định công bố hàng năm của công ty hoặc một lần khác như quy định của công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, kỷ và chấm dứt hợp đồng với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác quy định của công ty;
- f) Quyết định mở, đóng và liên kết với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác quy định của công ty;
- g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, phê duyệt sơ đồ và phân chia lợi nhuận hoặc phân bổ lợi nhuận;
- h) Quyết định các chủ đề quan trọng;
- i) Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đi;
- k) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- l) Quyết định thành lập công ty;
- m) Quyết định ghi nợ hoặc ưu đãi;
- n) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

#### **Điều 48. Người đi theo quy định**

1. Việc chấp thuận người đi theo quy định phải được thông báo công ty và các quan quản lý kinh doanh trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày chấp thuận. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ, số chính, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc kinh doanh;

b) T l v n gúp, s và ngày c p gi y ch ng nh n ph n v n gúp;

c) H , t n, a ch th ng trú, qu c t ch, s Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a ng i i di n theo u quy n c ch nh;

d) Th i h n u quy n;

) H , t n, ch ký c a ng i i di n theo pháp lu t c a thành vi n, c a ng i i di n theo u quy n c a thành vi n.

Vi c thay th ng i i di n theo u quy n ph i c thông báo b ng v n b n cho công ty và c quan ng ký kinh doanh trong th i h n b y ngày làm vi c, k t ngày quy t nh và cú hi u l c k t ngày c ng ty nh n c thông báo.

2. Ng i i di n theo u quy n ph i cú c c ti u chu n và i u ki n sau ây:

a) n ng l c hành vi dõn s ;

b) Không thu c i t ng b c m thành l p và qu n lý doanh nghi p;

c) Cú tr nh chuy n m n, kinh nghi m trong qu n lý kinh doanh ho c trong ngành, ngh kinh doanh ch y u c a c ng ty;

d) i v i công ty con c a công ty có ph n v n góp hay c ph n s h u nhà n c chi m tr n 50% v n i u l th v ho c ch ng, cha, cha nu i, m , m nu i, con, con nu i, anh, ch , em ru t c a ng i qu n lý và c a ng i cú th m quy n b nhi m ng i qu n lý công ty m không c c làm ng i i di n theo u quy n t i công ty con.

3. Ng i i di n theo u quy n nhân danh thành vi n th c hi n c c quy n và ngh a v c a thành vi n H i ng thành vi n theo quy nh c a Lu t này. M i h n ch c a thành vi n i v i ng i i di n theo u quy n c a m nh trong vi c th c hi n c c quy n thành vi n th ng qua H i ng thành vi n u không có hi u l c pháp lý i v i b n th ba.

4. Ng i i di n theo u quy n có ngh a v tham d y các cu c h p c a H i ng thành vi n; th c hi n c c quy n và ngh a v c a thành vi n H i ng thành vi n m t c ch trung th c, c n tr ng, t t nh t, b o v t i a l i ích h p pháp c a thành vi n và c ng ty.

5. Ng i i di n theo u quy n có s phi u bi u quy t t ng ng v i ph n v n góp c u quy n.

#### **i u 49. Ch t ch H i ng thành vi n**

1. H i ng thành vi n b u m t thành vi n làm Ch t ch. Ch t ch H i ng thành vi n cú th ki m Gi m c ho c T ng giám c công ty.

2. Ch t ch H i ng thành vi n cú c c quy n và nhi m v sau ây:

a) Chu n b ho c t ch c vi c chu n b ch ng tr nh, k ho ch ho t ng c a H i ng thành vi n;

b) Chu n b ho c t ch c vi c chu n b ch ng tr nh, n i dung, tài li u h p H i ng thành vi n ho c l y ý ki n các thành vi n;

c) Tri u t p và ch tr cu c h p H i ng thành vi n ho c t ch c vi c l y ý ki n c c thành vi n;

d) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quy định của Hội đồng thành viên;

đ) Thay mặt Hội đồng thành viên ký các quy định của Hội đồng thành viên;

e) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

3. Nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên không quen thuộc. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể bị bãi nhiệm không hạn chế.

4. Trường hợp Điều lệ công ty quy định Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đi nước ngoài theo pháp luật thì các giấy tờ giao dịch phải ghi rõ điều đó.

5. Trường hợp vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có thành viên ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên không làm việc thì các thành viên cần lập bản meeting trong số các thành viên tạm thời thực hiện quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc atas quá bán.

#### **Điều 50. Trách nhiệm của Hội đồng thành viên**

1. Hội đồng thành viên có trách nhiệm bắt đầu khi nào theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc theo yêu cầu của thành viên hoặc nhóm thành viên quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 41 của Luật này. Cuộc họp của Hội đồng thành viên phải có sự chấp thuận của đa số thành viên công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Chủ tịch Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm về việc chuẩn bị nội dung tài liệu và trách nhiệm của Hội đồng thành viên. Thành viên có quyền kiến nghị bằng văn bản về việc chấp hành nội dung. Kiến nghị phải có nội dung cụ thể sau đây:

a) Họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của thành viên là công dân nước ngoài; tên, địa chỉ, nghề nghiệp, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của thành viên là tổ chức; họ, tên, chức vụ của thành viên hoặc người đi nước ngoài;

b) Thời gian và ngày tiếp xúc với thành viên;

c) Nội dung kiến nghị và yêu cầu chấp hành;

d) Lý do kiến nghị.

Chủ tịch Hội đồng thành viên phải chấp thu kiến nghị và bổ sung việc chấp hành của Hội đồng thành viên nếu kiến nghị có nội dung theo quy định của Điều lệ công ty chính của công ty chậm nhất là ngay lập tức kể từ ngày họp Hội đồng thành viên; trường hợp kiến nghị có nội dung ngay lập tức khi họp thì kiến nghị của chủ tịch ủy quyền các thành viên để chấp hành.

2. Thành viên họp Hội đồng thành viên có thể bằng giấy mặt, điện thoại, fax, telex hoặc các phương tiện khác do Điều lệ công ty quy định và gửi trực tiếp đến thành viên Hội đồng thành viên. Nội dung thông báo họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và việc chấp hành.

Chấp hành và tài liệu họp phải gửi cho thành viên công ty trừ khi họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến quy định của Điều lệ, bổ sung Điều lệ công ty, thông qua phương pháp phát triển công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, t

ch c l i h o c g i i t h c o n g t y p h i c g i n c a c t h a n h v i n c h m n h t h a i n g a y l a m v i c t r c n g a y h p . T h i h n g i c c t a i l i u k h c d o i u l c o n g t y q u y n h .

3. T r n g h p C h t c h H i n g t h a n h v i n k h n g t r i u t p h p H i n g t h a n h v i n t h e o y u c u c a t h a n h v i n , n h u m t h a n h v i n t h e o q u y n h t i k h o n 2 v a k h o n 3 i u 41 c a L u t n a y t r o n g t h i h n m i l m n g a y k t n g a y n h n c y u c u t h t h a n h v i n , n h u m t h a n h v i n o t r i u t p h p H i n g t h a n h v i n ; t r o n g t r n g h p n a y , n u x t t h y c n t h i t , y u c u c q u a n n g k y k i n h d o a n h g i a m s a t v i c t c h c v a t i n h a n h h p H i n g t h a n h v i n ; n g t h i , c o q u y n n h a n d a n h m n h h o c n h o n d a n h c n g t y k h i k i n C h t c h H i n g t h a n h v i n v v i c k h n g t h c h i n u n g n g h a v q u n l y , g a y t h i t h i n l i i c h h p p h a p c a h .

4. T r n g h p i u l c o n g t y k h o n g q u y n h t h y u c u t r i u t p h p H i n g t h a n h v i n t h e o q u y n h t i k h o n 3 i u n a y p h i b n g v n b n , c o c a c n i d u n g c h y u s a u a y :

a) H , t n , a c h t h n g t r u , q u c t c h , s G i y c h n g m i n h n h a n d a n , H c h i u h o c c h n g t h c c a n h a n h p p h a p k h a c i v i t h a n h v i n l a c n h o n ; t n , a c h t h n g t r u , q u c t c h , s q u y t n h t h a n h l p h o c s n g k y k i n h d o a n h i v i t h a n h v i n l a t c h c ; t l v n g u p , s v a n g a y c p g i y c h n g n h n p h n v n g u p c a t n g t h a n h v i n y u c u ;

b) L y d o y u c u t r i u t p h p H i n g t h a n h v i n v a v n c n g i i q u y t ;

c) D k i n c h n g t r n h h p ;

d) H , t n , c h k y c a t n g t h a n h v i n y u c u h o c n g i i d i n t h e o u q u y n c a h .

5. T r n g h p y u c u t r i u t p h p H i n g t h a n h v i n k h n g c u n i d u n g t h e o q u y n h t i k h o n 4 i u n a y t h C h t c h H i n g t h a n h v i n p h i t h n g b o b n g v n b n c h o t h a n h v i n , n h u m t h a n h v i n c u l i n q u a n b i t t r o n g t h i h n b y n g a y l a m v i c , k t n g a y n h n c y u c u .

T r o n g c a c t r n g h p k h a c , C h t c h H i n g t h a n h v i n p h i t r i u t p h p H i n g t h a n h v i n t r o n g t h i h n m i l m n g a y , k t n g a y n h n c y u c u .

T r n g h p C h t c h H i n g t h a n h v i n k h n g t r i u t p h p H i n g t h a n h v i n t h e o q u y n h t h p h i c h u t r c h n h i m c n h o n t r c p h p l u t v t h i t h i x y r a i v i c o n g t y v a t h a n h v i n c u l i n q u a n c a c n g t y . T r o n g t r n g h p n a y , t h a n h v i n h o c n h u m t h a n h v i n o y u c u c u q u y n t r i u t p h p H i n g t h a n h v i n . C h i p h h p l y c h o v i c t r i u t p v a t i n h a n h h p H i n g t h a n h v i n s c o n g t y h o a n l i .

### **i u 51.** i u k i n v a t h t h c t i n h a n h h p H i n g t h a n h v i n

1. C u c h p H i n g t h a n h v i n c t i n h a n h k h i c u s t h a n h v i n d h p i d i n i t n h t 75% v n i u l ; t l c t h d o i u l c o n g t y q u y n h .

2. T r n g h p c u c h p l n t h n h t k h o n g i u k i n t i n h a n h t h e o q u y n h t i k h o n 1 i u n a y t h c t r i u t p h p l n t h h a i t r o n g t h i h n m i l m n g a y , k t n g a y d n h h p l n t h n h t . C u c h p H i n g t h a n h v i n t r i u t p l n t h h a i c t i n h a n h k h i c u s t h a n h v i n d h p i d i n i t n h t 50% v n i u l ; t l c t h d o i u l c o n g t y q u y n h .

3. Trường hợp cụ thể lần thứ hai không có người nhận hành theo quy định khoản 2 của Điều này thì người tiếp nhận lần thứ ba trong thời hạn một ngày làm việc, kể từ ngày đăng ký lần thứ hai. Trong trường hợp này, người nhận thành viên có thể nhận hành khi người nhận thành viên đăng ký và số vốn đầu tư của người nhận thành viên đăng ký.

4. Thành viên, người nhận theo quy định của thành viên phải tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên. Thủ tục nhận hành của Hội đồng thành viên, hình thức biểu quyết do người nhận công ty quy định.

#### **Điều 52. Quy định của Hội đồng thành viên**

1. Hội đồng thành viên thông qua các quy định thu nhập quy định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lý do kinh doanh và báo cáo kinh doanh của người nhận công ty quy định.

Trong trường hợp người nhận công ty không có quy định khác thì quy định về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên:

- a) Sãi, bổ sung người nhận công ty;
- b) Quy định phân bổ lợi nhuận công ty;
- c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
- d) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- e) Tổ chức liquidation công ty.

2. Quy định của Hội đồng thành viên được thông qua tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:

- a) Các số vốn đầu tư ít nhất 65% tổng số vốn góp của các thành viên đăng ký chấp thuận; tài sản do người nhận công ty quy định;
- b) Các số vốn đầu tư ít nhất 75% tổng số vốn góp của các thành viên đăng ký chấp thuận và việc quy định bán tài sản cố định bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty hoặc một lần khác hàng năm quy định tại người nhận công ty, sãi, bổ sung người nhận công ty, tổ chức liquidation, liquidation công ty; tài sản do người nhận công ty quy định.

3. Quy định của Hội đồng thành viên được thông qua dưới hình thức lý do kinh doanh và báo cáo tài chính hàng năm khi các thành viên đầu tư ít nhất 75% vốn đầu tư chấp thuận; tài sản do người nhận công ty quy định.

#### **Điều 53. Biên bản họp Hội đồng thành viên**

1. Các cuộc họp Hội đồng thành viên phải được ghi vào sổ biên bản của công ty.
2. Biên bản họp Hội đồng thành viên phải làm xong và thông qua ngay trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có nội dung chi tiết sau đây:
  - a) Thời gian và địa điểm họp; mục đích, chương trình họp;

b) Hội đồng quản trị và ngày công bố quyết định thành lập, ngày công bố quyết định thành lập, ngày công bố quyết định thành lập;

c) Văn bản công bố và biên bản họp; tóm tắt ý kiến phản ánh thành văn bản công bố;

d) Tổng số phiếu bầu quy định thành, khối lượng thành, khối lượng ý kiến phản ánh;

) Các quy định khác thông qua;

e) Hội đồng, chủ tịch thành lập, ngày công bố quyết định thành lập.

**Điều 54.** Thủ tục thông qua quy định của Hội đồng thành lập theo hình thức lý luận kinh doanh văn bản

Trên hình thức lập công ty không quy định thành lập và thủ tục lý luận kinh doanh thành lập văn bản thông qua quy định khác chi tiết theo quy định sau đây:

1. Chủ tịch Hội đồng thành lập quy định về lý luận kinh doanh thành lập văn bản thông qua quy định các văn bản thu xếp thành lập;

2. Chủ tịch Hội đồng thành lập có trách nhiệm tổ chức việc soạn thảo, ghi chép, tổ chức văn bản nội dung quy định, đồng thời quy định và phê duyệt ý kiến các thành lập Hội đồng thành lập.

Phiên lý luận kinh doanh có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày công bố Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh của công ty;

b) Hội đồng, địa chỉ, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hội đồng hoặc chủ tịch cá nhân hợp pháp khác, tài sản văn bản nội dung của thành lập Hội đồng thành lập;

c) Văn bản lý luận kinh doanh và ý kiến trả lời theo thủ tục thành lập, khối lượng thành lập và khối lượng ý kiến;

d) Thời hạn cuộc họp nghị quyết phiên lý luận kinh doanh;

) Hội đồng, chủ tịch của Chủ tịch và thành lập Hội đồng thành lập.

Phiên lý luận kinh doanh có nội dung ý, chính xác thành lập kinh doanh trong thời hạn quy định coi là hợp lệ;

3. Chủ tịch Hội đồng thành lập tổ chức việc kiểm tra, lập báo cáo và thông báo kết quả kiểm tra, quy định khác thông qua các thành lập trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn mà thành lập nghị quyết kinh doanh. Báo cáo kết quả kiểm tra phải có nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật này.

**Điều 55.** Giám đốc hoặc Tổng giám đốc

1. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty là người chịu trách nhiệm quản lý kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quy định và nhiệm vụ của mình.

2. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Thực hiện các quy định của Hội đồng thành viên;
- b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty;
- c) Thực hiện kế hoạch kinh doanh và phân bổ nguồn lực của công ty;
- d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;

f) Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên;

g) Kiến nghị phân bổ nguồn lực cho công ty;

h) Trình báo cáo quy định tài chính hàng năm lên Hội đồng thành viên;

i) Kiến nghị phân bổ nguồn lực như nhu cầu xử lý trong kinh doanh;

k) Tuyển dụng lao động;

l) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật công ty, hợp đồng lao động mà Giám đốc hoặc Tổng giám đốc ký với công ty theo quy định của Hội đồng thành viên.

**Điều 56.** Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc

1. Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện các quy định và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tận tâm nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty và chủ sở hữu công ty;

b) Trung thành với lợi ích của công ty và chủ sở hữu công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, kinh doanh của công ty; không chiếm đoạt tài sản, tài sản của công ty để lợi ích cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần, phần vốn góp chi phí. Thông báo này cần miễn trừ trách nhiệm và chi nhánh của công ty;

d) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và pháp luật công ty.

2. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không có trách nhiệm, trừ trường hợp khi công ty không có khả năng thanh toán các khoản nợ.

**Điều 57.** Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc

1. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có n ng l c hành vi đôn s và kh ng thu c i t ng b c m qu n lý doanh nghi p theo quy nh c a Lu t này;

b) Là c nhõn s h u t nh t 10% v n i u l c a công ty ho c ng i không ph i là thành vi n, cú tr nh chuy n m n, kinh nghi m th c t trong qu n tr kinh doanh ho c trong c c ngành, ngh kinh doanh ch y u c a c ng ty ho c ti u chu n, i u ki n khác quy nh t i i u l công ty.

2. i v i công ty con c a công ty có ph n v n góp, c ph n c a Nhà n c chi m tr n 50% v n i u l th ngoài c c ti u chu n và i u ki n quy nh t i kho n l i u này, Gi m c ho c T ng giám c không c là v ho c ch ng, cha, cha nu i, m , m nu i, con, con nu i, anh, ch , em ru t c a ng i qu n lý và ng i cú th m quy n b nhi m ng i qu n lý c a c ng ty m .

**i u 58.** Th lao, ti n l ng và th ng c a thành vi n H i ng thành vi n, Gi m c ho c T ng giám c

1. C ng ty cú quy n tr th lao, ti n l ng và th ng cho thành vi n H i ng thành vi n, Gi m c ho c T ng giám c và ng i qu n lý kh c theo k t qu và hi u qu kinh doanh.

2. Th lao, ti n l ng c a thành vi n H i ng thành vi n, Gi m c ho c T ng giám c và ng i qu n lý kh c c tính vào chi ph kinh doanh theo quy nh c a ph p lu t v thu thu nh p doanh nghi p, ph p lu t cú li n quan và ph i c th hi n thành m c ri ng trong b o c tài ch nh h ng n m c a công ty.

**i u 59.** H p ng, giao d ch ph i c H i ng thành vi n ch p thu n

1. H p ng, giao d ch gi a công ty v i các i t ng sau ây ph i c H i ng thành vi n ch p thu n:

a) Thành vi n, ng i i di n theo u quy n c a thành vi n, Gi m c ho c T ng giám c, ng i i di n theo pháp lu t c a công ty;

b) Ng i cú li n quan c a nh ng ng i quy nh t i i m a kho n này;

c) Ng i qu n lý c ng ty m , ng i cú th m quy n b nhi m ng i qu n lý c ng ty m ;

d) Ng i cú li n quan c a ng i quy nh t i i m c kho n này.

Ng i i di n theo pháp lu t c a công ty ph i gi i n các thành vi n H i ng thành vi n, ng th i ni m y t t i tr s ch nh và chi nh nh c a c ng ty đ th o h p ng ho c thông báo n i dung ch y u c a giao d ch đ nh ti n hành. Tr ng h p i u l không quy nh th H i ng thành vi n ph i quy t nh vi c ch p thu n h p ng ho c giao d ch trong th i h n m i l m ngày, k t ngày ni m y t; trong tr ng h p này, h p ng, giao d ch c ch p thu n n u có s ng ý c a s thành vi n i di n ít nh t 75% t ng s v n có quy n bi u quy t. Thành vi n cú li n quan trong c c h p ng, giao d ch không có quy n bi u quy t.

2. H p ng, giao d ch b vô hi u và x lý theo quy nh c a pháp lu t khi c giao k t không úng quy nh t i kho n l i u này. Ng i i di n theo pháp lu t c a công ty, thành vi n cú li n quan và ng i cú li n quan c a thành vi n ó ph i b i th ng thi t h i

phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lãi thu được về các chi phí này, giao dịch đó.

#### **Điều 60. Trường, giảm vốn ưu đãi**

1. Theo quy định của Hội đồng thành viên, công ty có thể tăng vốn ưu đãi bằng các hình thức sau đây:

- a) Tăng vốn góp của thành viên;
- b) Ưu đãi nhận góp vốn ưu đãi tăng giá trị tài sản tăng lên của công ty;
- c) Tiếp nhận vốn góp của thành viên mới.

2. Trường hợp tăng vốn góp của thành viên thì vốn góp thêm sẽ phân chia cho các thành viên theo tỷ lệ tăng giá trị phần vốn góp của họ trong vốn ưu đãi công ty. Thành viên phần ưu đãi quy định tăng thêm vốn ưu đãi có thể không góp thêm vốn. Trong trường hợp này, số vốn góp thêm đó sẽ chia cho các thành viên khác theo tỷ lệ tăng giá trị phần vốn góp của họ trong vốn ưu đãi công ty nếu các thành viên khác có thỏa thuận khác.

Trường hợp tăng vốn ưu đãi bằng việc tiếp nhận thêm thành viên thì sẽ xử lý khác nhau đối với các thành viên, trừ trường hợp ưu đãi công ty có quy định khác.

3. Theo quy định của Hội đồng thành viên, công ty có thể giảm vốn ưu đãi bằng các hình thức sau đây:

a) Hoàn trả một phần vốn góp cho thành viên theo tỷ lệ vốn góp của họ trong vốn ưu đãi của công ty nếu họ rút vốn kinh doanh liên tục trong hai năm, kể từ ngày ngừng ký kinh doanh; ngừng hoạt động thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho thành viên;

b) Mua lại phần vốn góp theo quy định tại Điều 44 của Luật này;

c) Ưu đãi giảm vốn ưu đãi tăng giá trị tài sản giảm xuống của công ty.

4. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày quy định tăng hoặc giảm vốn ưu đãi, công ty phải thông báo bằng văn bản đến các quan hệ ký kinh doanh. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ, số, ngày cấp Giấy chứng nhận ngừng ký kinh doanh, ngày ngừng ký kinh doanh;

b) Họ, tên, địa chỉ, ngành, chức vụ, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực pháp khác của thành viên là cá nhân; tên, địa chỉ, ngành, chức vụ, quy định thành lập hoặc ngừng ký kinh doanh của thành viên là tổ chức; phần vốn góp của mỗi thành viên;

c) Vốn ưu đãi; số vốn đã nhận tăng hoặc giảm;

d) Thời hạn, hình thức tăng hoặc giảm vốn;

e) Họ, tên, chức vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên, người đi kèm theo pháp luật của công ty.

Trong trường hợp tăng vốn ưu đãi, kể từ thời điểm có quy định của Hội đồng thành viên. Trong trường hợp giảm vốn ưu đãi, kể từ thời điểm có quy định

nh của Hội đồng thành viên và báo cáo tài chính ngắn hạn; vì vậy công ty có phần vốn sở hữu ngoài chiếm trên 50% thì báo cáo tài chính phải được xác nhận của kiểm toán độc lập.

Các quan hệ ký kinh doanh được ký với công ty hoặc giám đốc trong thời hạn một ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

#### **Điều 61. Điều kiện chia lợi nhuận**

Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các thành viên khi công ty kinh doanh có lãi, có hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đồng thời vẫn phải báo明 thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác trước khi chia lợi nhuận.

#### **Điều 62. Thu hồi phần vốn góp có hoàn trả lợi nhuận có chia**

Trường hợp hoàn trả một phần vốn góp do giám đốc điều hành trái với quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 60 của Luật này hoặc chia lợi nhuận cho thành viên trái với quy định tại Điều 61 của Luật này thì các thành viên phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác có liên quan hoặc phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty cho đến khi các thành viên có hoàn trả số tiền, tài sản khác có liên quan; đồng thời phần vốn góp của họ có lợi nhuận có chia.

## **M C II**

### **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

#### **Điều 63. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên**

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu (sau đây gọi là chủ sở hữu công ty); chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có thể chấp thuận không kể ngày kể từ ngày ký kinh doanh.

3. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên không được quyền phát hành cổ phiếu.

#### **Điều 64. Quy định về chủ sở hữu công ty**

1. Chủ sở hữu công ty là tổ chức có các quy định sau đây:

a) Quy định nội dung điều lệ công ty, sáng lập công ty;

b) Quy định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;

c) Quy định về tổ chức quản lý công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý công ty;

d) Quy định các dự án đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính của công ty hoặc một phần khác nhau quy định của công ty;

) Quy định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

e) Thông qua hình thức vay, cho vay và các hình thức khác do Hội đồng công ty quy định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính của công ty hoặc một phần khác nhau quy định của công ty;

g) Quy định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính của công ty hoặc một phần khác nhau quy định của công ty;

h) Quy định tăng vốn của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

i) Quy định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác;

k) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty;

l) Quy định việc sử dụng lợi nhuận sau khi có hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;

m) Quy định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;

n) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;

o) Các quy định khác theo quy định của Luật này và Hội đồng công ty.

2. Chức vụ công ty là chức danh cụ thể quy định sau đây:

a) Quy định nội dung Hội đồng công ty, thành viên, bổ sung Hội đồng công ty;

b) Quy định đầu tư, kinh doanh và quản trị nội bộ doanh nghiệp, trình tự hình thành Hội đồng công ty có quy định khác;

c) Chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

d) Quy định việc sử dụng lợi nhuận sau khi có hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;

) Quy định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;

e) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;

g) Các quy định khác theo quy định của Luật này và Hội đồng công ty.

### **Điều 65.** Nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty

1. Góp vốn đầy đủ và ứng hiện nghĩa vụ cam kết; trình tự hình thành góp vốn và ứng hiện nghĩa vụ cam kết theo quy định của pháp luật về chứng khoán và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.

2. Tuân thủ Hội đồng công ty.

3. Xác định và kê khai tài sản của chủ sở hữu công ty và tài sản của công ty.

Chức vụ công ty là công nhân phải chi trả các chi phí cá nhân và gia đình nhàn hạ chi trả cho các chi phí như là Chi trả công ty và Giám đốc Công ty Giám đốc.

4. Tuân thủ quy định pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thu, cho thu và các giao dịch khác giữa công ty và chức vụ công ty.

5. Thể hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và điều lệ công ty.

#### **Điều 66.** Hạn chế về quy định của chức vụ công ty

1. Chức vụ công ty chỉ được quy định về những cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn có góp ra khác công ty để hình thành tổ chức phi lợi nhuận chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.

Trường hợp chuyển nhượng một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác, công ty phải ký chuyển nhượng thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong thời hạn một năm ngày, kể ngày chuyển nhượng.

2. Chức vụ công ty không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của mình.

#### **Điều 67.** Các tổ chức quản lý của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là tổ chức

1. Chức vụ công ty bị nhiệm vụ một hoặc một số người đi theo quy định của pháp luật không quá năm năm thể hiện các quy định và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan. Người đi theo quy định phải có các tài sản và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 48 của Luật này.

2. Chức vụ công ty có quy định thay thế người đi theo quy định bất cứ khi nào.

3. Trường hợp có ít nhất hai người có nhiệm vụ làm người đi theo quy định thì các tổ chức quản lý của công ty bao gồm Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty Giám đốc và Giám sát viên; trong trường hợp này, Hội đồng thành viên giám đốc người đi theo quy định.

4. Trường hợp một người có nhiệm vụ làm người đi theo quy định thì người đó làm Chủ tịch công ty; trong trường hợp này các tổ chức quản lý của công ty bao gồm Chủ tịch công ty, Giám đốc Công ty Giám đốc và Giám sát viên.

5. Điều lệ công ty quy định Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc Giám đốc Công ty Giám đốc là người đi theo pháp luật của công ty. Người đi theo pháp luật của công ty phải trú tại Việt Nam; nếu vắng mặt quá ba tháng ngày Việt Nam thì phải ủy quyền về những vấn đề khác làm người đi theo pháp luật của công ty theo quy định của pháp luật điều lệ công ty.

6. Chức vụ, quy định và nhiệm vụ của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc Công ty Giám đốc và Giám sát viên quy định tại các Điều 68, 69, 70 và 71 của Luật này.

### **i u 68. H i ng thành vi n**

1. H i ng thành vi n nhõn danh ch s h u c ng ty t ch c th c hi n c c quy n và ngh a v c a ch s h u c ng ty; cú quy n nhõn danh c ng ty th c hi n c c quy n và ngh a v c a c ng ty; ch u tr ch nhi m tr c ph p lu t và ch s h u c ng ty v vi c th c hi n c c quy n và nhi m v c giao theo quy nh c a Lu t này và ph p lu t cú li n quan.

2. Quy n, ngh a v , nhi m v c th và ch làm vi c c a H i ng thành vi n i v i ch s h u công ty c th c hi n theo quy nh t i i u l công ty và ph p lu t cú li n quan.

3. Ch s h u công ty ch nh Ch t ch H i ng thành vi n. Nhi m k , quy n và nhi m v c a Ch t ch H i ng thành vi n p d ng theo quy nh t i i u 49 và c c quy nh khác có li n quan c a Lu t này.

4. Th m quy n, cách th c tri u t p h p H i ng thành vi n p d ng theo quy nh t i i u 50 c a Lu t này.

5. Cu c h p c a H i ng thành vi n c ti n hành khi cú t nh t hai ph n ba s thành vi n d h p. Tr ng h p i u l công ty không quy nh th m i thành vi n cú m t phi u bi u quy t cú gi tr nh nhau. H i ng thành vi n cú th th ng qua quy t nh theo h nh th c l y ý ki n b ng v n b n.

6. Quy t nh c a H i ng thành vi n c thông qua khi có h n m t n a s thành vi n d h p ch p thu n. Vi c s a i, b sung i u l công ty, t ch c l i công ty, chuy n nh ng m t ph n ho c toàn b v n i u l c a công ty ph i c ít nh t ba ph n t s thành vi n d h p ch p thu n.

Quy t nh c a H i ng thành vi n cú gi tr ph p lý k t ngày c thông qua, tr tr ng h p i u l công ty quy nh ph i c ch s h u công ty ch p thu n.

7. Các cu c h p c a H i ng thành vi n ph i c ghi vào s bi n b n. N i dung bi n b n h p H i ng thành vi n p d ng theo quy nh t i i u 53 c a Lu t này.

### **i u 69. Ch t ch c ng ty**

1. Ch t ch c ng ty nhõn danh ch s h u t ch c th c hi n c c quy n và ngh a v c a ch s h u c ng ty; cú quy n nhõn danh c ng ty th c hi n c c quy n và ngh a v c a c ng ty; ch u tr ch nhi m tr c ph p lu t và ch s h u c ng ty v vi c th c hi n c c quy n và nhi m v c giao theo quy nh c a Lu t này và ph p lu t cú li n quan

2. Quy n, ngh a v , nhi m v c th và ch làm vi c c a Ch t ch c ng ty i v i ch s h u công ty c th c hi n theo quy nh t i i u l công ty và ph p lu t cú li n quan.

3. Quy t nh c a Ch t ch công ty v th c hi n quy n và ngh a v c a ch s h u c ng ty cú gi tr ph p lý k t ngày c ch s h u công ty ph duy t, tr tr ng h p i u l công ty có quy nh khác.

### **i u 70. Giám c ho c T ng giám c**

1. H i ng thành vi n ho c Ch t ch c ng ty b nhi m ho c thu Gi m c ho c T ng giám c v i nhi m k không quá n m n m i u hành ho t ng kinh doanh h ng

ngày của công ty. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc chịu trách nhiệm thực hiện pháp luật và Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty về việc thực hiện các quy định và nhiệm vụ của mình.

2. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có các quyền sau đây:

- a) Thực hiện các quy định của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;
  - b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty;
  - c) Thực hiện kế hoạch kinh doanh và phân bổ nguồn lực của công ty;
  - d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ công ty;
  - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;
  - f) Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;
  - g) Kín đáo phòng ngừa các rủi ro của công ty;
  - h) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;
  - i) Kín đáo phòng ngừa sự đổ vỡ liên quan đến hoạt động quản lý trong kinh doanh;
  - k) Tuyển dụng lao động;
  - l) Các quyền khác quy định trong pháp luật công ty, hợp đồng lao động mà Giám đốc hoặc Tổng giám đốc ký với Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty.
3. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a) Có năng lực hành vi dân sự và khả năng thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;
  - b) Khả năng phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ người đi đứng theo quy định của Chủ tịch công ty;
  - c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định trong pháp luật công ty.

#### **Điều 71. Kiểm soát viên**

1. Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm một đến ba Kiểm soát viên về nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh và nhiệm vụ của mình.

2. Kiểm soát viên có các nhiệm vụ sau đây:

- a) Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, chính xác của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong thực hiện quy định của pháp luật, trong quản lý điều hành các hoạt động kinh doanh của công ty;
- b) Tham mưu báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác khi trình chủ sở hữu công ty hoặc các quan nhà nước có liên quan; trình chủ sở hữu công ty báo cáo tóm tắt;

c) Kiến nghị chi s h u công ty các gi i pháp s a i, b sung, c c u t ch c qu n lý, i u hành c ng vi c kinh doanh c a c ng ty;

d) C c nhi m v kh c quy nh t i i u l công ty ho c theo y u c u, quy t nh c a ch s h u công ty.

3. Ki m so t vi n cú quy n xem x t b t k h s , tài li u nào c a c ng ty t i tr s ch nh ho c chi nh nh, v n ph ng i di n c a công ty. Thành vi n H i ng thành vi n, Ch t ch công ty, Giám c ho c T ng giám c và ng i qu n lý kh c cú ngh a v cung c p y , k p th i các thông tin v th c hi n quy n ch s h u, v qu n lý, i u hành và ho t ng kinh doanh c a công ty theo y u c u c a Ki m so t vi n.

4. Ki m so t vi n ph i cú c c ti u chu n và i u ki n sau ây:

a) Có n ng l c hành vi đôn s và kh ng thu c i t ng b c m qu n lý doanh nghi p theo quy nh c a Lu t này;

b) Kh ng ph i là ng i cú li n quan c a thành vi n H i ng thành vi n, Ch t ch c ng ty, Gi m c ho c T ng giám c, ng i có th m quy n tr c ti p b nhi m Ki m soát vi n;

c) Cú tr nh chuy n m n ho c kinh nghi m ngh nghi p v k to n, ki m to n ho c tr nh chuy n m n, kinh nghi m th c t trong ngành, ngh kinh doanh ch y u c a c ng ty ho c ti u chu n, i u ki n khác quy nh t i i u l công ty.

**i u 72.** Ngh a v c a thành vi n H i ng thành vi n, Ch t ch c ng ty, Gi m c ho c T ng giám c và Ki m so t vi n

1. Thành vi n H i ng thành vi n, Ch t ch c ng ty, Gi m c ho c T ng giám c và Ki m so t vi n cú c c ngh a v sau ây:

a) Tuân th pháp lu t, i u l công ty, quy t nh c a ch s h u công ty trong vi c th c hi n các quy n và nhi m v c giao;

b) Th c hi n c c quy n và nhi m v c giao m t cách trung th c, c n tr ng, t t nh t nh m b o m l i ích h p pháp t i a c a công ty và ch s h u c ng ty;

c) Trung thành v i l i ch c a c ng ty và ch s h u c ng ty. Kh ng s d ng th ng tin, b quy t, c h i kinh doanh c a c ng ty, l m đ ng a v , ch c v và tài s n c a c ng ty t l i ho c ph c v l i ch c a t ch c, c nhõn kh c;

d) Thông báo k p th i, y và ch nh x c cho c ng ty v c c doanh nghi p mà h và ng i cú li n quan c a h làm ch ho c cú c ph n, ph n v n gúp chi ph i. Th ng b o này c ni m y t t i tr s ch nh và chi nh nh c a c ng ty;

) Các ngh a v khác theo quy nh c a Lu t này và i u l công ty.

2. Giám c ho c T ng giám c không c t ng l ng, tr th ng khi công ty không có kh n ng thanh toán các kho n n n h n.

**i u 73.** Th lao, ti n l ng và l i ch kh c c a ng i qu n lý c ng ty và Ki m so t vi n

1. Ng i qu n lý c ng ty và Ki m so t vi n c h ng th lao ho c l ng và l i ch kh c theo k t qu và hi u qu kinh doanh c a c ng ty.

2. Chủ sở hữu công ty quy định nhóm cổ tức lao, lợi nhuận và lợi ích khác của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và Giám đốc tài chính. Cổ tức, lợi nhuận và lợi ích khác của người quản lý công ty và Giám đốc tài chính tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật thu nhập doanh nghiệp, pháp luật cú li n quan và cổ tức thì hình thành mới riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.

**Điều 74.** Các quy định của pháp luật về trách nhiệm của thành viên là cá nhân

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn thành viên là cá nhân có Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Chủ sở hữu công ty đồng thời là Chủ tịch công ty. Chủ tịch công ty hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty theo quy định của pháp luật công ty.

2. Chủ tịch công ty có thể kiêm nhiệm hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

3. Quy định, nghĩa vụ, nhiệm vụ của Giám đốc quy định của pháp luật công ty, hợp đồng lao động mà Giám đốc hoặc Tổng giám đốc ký với Chủ tịch công ty.

**Điều 75.** Hợp đồng, giao dịch của công ty vì lợi ích của người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty trách nhiệm hữu hạn thành viên là cá nhân với các cá nhân sau đây phải được Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Giám đốc tài chính xem xét quy định theo nguyên tắc sau, miễn người có mặt phải ưu tiên quy định:

a) Chủ sở hữu công ty và người có liên quan của chủ sở hữu công ty;

b) Người đại diện theo ủy quyền, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Giám đốc tài chính;

c) Người có liên quan của nhà quản lý quy định trong điều lệ;

d) Người quản lý chủ sở hữu công ty, người có thẩm quyền bổ nhiệm nhà quản lý quản lý đó;

e) Người có liên quan của nhà quản lý quy định trong điều lệ.

Người đại diện theo pháp luật của công ty phải ghi cho Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Giám đốc tài chính; đồng thời, niêm yết nội dung giao dịch và chi nhánh của công ty để thông báo nội dung giao dịch đó.

2. Hợp đồng, giao dịch quy định trong khoản 1 điều này chỉ có hiệu lực khi có các điều kiện sau đây:

a) Các bên ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là nhà quản lý hợp pháp, có quy định, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt;

b) Giá trị giao dịch trong hợp đồng hoặc giao dịch là giá trị thị trường hiện tại hợp pháp ký kết hoặc giao dịch thực hiện;

c) Chủ sở hữu công ty tuân thủ quy định của pháp luật quy định trong khoản 4 điều 65 của Luật này.

3. Hợp đồng, giao dịch bất vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật nước giao kết không ứng quy định tại khoản 1 điều này. Người đi kiện theo pháp luật của công ty và các bên của hợp đồng phải chứng minh thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

4. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là cá nhân với các thành viên công ty có liên quan các thành viên công ty phải ghi chép lại và lưu giữ thành hồ sơ riêng của công ty.

#### **Điều 76. Trường hợp, giám đốc điều hành**

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên không có giám đốc điều hành.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên không có thành viên chức danh chủ tịch hội đồng quản trị hoặc giám đốc điều hành.

Chủ tịch hội đồng quản trị hội đồng thành viên và thành viên điều hành. Trường hợp thành viên điều hành chức danh chủ tịch hội đồng quản trị hoặc giám đốc điều hành, công ty phải ký chuyển nhượng thành công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên trong thời hạn một tháng, kể từ ngày thành viên mới cam kết góp vốn vào công ty.

## **CHƯƠNG IV CÔNG TY CỔ PHẦN**

#### **Điều 77. Công ty cổ phần**

1. Công ty cổ phần là doanh nghiệp, trong đó:

a) Vốn điều hành chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần;

b) Công ty có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là ba và không hạn chế số lượng; và

c) Công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp;

d) Công ty có quy định do chuyển nhượng cổ phần của một người khác, trường hợp quy định tại khoản 3 điều 81 và khoản 5 điều 84 của Luật này.

2. Công ty cổ phần có thể chấp nhận kết quả của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Công ty cổ phần có quy định thành công khoản cổ lợi chia cho thành viên.

#### **Điều 78. Cổ lợi cổ phần**

1. Công ty cổ phần phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

2. Công ty cổ phần có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi.

Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:

- a) Công nhân ưu đãi biểu quyết;
- b) Công nhân ưu đãi cổ tức;
- c) Công nhân ưu đãi hoàn lương;
- d) Công nhân ưu đãi khế thừa di sản công ty quy định.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Công đồng sáng lập quy định mức lợi ích biểu quyết. Ưu đãi biểu quyết của Công đồng sáng lập chỉ có hiệu lực trong ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sau thời hạn đó, công nhân ưu đãi biểu quyết của Công đồng sáng lập chuyển thành công nhân phổ thông.

4. Người quy định mua công nhân ưu đãi cổ tức, công nhân ưu đãi hoàn lương và công nhân ưu đãi khế thừa di sản công ty quy định hoặc do Hội đồng quy định.

5. Mọi phần của công suất lao động cho người sử dụng nó các quy định, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

6. Công nhân phổ thông không thể chuyển thành công nhân ưu đãi. Công nhân ưu đãi có thể chuyển thành công nhân phổ thông theo quy định của Hội đồng.

#### **Điều 79. Quy định của Công đồng phổ thông**

1. Công đồng phổ thông có các quy định sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trong các Hội đồng và thực hiện quy định biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện của quy định; mọi phần phổ thông có mặt phải biểu quyết;

b) Nhận cổ tức và lợi ích theo quy định của Hội đồng;

c) Được ưu tiên mua công nhân mới chào bán hàng nội bộ của công nhân phổ thông của công ty;

d) Được chuyển nhượng phần của mình cho Công đồng khác và cho người khác phải là Công đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật này;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách Công đồng có quy định biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin khi cần thiết;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hồ sơ sao chép di sản công ty, số vốn bản thân Hội đồng và các quy định của Hội đồng;

g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, nhận một phần tài sản còn lại để giúp đỡ công nhân vào công ty;

h) Các quy định khác theo quy định của Luật này và di sản công ty.

2. Công đồng hoặc nhóm Công đồng sử dụng từ 10% tổng số công nhân phổ thông trong thời hạn nhất định theo hợp đồng mua sắm tài sản của công ty có các quy định sau đây:

a) Đóng góp vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (nếu có);

b) Xem xét và trích lục số vốn bản thân và các quy định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hàng năm và hàng năm theo mục đích kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

c) Yêu cầu rút vốn phi hi vọng công trong trường hợp quy định tại khoản 3 điều này;

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra tình hình thực tiễn quan hệ quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phi bản quyền; phi có hạn, tạm, chấp thuận, quyết định, sự Gi ý chấp thuận của nhân dân, Hội đồng quản trị cá nhân hợp pháp khác vì việc công là công nhân; tạm, chấp thuận, quyết định, sự quy định thành lập hoặc sự ký kinh doanh vì việc công là chấp thuận; sự lập công phần và thẩm định ký chấp thuận công, tạm sự chấp thuận nhóm công và tài sản hữu trong tạm sự chấp thuận công ty; tạm kiểm tra, mục đích kiểm tra;

) Các quy định khác theo quy định của Luật này và điều lệ công ty.

3. Công hoc nhóm công quy định tại khoản 2 điều này có quy định yêu cầu rút vốn phi hi vọng công trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị phê duyệt nghị quyết quy định của công, nghĩa vụ của người quản lý hoc ra quy định vượt quá thẩm quyền của giao;

b) Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị vượt quá số thẩm quyền mà Hội đồng quản trị miễn nhiệm;

c) Các trường hợp khác theo quy định của điều lệ công ty.

Yêu cầu rút vốn phi hi vọng công phi lập bản quyền và phi có hạn, tạm, chấp thuận, sự Gi ý chấp thuận của nhân dân, Hội đồng quản trị cá nhân hợp pháp khác vì việc công là công nhân; tạm, chấp thuận, quyết định, sự quy định thành lập hoặc sự ký kinh doanh vì việc công là chấp thuận; sự chấp thuận và thẩm định ký chấp thuận công, tạm sự chấp thuận nhóm công và tài sản hữu trong tạm sự chấp thuận công ty, cần và lý do yêu cầu rút vốn phi hi vọng công. Kiểm tra yêu cầu phi có tài liệu, chấp thuận của Hội đồng quản trị, mục đích phê duyệt hoc quy định vượt quá thẩm quyền.

4. Trong trường hợp điều lệ công ty không có quy định khác thì việc cấp vốn vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điều 2 điều này thực hiện như sau:

a) Các công phi thông tin quy định tại pháp thành nhóm thông tin cấp vốn vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phi thông báo vì chấp thuận nhóm cho các công định phi bất chấp ngay khi khai mạc hi vọng công;

b) Các sự lập thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, công hoc nhóm công quy định tại khoản 2 điều này của quy định của pháp luật theo quy định của pháp hi vọng công làm việc vì Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp sự chấp thuận của công hoc nhóm công chấp thuận sự chấp thuận của việc mà hoc quy định theo quy định của pháp hi vọng công thức chấp thuận của việc chấp thuận lý do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các công khác của .

## **đ u 80. Nghĩa vụ của công phi thông**

1. Thanh toán sự chấp thuận cam kết mua trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày công ty của pháp Gi ý chấp thuận của sự ký kinh doanh; chấp thuận nhiệm vụ các khoản và nghĩa vụ tài sản của công ty trong phạm vi sự chấp thuận góp vào công ty.

Không rút vốn góp bằng cách phân phối hàng ra khách công ty để đảm bảo tính, trật tự hàng hóa công ty hoặc người khác mua lại công ty. Trường hợp có công rút vốn phân phối toàn bộ vốn công ty góp trả về quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đi theo pháp luật của công ty phải công nhận và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị công ty đó.

2. Tuân thủ luật và Quy định quản lý nội bộ công ty.

3. Chấp hành quy định của Hội đồng, Hội đồng quản trị.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và luật công ty.

5. Công ty thông báo cho chủ tịch nhân danh công ty để đảm bảo tính minh bạch các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tình hình kinh doanh và các giao dịch khác có liên quan đến lợi ích cá nhân, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ của nhân viên công ty tài chính có thể xảy ra liên quan đến công ty.

**Điều 81.** Công ty ưu đãi bị quy định và quy định của công ty ưu đãi bị quy định

1. Công ty ưu đãi bị quy định là công ty có số vốn ưu đãi quy định nhỏ hơn số vốn phân phối hàng. Số vốn ưu đãi quy định của công ty ưu đãi bị quy định do luật công ty quy định.

2. Công ty ưu đãi bị quy định có các quy định sau đây:

a) Bị quy định về các vấn đề thu nhập quy định của Hội đồng và số vốn ưu đãi quy định theo quy định tại khoản 1 điều này;

b) Các quy định khác của công ty thông báo, trật tự hàng hóa quy định tại khoản 3 điều này.

3. Công ty ưu đãi bị quy định không được chuyển nhượng công ty đó cho người khác.

**Điều 82.** Công ty ưu đãi cổ và quy định của công ty ưu đãi cổ

1. Công ty ưu đãi cổ là công ty có cổ phần cổ đông cao hơn số vốn cổ đông của công ty thông báo hoặc nhân viên công ty. Cổ phần cổ đông chia hàng năm cho cổ đông công ty. Cổ phần cổ đông không phải thu vào kết quả kinh doanh của công ty. Cổ phần cổ đông và phần trăm cổ phần cổ đông ghi trên phiếu của công ty ưu đãi cổ.

2. Công ty ưu đãi cổ có các quy định sau đây:

a) Nhận cổ phần cổ đông theo quy định tại khoản 1 điều này;

b) Nhận lợi nhuận tài sản công ty để góp vốn vào công ty, sau khi công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, công ty ưu đãi hoàn lại khi công ty giải thể hoặc phá sản;

c) Các quy định khác như các công bố thông tin, trình bày quy định tài khoản 31 và này.

3. Công suất phần ưu đãi cổ phiếu quy định bị quy định, để hình thành công, công bố vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

#### **Điều 83.** Công suất phần ưu đãi và quy định các công suất ưu đãi

1. Công suất phần ưu đãi là công suất công ty hoàn thiện và giúp bắt đầu khi nào theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện ghi trong phiếu các phần ưu đãi.

2. Công suất phần ưu đãi hoàn thiện có các quy định khác như các công bố thông tin, trình bày quy định tài khoản 31 và này.

3. Công suất phần ưu đãi hoàn thiện khi quy định bị quy định, để hình thành công, công bố vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

#### **Điều 84.** Công bố thông tin các công suất sáng lập

1. Các công suất sáng lập phải công khai và ký mua ít nhất 20% tổng số phần công bố quy định chào bán và phải thanh toán số phần ưu đãi ký mua trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày công ty công bố Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày công bố Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty phải thông báo về việc góp vốn phần ưu đãi quan trọng đăng ký kinh doanh. Thông báo phải có các nội dung chi tiết sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày công bố Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh;

b) Tổng số phần công bố quy định chào bán, số phần ưu đãi công suất sáng lập đăng ký mua;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác về việc công suất sáng lập là công nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh về việc công suất là công nhân; số phần ưu đãi ký mua, số phần ưu đãi và trợ giá phần ưu đãi thanh toán, lợi ích tài trợ góp vốn phần ưu đãi công suất sáng lập;

d) Tổng số phần và giá trị phần ưu đãi thanh toán các công suất sáng lập;

e) Họ, tên, chức vụ của người đi đại diện theo pháp luật của công ty.

Người đi đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về các thủ tục hình thức về công ty và người khác do thông báo chi tiết hoặc thông báo không trung thực, không chính xác, không đầy đủ.

3. Trình bày có các công suất sáng lập không thanh toán số phần ưu đãi ký mua thì số phần ưu đãi giúp các công suất sáng lập công bố lý do trong các cách sau đây:

a) Các công suất sáng lập cần phải giúp số phần ưu đãi theo tài liệu số phần ưu đãi của họ trong công ty;

b) M t h o c m t s c ô n g s á n g l p n h n g ó p s c p h n ó ;

c) H u y n g n g i k h á c k h ô n g p h i l à c ô n g s á n g l p n h n g ó p s c p h n ó ; n g i n h n g ó p v n ó n g n h i n t r ã n h ã c ô n g s á n g l p c a c ô n g t y . T r o n g t r ã n g h p n à y , c ô n g s á n g l p c h a g ó p c p h n t h e o n g k ý n g n h i n k h n g c n l à c ô n g c a c ô n g t y .

K h i s c p h n n g k ý g ó p c a c á c c ô n g s á n g l p c h a c g ó p t h c c c ô n g s á n g l p c n g l i n i c h u t r á c n h i m v á c k h o n n v à n g h a v t à i s n k h c c a c n g t y t r o n g p h m v i g i t r s c p h n c h a g ú p ó .

4. T r ã n g h p á c c ô n g s á n g l p k h ô n g n g k ý m u a h t s c p h n c q u y n c h à o b n t h s c p h n c n l i p h i c c h à o b n v à b n h t t r o n g t h i h n b a n m , k t n g à y c n g t y c c p G i y c h n g n h n n g k ý k i n h d o a n h .

5. T r o n g t h i h n b a n m , k t n g à y c n g t y c c p G i y c h n g n h n n g k ý k i n h d o a n h , c ô n g s á n g l p c ó q u y n t d o c h u y n n h n g c p h n p h t h o n g c a m n h c h o c ô n g s á n g l p k h á c , n h n g c h c c h u y n n h n g c p h n p h t h o n g c a m n h c h o n g i k h n g p h i l à c ô n g s á n g l p n u c s c h p t h u n c a i h i n g c ô n g . T r o n g t r ã n g h p n à y , c ô n g d ã n h c h u y n n h n g c p h n k h ô n g c ó q u y n b i u q u y t v v i c c h u y n n h n g á c c p h n ó v à n g i n h n c h u y n n h n g n g n h i n t r ã n h ã c ô n g s á n g l p c a c ô n g t y .

S a u t h i h n b a n m , k t n g à y c n g t y c c p G i y c h n g n h n n g k ý k i n h d o a n h , á c h n c h i v i c p h n p h t h o n g c a c ô n g s á n g l p u c b ó i b .

### **i u 85. C p h i u**

1. C p h i u l à c h n g c h d o c n g t y c p h n p h t h à n h h o c b t t o n g h i s x c n h n q u y n s h u m t h o c m t s c p h n c a c n g t y ó . C p h i u c ó t h g h i t n h o c k h n g g h i t n . C p h i u p h i c ú c c n i d u n g c h y u s a u â y :

a) T n , á c h t r s c h í n h c a c ô n g t y ;

b) S v à n g à y c p G i y c h n g n h n n g k ý k i n h d o a n h ;

c) S l n g c p h n v à l o i c p h n ;

d) M n h g i m i c p h n v à t n g m n h g i s c p h n g h i t r n c p h i u ;

) H , t n , á c h t h n g t r ú , q u c t c h , s G i y c h n g m i n h n h à n d à n , H c h i u h o c c h n g t h c á n h à n h p p h á p k h á c c a c ô n g l à c n h ã n ; t n , á c h t h n g t r ú , q u c t c h , s q u y t ã n h t h à n h l p h o c s n g k ý k i n h d o a n h c a c ô n g l à t c h c i v i c p h i u c ó g h i t n ;

e) T ú m t t v t h t c c h u y n n h n g c p h n ;

g) C h k ý m u c a n g i i d i n t h e o p h á p l u t v à d u c a c n g t y ;

h) S n g k ý t i s n g k ý c ô n g c a c ô n g t y v à n g à y p h t h à n h c p h i u ;

i) Á c n i d u n g k h á c t h e o q u y n h t i á c i u 81, 82 v à 83 c a L u t n à y i v i c p h i u c a c p h n u ó i .

2. T r ã n g h p c ú s a i s ú t t r o n g n i d u n g v à h n h t h c c p h i u d o c n g t y p h t h à n h t h q u y n v à l i c h c a n g i s h u n ú k h n g b n h h n g . C h t c h H i n g q u n t r

và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty phải chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của sai sót đó gây ra về công ty.

3. Trường hợp phi ubmt, b rch, b ch y hoc b ti u hu d i h nh th c kh c th c ông c công ty c p l i c phi u theo ngh c a c ông ó.

ngh c a c ông phi u có cam oan v các n i dung sau ây:

a) C phi u th c s ó b m t, b ch y hoc b ti u hu d i h nh th c kh c; tr ng h p b m t th cam oan th m r ng ó t i n hành t m ki m h t m c và n u t m l i c s em tr công ty ti u hu ;

b) Ch u tr ch nhi m v nh ng tranh ch p ph t sinh t vi c c p l i c phi u m i.

i v i c phi u có giá tr danh ngh a tr n m i tri u ng Vi t Nam, tr c khi ti p nh n ngh c p c phi u m i, ng i i di n theo pháp lu t c a c ng ty cú th y u c u ch s h u c phi u ng thông báo v vi c c phi u b m t, b ch y hoc b ti u hu d i h nh th c kh c và sau m i l m ngày, k t ngày ng thông báo s ngh công ty c p c phi u m i.

#### **Đ i u 86. S ng ký c ông**

1. Công ty c p h n phi l p và l u gi s ng ký c ông t khi c c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh. S ng ký c ông có th là v n b n, t p d li u i n t hoc c hai lo i này.

2. S ng ký c ông phi u có các n i dung ch y u sau ây:

a) T n, a ch tr s ch nh c a c ng ty;

b) T ng s c p h n c quy n chào b n, lo i c p h n c quy n chào b n và s c p h n c quy n chào b n c a t ng lo i;

c) T ng s c p h n ó b n c a t ng lo i và gi tr v n c p h n ó gúp;

d) H , t n, a ch th ng trú, qu c t ch, s Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u hoc ch ng th c cá nhân h p pháp khác i v i c ông là c nhõn; t n, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p hoc s ng ký kinh doanh i v i c ông là t ch c;

) S l ng c p h n t ng lo i c a m i c ông, ngày ng ký c p h n.

3. S ng ký c ông c l u gi t i tr s chính c a công ty hoc Trung tâm ng ký, l u ký, b tr và thanh to n ch ng kho n. C ông có quy n ki m tra, tra c u hoc trích l c, sao chép n i dung s ng ký c ông trong gi làm vi c c a c ng ty hoc Trung tâm ng ký, l u ký, b tr và thanh to n ch ng kho n.

4. C ông s h u t 5% t ng s c p h n tr l n phi c ng ký v i c quan ng ký kinh doanh có th m quy n trong th i h n b y ngày làm vi c, k t ngày có c t l s h u ó.

#### **Đ i u 87. Chào b n và chuy n nh ng c p h n**

1. H i ng qu n tr quy t nh th i i m, ph ng th c và gi chào b n c p h n trong s c p h n c quy n chào b n. Gi chào b n c p h n kh ng c th p h n giá th



Bản chuyển nhượng vốn là giấy xác lập quyền quan hệ nhân thân chuyển nhượng cổ phiếu ký vào sổ đăng ký công.

Trên hình phiếu chuyển nhượng mẫu số 01/2014/TT-CTD của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công ty phát hành chứng khoán là ghi nhận số phiếu chuyển nhượng và số phiếu còn lại.

6. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Chính phủ quy định hình thức chào bán chứng khoán.

#### **Điều 88. Phát hành trái phiếu**

1. Công ty chứng khoán quy định phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

2. Công ty không được quy định phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

a) Không thanh toán các nợ và lợi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không các khoản nợ hiện tại trong bản mô tả tín phiếu;

b) Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của bản mô tả tín phiếu không cao hơn mức lợi suất dự kiến trả cho trái phiếu đã phát hành.

Việc phát hành trái phiếu cho các công nhân là tài chính nhân viên của công ty không bị hạn chế bởi các quy định về hạn mức và hạn mức khoản này.

3. Trong trường hợp điều lệ công ty không quy định khác thì Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời hạn phát hành, nhưng phải báo cáo Hội đồng quản trị và báo cáo chính sách theo tài liệu và hồ sơ ghi nhận quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

#### **Điều 89. Mua chứng khoán, trái phiếu**

Chứng khoán, trái phiếu của công ty chứng khoán có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ do chuyển đổi, vàng, giấy quỹ ngoại tệ, giá trị quỹ ngoại tệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác quy định về điều lệ công ty và phải thanh toán một lần.

#### **Điều 90. Mua chứng khoán theo yêu cầu của công ty**

1. Công ty quy định phát hành quy định về việc thanh lý công ty hoặc thay đổi quy định, nghĩa vụ của công ty quy định về điều lệ công ty có quy định về công ty mua chứng khoán của mình. Yêu cầu phát hành chứng khoán, trong đó nêu rõ, các công ty, số lượng chứng khoán, giá trị bán, lý do yêu cầu công ty mua chứng khoán. Yêu cầu phát hành chứng khoán trong thời hạn một ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng quản trị thông qua quyết định về các vấn đề quy định trong khoản này.

2. Công ty phải mua chứng khoán theo yêu cầu của công ty quy định trong khoản 1 điều này về giá trị trả cho công ty tính theo nguyên tắc quy định về điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thể

thu nhập và giá trị công có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể y u cầu mua lại cổ phần giá chuyển nhượng. Công ty ghi nhận ít nhất ba tháng giá chuyển nhượng công là chính và là chính là quy định của pháp luật.

### **Điều 91. Mua lại cổ phần theo quy định của công ty**

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông có bán, mua lại hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi có bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quy định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của công ty có chào bán trong mỗi năm hai tháng. Trong trường hợp khẩn cấp, việc mua lại cổ phần do hội đồng quy định;

2. Hội đồng quản trị quy định giá mua lại cổ phần. Việc mua lại phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thanh toán tối thiểu của mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Việc mua lại khác, nếu điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và công có liên quan khác có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thanh toán;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của công ty đang nắm giữ cổ phần của họ trong công ty. Trong trường hợp này, quy định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức báo cáo công trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quy định có thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần của mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc mua lại, thanh toán và thời hạn thanh toán, thanh toán và thời hạn công chào bán cổ phần của họ cho công ty.

Công đồng ý bán lại cổ phần phải ghi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức báo cáo công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thanh toán. Chào bán phải có hình thức, địa chỉ, ngày tháng, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của công là công nhân; tên, địa chỉ, ngày tháng, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của công là công nhân; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chứng cứ của công hoặc người đi kèm theo pháp luật của công. Công ty chỉ mua lại cổ phần chào bán trong thời hạn nêu trên.

### **Điều 92. Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần của mua lại**

1. Công ty chỉ có quyền thanh toán cổ phần của mua lại cho công theo quy định tại Điều 90 và Điều 91 của Luật này ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần của mua lại, công ty vẫn báo cáo thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần của mua lại theo quy định tại Điều 90 và Điều 91 của Luật này được coi là cổ phần thu vãng và thu của cổ phần của quy định chào bán.

3. Chủ tịch xác định quy định số cổ phần của mua lại phải thanh toán ngay sau khi công thanh toán. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do không thanh toán cho chủ tịch hoặc người gây ra việc công ty.





a) Tên, địa chỉ, trụ sở, qu c t ch, s và ngày quy t nh thành l p ho c ng ký kinh doanh c a c ông;

b) S l ng c ph n, lo i c ph n và ngày ng ký c ông t i công ty;

c) H , t n, địa chỉ, trụ sở, Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a ng i i di n theo u quy n;

d) S c ph n c u quy n i di n;

) Th i h n i di n theo u quy n;

e) H , t n, ch ký c a ng i i di n theo u quy n và ng i i di n theo pháp lu t c a c ông.

Công ty ph i g i thông báo v ng i i di n theo u quy n quy nh t i kho n này n c quan ng ký kinh doanh trong th i h n n m ngày làm vi c, k t ngày nh n c thông báo.

### **i u 97.** Th m quy n tri u t p h p i h i ng c ông

1. i h i ng c ông h p th ng ni n ho c b t th ng; t nh t m i n m h p m t l n. a i m h p i h i ng c ông ph i tr n lnh th Vi t Nam.

2. i h i ng c ông ph i h p th ng ni n trong th i h n b n th ng, k t ngày k t th c n m tài ch nh. Theo ngh c a H i ng qu n tr , c quan ng ký kinh doanh có th gia h n, nh ng không quá sáu tháng, k t ngày k t th c n m tài ch nh.

i h i ng c ông th ng ni n th o lu n và th ng qua c c v n sau ây:

a) B o c o tài ch nh h ng n m;

b) Báo cáo c a H i ng qu n tr ánh giá th c tr ng công tác qu n lý kinh doanh công ty;

c) Báo cáo c a Ban ki m soát v qu n lý công ty c a H i ng qu n tr , Giám c ho c T ng giám c;

d) M c c t c i v i m i c ph n c a t ng lo i;

) Các v n khác thu c th m quy n.

3. H i ng qu n tr ph i tri u t p h p b t th ng i h i ng c ông trong các tr ng h p sau ây:

a) H i ng qu n tr xét th y c n thi t v l i ch c a c ng ty;

b) S thành vi n H i ng qu n tr c n l i t h n s thành vi n theo quy nh c a pháp lu t;

c) Theo y u c u c a c ông ho c nhóm c ông quy nh t i kho n 2 i u 79 c a Lu t này;

d) Theo y u c u c a Ban ki m so t;

) Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l công ty.

4. Tr ng h p i u l công ty không quy nh th i h n th H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i ng c ông trong th i h n ba m i ngày, k t ngày s thành vi n

Hội đồng quản trị công ty linh quy định thời gian báo cáo công ty quy định tài chính và kiểm toán 3 năm này.

Trong hợp đồng Hội đồng quản trị không trực tiếp giám sát công ty quy định. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải chịu hình phạt sinh viên công ty.

5. Trong hợp đồng Hội đồng quản trị không trực tiếp giám sát công ty theo quy định khoản 4 năm này thì trong thời hạn ba tháng kể từ ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị trực tiếp giám sát công ty theo quy định của Luật này.

Trong hợp đồng Ban kiểm soát không trực tiếp giám sát công ty quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải chịu hình phạt sinh viên công ty.

6. Trong hợp đồng Ban kiểm soát không trực tiếp giám sát công ty theo quy định khoản 5 năm này thì công ty hoặc nhóm công ty quy định khoản 2 điều 79 của Luật này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trực tiếp giám sát công ty theo quy định của Luật này.

Trong trường hợp này, công ty hoặc nhóm công ty trực tiếp giám sát công ty có thể thực hiện quản lý kinh doanh giám sát viên trực tiếp và tiến hành hợp nhất thị trường.

7. Người trực tiếp lập danh sách công ty quy định hợp đồng giám sát công ty, cung cấp thông tin và ghi quy tắc liên quan đến danh sách công ty, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác minh thời gian và địa điểm họp, ghi thông báo mời họp nội bộ công ty quy định hợp đồng theo quy định của Luật này.

8. Chi phí cho viên trực tiếp và tiến hành hợp đồng giám sát công ty quy định các khoản 4, 5 và 6 của điều này sẽ được công ty hoàn trả.

#### **Điều 98. Danh sách công ty quy định hợp đồng giám sát công ty**

1. Danh sách công ty quy định hợp đồng giám sát công ty công lập dựa trên sự ký công ty của công ty. Danh sách công ty quy định hợp đồng giám sát công ty công lập khi có quy định trực tiếp và phải lập xong chậm nhất ba tháng kể từ ngày khai mạc họp giám sát công ty nội bộ công ty không quy định thời hạn khác nhau.

2. Danh sách công ty quy định hợp đồng giám sát công ty phải có họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của công ty là công nhân; tên, địa chỉ, nghề nghiệp, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của công ty là tổ chức; số đăng ký phần trăm lợi ích và ngày ký công ty của công ty.

3. Công ty quy định kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách công ty quy định hợp đồng giám sát công ty; yêu cầu sai lệch thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mặt danh sách công ty quy định hợp đồng giám sát công ty.

#### **Điều 99. Chương trình và nội dung họp giám sát công ty**

1. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông ph i l p danh sách c ông có quy n d h p và bi u quy t; chu n b ch ng tr nh, n i dung, tài li u cu c h p và d th o ngh quy t i v i t ng v n trong ch ng tr nh h p; x c nh th i gian, a i m h p và g i th ng b o m i h p n các c ông có quy n d h p.

2. C ông ho c nhóm c ông quy nh t i kho n 2 i u 79 c a Lu t này cú quy n ki n ngh v n a vào ch ng tr nh h p i h i ng c ông. Ki n ngh ph i b ng v n b n và c g i n công ty ch m nh t ba ngày làm vi c tr c ngày khai m c, tr tr ng h p i u l công ty có quy nh th i h n khác. Ki n ngh ph i ghi r t n c ông, s l ng t ng lo i c ph n c a c ông, s và ngày ng ký c ông t i công ty, v n ki n ngh a vào ch ng tr nh h p.

3. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông ch có quy n t ch i ki n ngh quy nh t i kho n 2 i u này n u cú m t trong c c tr ng h p sau ây:

a) Ki n ngh c g i n không úng th i h n ho c không , không úng n i dung;

b) V n ki n ngh không thu c th m quy n quy t nh c a i h i ng c ông;

c) Tr ng h p khác theo quy nh c a i u l công ty.

4. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông ph i ch p nh n và a ki n ngh quy nh t i kho n 2 i u này vào d ki n ch ng tr nh và n i dung cu c h p, tr tr ng h p quy nh t i kho n 3 i u này; ki n ngh c chính th c b sung vào ch ng tr nh và n i dung cu c h p n u c i h i ng c ông ch p thu n.

#### **i u 100. M i h p i h i ng c ông**

1. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông ph i g i thông báo m i h p n t t c c ông có quy n d h p ch m nh t b y ngày làm vi c tr c ngày khai m c n u i u l công ty không quy nh th i h n. Thông báo c g i b ng ph ng th c b o m n c a ch th ng trú c a c ông.

Th ng b o m i h p ph i cú t n, a ch tr s chính, s và ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh, n i ng ký kinh doanh c a công ty; t n, a ch th ng trú c a c ông ho c ng i i di n theo u quy n c a c ông; th i gian và a i m h p.

2. K m theo th ng b o m i h p ph i cú m u ch nh i di n theo u quy n d h p, ch ng tr nh h p, phi u bi u quy t, c c tài li u th o lu n làm c s th ng qua quy t nh và d th o ngh quy t i v i t ng v n trong ch ng tr nh h p.

N u công ty có trang thông tin i n t th th ng b o m i h p và c c tài li u g i k m theo ph i c công b tr n trang th ng tin i n t ó ng th i v i vi c g i thông báo cho các c ông.

#### **i u 101. Quy n d h p i h i ng c ông**

1. C ông là c nhõn, ng i i di n theo u quy n c a c ông là t ch c tr c ti p ho c u quy n b ng v n b n cho m t ng i khác d h p i h i ng c ông. Tr ng h p c ông là t ch c kh ng cú ng i i di n theo u quy n theo quy nh t i kho n 3 i u 96 c a Lu t này th u quy n ng i kh c d h p i h i ng c ông.

2. Việc quy định cho người đi nhả hàng phải chịu phí hàng công phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp công nhân là người quy định phải ký các công việc và người quy định hàng;

b) Trường hợp người đi nhả theo quy định của công nhân là trách nhiệm của người quy định phải ký các người đi nhả theo pháp luật của công nhân và người quy định hàng;

c) Trong trường hợp khi phải ký các người đi nhả theo pháp luật của công nhân và người quy định hàng.

Người quy định hàng phải chịu phí hàng công phải lập văn bản quy định khi vào phòng hàng.

3. Trường hợp quy định khoản 4 của điều này, phải chịu quy định của người quy định hàng trong phạm vi của quy định có hiệu lực khi có mặt trong các trường hợp sau đây:

a) Người quy định có chết, bệnh nặng hoặc hành vi dẫn đến sự mất mát hoặc hành vi dẫn đến;

b) Người quy định có mất đi người quy định.

4. Quy định khoản 2 của điều này khi áp dụng cho công nhân nhân công thông báo bằng văn bản về mặt trong các trường hợp quy định khoản 3 của điều này chỉ có hai mặt tiếp xúc tiếp xúc khai thác của người công nhân.

5. Trường hợp chuyển nhượng trong thời gian tạm ngừng danh sách công nhân ngày khai thác phải chịu phí hàng công ngừng thời gian chuyển nhượng quy định hàng phải chịu phí hàng công thay thế cho người chuyển nhượng vì sự chuyển nhượng.

#### **Điều 102.** Điều kiện tiến hành hàng phải chịu phí hàng công

1. Các chi phí phải chịu phí hàng công tiến hành khi có sự công nhận hàng đi nhả ít nhất 65% tổng số phần có quy định của quy định; tất cả các chi phí công ty quy định.

2. Trường hợp các chi phí nhả hàng không phải điều kiện tiến hành theo quy định khoản 1 của điều này thì chi phí nhả hàng hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhả hàng nhả hàng. Các chi phí của người công nhân chi phí nhả hàng hai tiến hành khi có sự công nhận hàng đi nhả ít nhất 51% tổng số phần có quy định của quy định; tất cả các chi phí công ty quy định.

3. Trường hợp các chi phí nhả hàng hai không phải điều kiện tiến hành theo quy định khoản 2 của điều này thì chi phí nhả hàng ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày nhả hàng nhả hàng. Trong trường hợp này, các chi phí của người công nhân tiến hành khi hàng phải thu về sự công nhận hàng và tất cả các chi phí nhả hàng quy định của công nhân.

4. Các chi phí hàng công nhân có quy định thay đổi hàng nhân hàng có chi phí nhả hàng theo thông báo của người công nhân theo quy định của điều 100 của Luật này.

**i u 103.** Th t h c t i n h à n h h p v à b i u q u y t t i i h i n g c ô n g

Trong tr ã n g h p i u l c ô n g t y k h ô n g c ó q u y n h k h á c t h t h c t i n h à n h h p v à b i u q u y t t i c u c h p i h i n g c ô n g c t i n h à n h t h e o q u y n h s a u â y:

1. Tr c ã n g à y k h a i m c c u c h p , p h i t i n h à n h n g k ý v i c d h p i h i n g c ô n g c h o n k h i b o m v i c n g k ý y c á c c ô n g c ó q u y n d h p . N g i n g k ý d h p s c c p t h b i u q u y t t n g n g v i s v n c n b i u q u y t t r o n g c h n g t r n h h p ;

2. Ch t o , t h k ý v à b a n k i m p h i u c a c u c h p i h i n g c ô n g c q u y n h n h s a u:

a) Ch t c h H i n g q u n t r l à m c h t o c c c u c h p d o H i n g q u n t r t r i u t p ; t r ã n g h p C h t c h v n g m t h o c t m t h i m t k h n n g l à m v i c t h c c t h à n h v i n c n l i b u m t n g i t r o n g s h l à m c h t o c u c h p ; t r ã n g h p k h n g c ú n g i c ú t h l à m c h t o t h t h à n h v i n H i n g q u n t r c ó c h c v c a o n h t i u k h i n i h i n g c ô n g b u c h t o c u c h p t r o n g s n h n g n g i d h p v à n g i c ú s p h i u b u c a o n h t l à m c h t o c u c h p ;

b) Trong c c t r ã n g h p k h c , n g i k ý t n t r i u t p h p i h i n g c ô n g i u k h i n i h i n g c ô n g b u c h t o c u c h p v à n g i c ú s p h i u b u c a o n h t l à m c h t o c u c h p ;

c) Ch t o c m t n g i l à m t h k ý l p b i n b n h p i h i n g c ô n g ;

d) i h i n g c ô n g b u b a n k i m p h i u k h ô n g q u á b a n g i t h e o n g h c a c h t o c u c h p ;

3. Ch ã n g t r n h v à n i d u n g h p p h i c i h i n g c ô n g t h ô n g q u a n g a y t r o n g p h i n k h a i m c . C h ã n g t r n h p h i x c n h r v à c h i t i t t h i g i a n i v i t n g v n t r o n g n i d u n g c h ã n g t r n h h p ;

4. Ch t o v à t h k ý h p i h i n g c ô n g c ó q u y n t h c h i n c á c b i n p h á p c n t h i t i u k h i n c u c h p m t c á c h p l ý , c ó t r t t , ú n g t h e o c h ã n g t r n h ó c t h ô n g q u a v à p h n n h c m o n g m u n c a a s n g i d h p ;

5. i h i n g c ô n g t h o l u n v à b i u q u y t t h e o t n g v n t r o n g n i d u n g c h ã n g t r n h . V i c b i u q u y t c t i n h à n h b n g c c h t h u t h b i u q u y t t n t h à n h n g q u y t , s a u ó t h u t h b i u q u y t k h ô n g t á n t h à n h , c u i c n g k i m p h i u t p h p s p h i u b i u q u y t t n t h à n h , k h n g t n t h à n h , k h n g c ú ý k i n . K t q u k i m p h i u c c h t o c ô n g b n g a y t r c k h i b m c c u c h p ;

6. C ô n g h o c n g i c u q u y n d h p n s a u k h i c u c h p ó k h a i m c c n g k ý v à c ú q u y n t h a m g i a b i u q u y t n g a y s a u k h i n g k ý . C h t o k h ô n g c d n g c u c h p n h n g n g i n m u n n g k ý ; t r o n g t r ã n g h p n à y , h i u l c c a n h n g b i u q u y t ó t i n h à n h k h n g b n h h n g ;

7. N g i t r i u t p h p i h i n g c ô n g c ó q u y n :

a) Y u c u t t e n g i d h p c h u s k i m t r a h o c c c b i n p h p a n n i n h k h c ;

b) Y u c u c q u a n c ú t h m q u y n d u y t r t r t t c u c h p ; t r c x u t n h n g n g i k h ô n g t u á n t h q u y n i u h à n h c a c h t o , c ý g ô y r i t r t t , n g n c n t i n t r i n b n h t h n g c a c u c h p h o c k h n g t u ó n t h c c y u c u v k i m t r a a n n i n h r a k h i c u c h p i h i n g c ô n g ;



học Ban kiểm soát và công có quy định những sự phi pháp nhằm cho một học mới sẽ xảy ra.

4. Các quy định của thông qua tích hợp những công việc công trình và quy định tham dự định 100% những sự pháp có quy định là hợp pháp và cuối cùng ngay khi triển khai và thực hiện, nội dung chương trình và thực hiện hành pháp những thực hiện những quy định.

5. Trường hợp thông qua quy định những định lý kiến bản văn bản quy định của những công thông qua những sự công định ít nhất 75% những sự phi pháp quy định chấp thuận; tất cả do cuối công ty quy định.

6. Quy định của những công phi công báo công có quy định hợp pháp những công trong những năm mỗi ngày, kể từ ngày quy định của thông qua.

**Điều 105.** Thẩm quyền và thực hiện kiến công bản văn bản thông qua quy định của những công

Trong trường hợp cuối công ty không có quy định khác thẩm quyền và thực hiện kiến công bản văn bản thông qua quy định của những công thực hiện theo quy định sau đây:

1. Những quy định kiến công bản văn bản thông qua quy định của những công bắt đầu từ thời điểm thi công xây dựng công trình;

2. Những quy định phụ thuộc phụ lý kiến, điều kiện quy định của những công và các tài liệu ghi nhận điều kiện quy định. Phụ lý kiến kiểm tra theo điều kiện quy định và tài liệu ghi nhận phụ kiện giám sát công trình bảo đảm chất lượng công trình;

3. Phụ lý kiến phải có các nội dung chi tiết sau đây:

a) Tên, địa chỉ, số chi nhánh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh của công ty;

b) Mục đích kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ, quê quán, chức vụ, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của công nhân; tên, địa chỉ, quê quán, chức vụ, quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của công nhân đi theo quy định của công nhân là thực tế; số lượng pháp nhân tại nơi và sự phi pháp quy định của công nhân;

d) Văn bản kiến thông qua quy định;

e) Phương án bảo vệ quy định bao gồm tán thành, không tán thành và không chú ý kiến;

f) Thời hạn ghi vào công ty phụ lý kiến có trách nhiệm;

g) Họ, tên, chức vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đi định theo pháp luật của công ty;

4. Phụ lý kiến có trách nhiệm phải có chứng cứ của công nhân, của người đi định theo quy định hoặc người đi định theo pháp luật của công nhân là thực tế.

Phi ul y ý ki n g i v công ty ph i c ng trong phong b d n k n và kh ng ai c quy n m tr c khi ki m phi u. Các phi ul y ý ki n g i v công ty sau th i h n ó x c nh t i n i dung phi ul y ý ki n ho c ó b m u không h p l ;

5. H i ng qu n tr ki m phi u và l p bi n b n ki m phi u d i s ch ng ki n c a Ban ki m so tho c c a c ông không n m gi ch c v qu n lý công ty.

Bi n b n ki m phi u ph i cú c c n i dung ch y u sau ây:

a) T n, a ch tr s chính, s và ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh, n i ng ký kinh doanh;

b) M c ích và c c v n c n l y ý ki n thông qua quy t nh;

c) S c ông v i t ng s phi u bi u quy t ó tham gia bi u quy t, trong ó phân bi t s phi u bi u quy t h p l và s bi u quy t kh ng h p l , k m theo ph l c danh s ch c ông tham gia bi u quy t;

d) T ng s phi u t n thành, kh ng t n thành và kh ng cú ý ki n i v i t ng v n ;

) Các quy t nh ó c thông qua;

e) H , t n, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr , ng i i di n theo pháp lu t c a công ty và c a ng i gi m s t ki m phi u.

C c thành vi n H i ng qu n tr và ng i gi m s t ki m phi u ph i li n i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a bi n b n ki m phi u; li n i ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t các quy t nh c thông qua do ki m phi u không trung th c, không chính xác;

6. Bi n b n k t qu ki m phi u ph i c gi n các c ông trong th i h n m i l m ngày, k t ngày k t th c ki m phi u;

7. Phi ul y ý ki n ó c tr l i, bi n b n ki m phi u, toàn v n ngh quy t ó c thông qua và tài li u cú li n quan g i k m theo phi ul y ý ki n u ph i c l u gi t i tr s chính c a công ty;

8. Quy t nh c thông qua theo h nh th c l y ý ki n c ông b ng v n b n có giá tr nh quy t nh c thông qua t i cu c h p i h i ng c ông.

#### **i u 106. Bi n b n h p i h i ng c ông**

1. Cu c h p i h i ng c ông ph i c ghi vào s bi n b n c a c ng ty. Bi n b n ph i l p b ng ti ng Vi t, cú th c b ng ti ng n c ngoài và ph i cú c c n i dung ch y u sau ây:

a) T n, a ch tr s chính, s và ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh, n i ng ký kinh doanh;

b) Th i gian và a i m h p i h i ng c ông;

c) Ch ng tr nh và n i dung cu c h p;

d) Ch to và th ký;

) Tóm t t di n bi n cu c h p và c c ý ki n ph t bi u t i i h i ng c ông v t ng v n trong n i dung ch ng tr nh h p;

g) S c ông và t ng s phi u bi u quy t c a c c c ông d h p, ph l c danh sách ng ký c ông, i di n c ông d h p v i s c ph n và s phi u b u t ng ng;

h) T ng s phi u bi u quy t i v i t ng v n bi u quy t, trong ó ghi r t ng s phi u t n thành, kh ng t n thành và kh ng cú ý ki n; t l t ng ng tr n t ng s phi u bi u quy t c a c ông d h p;

i) Các quy t nh ó c thông qua;

k) H , t n, ch ký c a ch to và th ký.

Bi n b n c l p b ng ti ng Vi t và ti ng n c ngoài u có hi u l c pháp lý nh nhau.

2. Bi n b n h p i h i ng c ông ph i làm xong và th ng qua tr c khi b m c cu c h p.

3. Ch to và th ký cu c h p ph i li n i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a n i dung bi n b n.

Bi n b n h p i h i ng c ông ph i c g i n t t c c ông trong th i h n m i l m ngày, k t ngày b m c cu c h p.

Bi n b n h p i h i ng c ông, ph l c danh sách c ông ng ký d h p, toàn v n ngh quy t ó c thông qua và tài li u cú li n quan g i k m theo th ng b o m i h p ph i c l u gi t i tr s chính c a công ty.

#### **i u 107. Y u c u hu b quy t nh c a i h i ng c ông**

Trong th i h n ch n m i ngày, k t ngày nh n c bi n b n h p i h i ng c ông ho c bi n b n k t qu ki m phi u l y ý ki n i h i ng c ông, c ông, thành vi n H i ng qu n tr, Giám c ho c T ng giám c, Ban ki m soát có quy n y u c u Toà n ho c Tr ng tài xem x t, hu b quy t nh c a i h i ng c ông trong các tr ng h p sau ây:

1. Tr nh t và th t c tri u t p h p i h i ng c ông không th c hi n úng theo quy nh c a Lu t này và i u l công ty;

2. Tr nh t , th t c ra quy t nh và n i dung quy t nh vi ph m pháp lu t ho c i u l công ty.

#### **i u 108. H i ng qu n tr**

1. H i ng qu n tr là c quan qu n lý c ng ty, cú toàn quy n nhõn danh c ng ty quy t nh, th c hi n các quy n và ngh a v c a c ng ty kh ng thu c th m quy n c a i h i ng c ông.

2. H i ng qu n tr có các quy n và nhi m v sau ây:

a) Quy t nh chi n l c, k ho ch ph t tri n trung h n và k ho ch kinh doanh h ng n m c a công ty;

b) Ki n ngh lo i c ph n và t ng s c ph n c quy n chào b n c a t ng lo i;

c) Quy t nh chào b n c ph n m i trong ph m vi s c ph n c quy n chào b n c a t ng lo i; quy t nh huy ng th m v n theo h nh th c kh c;

- d) Quy t nh giá chào b n c ph n và tr i phi u c a c ng ty;
- ) Quy t nh mua l i c ph n theo quy nh t i kho n l i u 91 c a Lu t này;
- e) Quy t nh ph ng án ut và đ n ut trong th m quy n và gi i h n theo quy nh c a Lu t này ho c i u l công ty;
- g) Quy t nh gi i pháp phát tri n th tr ng, ti p th và c ng ngh ; th ng qua h p ng mua, bán, vay, cho vay và h p ng khác có giá tr b ng ho c l n h n 50% t ng giá tr tài s n c ghi trong báo cáo tài ch nh g n nh t c a c ng ty ho c m t t l kh c nh h n quy nh t i i u l công ty, tr h p ng và giao d ch quy nh t i kho n l và kho n 3 i u 120 c a Lu t này;
- h) B nhi m, mi n nhi m, cách ch c, ký h p ng, ch m đ th p ng i v i Giám c ho c T ng giám c và ng i qu n lý quan tr ng kh c do i u l công ty quy nh; quy t nh m c l ng và l i ch kh c c a nh ng ng i qu n lý ó; c ng i i đ i n theo u quy n th c hi n quy n s h u c ph n ho c ph n v n góp công ty khác, quy t nh m c th lao và l i ch kh c c a nh ng ng i ó;
- i) Giám sát, ch o Giám c ho c T ng giám c và ng i qu n lý kh c trong i u hành c ng vi c kinh doanh h ng ngày c a c ng ty;
- k) Quy t nh c c ut ch c, quy ch qu n lý n i b công ty, quy t nh thành l p công ty con, l p chi nhánh, v n ph ng i đ i n và vi c gúp v n, mua c ph n c a doanh nghi p kh c;
- l) Duy t ch ng tr nh, n i dung tài li u ph c v h p i h i ng c ông, tri u t p h p i h i ng c ông ho c l y ý ki n i h i ng c ông thông qua quy t nh;
- m) Tr nh b o c o quy t to n tài ch nh h ng n m l n i h i ng c ông;
- n) Ki n ngh m c c t c c tr ; quy t nh th i h n và th t c tr c t cho c x lý l ph t sinh trong qu tr nh kinh doanh;
- o) Ki n ngh vi c t ch c l i, gi i th ho c y u c u ph s n c ng ty;
- p) C c quy n và nhi m v kh c theo quy nh c a Lu t này và i u l công ty.

3. H i ng qu n tr thông qua quy t nh b ng bi u quy t t i cu c h p, l y ý ki n b ng v n b n ho c h nh th c kh c do i u l công ty quy nh. M i thành vi n H i ng qu n tr có m t phi u bi u quy t.

4. Khi th c hi n ch c n ng và nhi m v c a m nh, H i ng qu n tr tuân th úng quy nh c a pháp lu t, i u l công ty và quy t nh c a i h i ng c ông. Trong tr ng h p quy t nh do H i ng qu n tr thông qua trái v i quy nh c a pháp lu t ho c i u l công ty gây thi t h i cho công ty th c c thành vi n ch p thu n th ng qua quy t nh ó ph i c ng li n i ch u trách nhi m cá nhân v quy t nh ó và ph i n b thi t h i cho c ng ty; thành vi n ph n i thông qua quy t nh nói tr n c mi n tr trách nhi m. Trong tr ng h p này, c ông s h u c ph n c a công ty li n t c trong th i h n t nh t m t n m có quy n y u c u H i ng qu n tr nh ch th c hi n quy t nh nói tr n.

#### **i u 109.** Nhi m k và s l ng thành vi n H i ng qu n tr

1. H i ng qu n tr có không ít h n ba thành vi n, kh ng qu m i m t thành vi n, n u i u l công ty không có quy nh khác. S thành vi n H i ng qu n tr ph i th ng

trú. Vị trí Nam do i u l công ty quy nh. Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị là n m n m. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị không quá n m n m; thành viên Hội đồng quản trị có thể c b u l i v i s nhiệm vụ không h n ch .

2. Hội đồng quản trị của nhiệm vụ và kết thúc tiếp tục hoạt động cho n khi Hội đồng quản trị m i c b u và tiếp quản công việc.

3. Trường hợp cú thành viên c b u b sung hoặc thay thế thành viên b m i n nhĩ m, bổĩ nhiệm trong th i h n nhĩ m k th nhĩ m k c a thành viên ó là th i h n c n l i c a nhĩ m k H i đ ng qu n tr .

4. Thành viên Hội đồng quản trị không nh t thi t ph i là c ông c a công ty.

#### **i u 110.** Tiêu chuẩn và i u ki n làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị ph i có các tiêu chuẩn và i u ki n sau đây:

a) Có n ng l c hành vi đĩn s , kh ng thu c i t ng b c m qu n lý doanh nghi p theo quy nh c a Lu t này;

b) Là c ông cá nhân s h u ít nh t 5% t ng s c ph n ph thông hoặc ng i khác có tr nh chuy n m n, kinh nghi m trong qu n lý kinh doanh hoặc trong ngành, ngh kinh doanh ch y u c a c ng ty hoặc ti u chu n, i u ki n khác quy nh t i i u l công ty.

2. i v i công ty con là c ng ty mà Nhà n c s h u s c ph n tr n 50% v n i u l th thành viên Hội đồng quản trị không c là ng i li n quan c a ng i qu n lý, ng i cú th m quy n b nhĩ m ng i qu n lý c ng ty m .

#### **i u 111.** Chức năng Hội đồng quản trị

1. i h i ng c ông hoặc Hội đồng quản trị b u Chức năng Hội đồng quản trị theo quy nh t i i u l công ty. Trường hợp Hội đồng quản trị b u Chức năng Hội đồng quản trị th Chức năng c b u trong s thành viên Hội đồng quản trị. Chức năng Hội đồng quản trị có thể ki m Gi m c hoặc T ng giám c công ty n u i u l công ty không có quy nh khác.

2. Chức năng Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Lập kế hoạch kinh doanh, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chọn bổ hoặc t ch c vi c chu n b ch ng tr nh, n i dung, tài li u ph c v cu c h p; tri u t p và ch to cu c h p H i đ ng qu n tr ;

c) T ch c vi c thông qua quy t nh c a Hội đồng quản trị;

d) Gi m s t qu tr nh t ch c th c hi n c c quy t nh c a Hội đồng quản trị;

) Ch to h p i h i ng c ông;

e) C c quy n và nhiệm vụ kh c theo quy nh c a Lu t này và i u l công ty.

3. Trường hợp Chức năng Hội đồng quản trị v ng m t th u quy n b ng v n b n cho m t thành viên kh c th c hi n các quyền và nhiệm vụ của Chức năng Hội đồng quản trị theo quy n t c quy nh t i i u l công ty. Trường hợp không có ng i c u quy n hoặc Chức năng Hội đồng quản trị không làm việc c th c c thành viên c n l i b u m t

ng i trong s c c thành vi n t m th i gi ch c Ch t ch H i ng qu n tr theo quy n t c a s quá bán.

### **i u 112.** Cu c h p H i ng qu n tr

1. Tr ng h p H i ng qu n tr b u Ch t ch th cu c h p u ti n c a nhi m k H i ng qu n tr b u Ch t ch và ra c c quy t nh khác thu c th m quy n ph i c ti n hành trong th i h n b y ngày làm vi c, k t ngày k t th c b u c H i ng qu n tr nhi m k ó. Cu c h p này do thành vi n cú s phi u b u cao nh t tri u t p. Tr ng h p cú nhi u h n m t thành vi n cú s phi u b u cao nh t và ngang nhau th c c thành vi n ó b u theo quy n t c a s m t ng i trong s h tri u t p h p H i ng qu n tr .

2. H i ng qu n tr có th h p nh k ho c b t th ng. H i ng qu n tr cú th h p t i tr s ch nh c a c ng ty ho c n i kh c.

3. Cu c h p nh k c a H i ng qu n tr do Ch t ch tri u t p b t c khi nào n u x t th y c n thi t, nh ng m i quý ph i h p t nh t m t l n.

4. Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p h p H i ng qu n tr khi có m t trong các tr ng h p sau ây:

- a) Có ngh c a Ban ki m soát;
- b) Có ngh c a Giám c ho c T ng giám c ho c ít nh t n m ng i qu n lý khác;
- c) Có ngh c a ít nh t hai thành vi n H i ng qu n tr ;
- d) C c tr ng h p kh c do i u l công ty quy nh.

ng h p i c l p thành v n b n, trong ó n u r m c ích, v n c n th o lu n và quy t nh thu c th m quy n c a H i ng qu n tr .

5. Ch t ch ph i tri u t p h p H i ng qu n tr trong th i h n m i l m ngày, k t ngày nh n c ngh quy nh t i kho n 4 i u này. Tr ng h p Ch t ch kh ng tri u t p h p H i ng qu n tr theo ngh th Ch t ch ph i ch u tr ch nhi m v nh ng thi t h i x y ra i v i công ty; ng i ngh có quy n thay th H i ng qu n tr tri u t p h p H i ng qu n tr .

6. Ch t ch H i ng qu n tr ho c ng i tri u t p h p H i ng qu n tr ph i g i thông báo m i h p ch m nh t n m ngày làm vi c tr c ngày h p n u i u l công ty không có quy nh khác. Thông báo m i h p ph i xác nh c th th i gian và a i m h p, ch ng tr nh, c c v n th o lu n và quy t nh. K m theo th ng b o m i h p ph i cú tài li u s d ng t i cu c h p và phi u bi u quy t c a thành vi n.

Thông báo m i h p c g i b ng b u i n, fax, th i n t ho c ph ng ti n khác, nh ng ph i b o m n c a ch c a t ng thành vi n H i ng qu n tr c ng ký t i công ty.

7. Ch t ch H i ng qu n tr ho c ng i tri u t p ph i g i thông báo m i h p và c c tài li u k m theo n các thành vi n Ban ki m so t và Gi m c ho c T ng giám c nh i v i thành vi n H i ng qu n tr .

Thành vi n Ban ki m so t, Gi m c ho c T ng giám c không ph i là thành vi n H i ng qu n tr , có quy n đ c các cu c h p c a H i ng qu n tr ; có quy n th o lu n nh ng không c bi u quy t.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tiến hành khi có ít nhất ba thành viên trong hội đồng.

Thành viên không trực tiếp họp có quyền biểu quyết thông qua bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải gửi trong phong bì kín và phải chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 05 ngày trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết có mặt trước sự chứng kiến của ít nhất một thành viên hội đồng.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu đa số thành viên đồng ý chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Thành viên phải tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên có quyền yêu cầu người khác đồng ý hoặc không đồng ý thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

### **Điều 113. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể bằng tiếng nước ngoài, có nội dung chi tiết sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành ký kinh doanh;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Hội đồng, thành viên hội đồng họp theo nghị quyết của hội đồng; hội đồng chấp thuận thành viên không đồng ý và lý do;
- e) Các văn bản thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phần biểu quyết kiến nghị thành viên đồng ý theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ nội dung thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các quyết định được thông qua;
- i) Hội đồng, chủ tịch chấp thuận thành viên hoặc từ chối theo quy định.

Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm viết nội dung trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau.

### **Điều 114. Quy định cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó giám đốc hoặc Phó tổng giám đốc, người quản lý các nhân viên trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu viết nội dung tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và các nhân viên trong công ty.

2. Người quản lý có quyền phủ quyết, ký và chấp thuận các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 115.** Nhiệm vụ, bổn phận và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bổn phận, nhiệm vụ trong các trường hợp sau đây:

- a) Không có tài sản và tài sản theo quy định tại Điều 110 của Luật này;
- b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tiếp, trường hợp bất khả kháng;
- c) Chưa xin thôi việc;
- d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quy định của Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị giảm quá một phần ba số vốn quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Điều lệ công ty trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên giảm quá một phần ba bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, điều lệ công ty quy định, Điều lệ công ty bổn phận thay thế thành viên Hội đồng quản trị số bị miễn nhiệm, bổn phận.

**Điều 116.** Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty

1. Hội đồng quản trị bổn phận miễn nhiệm trong số hồ sơ thu thập khi làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định thì Hội đồng quản trị là người đi đầu theo pháp luật thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người đi đầu theo pháp luật của công ty.

2. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người đi đầu hành vi kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của giao.

Nhiệm vụ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không quá nhiệm vụ; có thể có bổn phận liên quan đến nhiệm vụ không hạn chế.

Tài sản và tài sản của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 57 của Luật này.

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty không được tham gia làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

3. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Quy định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không cần phải có quy định của Hội đồng quản trị;
- b) Thực hiện các quy định của Hội đồng quản trị;
- c) Thực hiện kế hoạch kinh doanh và phân bổ nguồn lực của công ty;

d) Kinh phí ngân sách, quy chế quản lý nội bộ công ty;

e) Bảng kê, minh bạch, cách thức các chế độ danh quản lý trong công ty, trình các chế độ thu chi theo quy định của Hội đồng quản trị;

f) Quy định lao động và phúc lợi (nụ cứu) dành cho người lao động trong công ty kể cả người quản lý theo chế độ quy định của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kinh phí ngân sách nội bộ cho các lý lẽ trong kinh doanh;

i) Các quy định và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, nội bộ công ty và quy định của Hội đồng quản trị.

4. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm về các kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, nội bộ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và quy định của Hội đồng quản trị. Nếu chịu trách nhiệm về các quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

**Điều 117.** Tuổi, trình độ và lịch sử các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc

1. Công ty có quy định tuổi, trình độ cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kế hoạch và hiệu quả kinh doanh.

2. Trong trường hợp nội bộ công ty không có quy định khác về tuổi, trình độ và lịch sử các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc thì theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị phải có năng lực lao động và tinh thần. Tuổi lao động phải tính theo số ngày công của thành viên Hội đồng quản trị và mức tuổi lao động hàng ngày. Hội đồng quản trị phải tính mức tuổi lao động cho thành viên theo nguyên tắc như trên. Tuổi mức tuổi lao động của Hội đồng quản trị do Hội đồng công ty quyết định cụ thể hàng năm;

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thanh toán các chi phí, lãi, lỗ và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ công giao;

c) Giám đốc hoặc Tổng giám đốc chịu trách nhiệm và tinh thần. Trình độ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tuổi của thành viên Hội đồng quản trị và trình độ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác phải tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp và phải chi trả thành mức riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phải báo cáo Hội đồng công ty cụ thể hàng năm.

**Điều 118.** Công khai các lịch sử liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải khai các lịch sử liên quan của họ với công ty, bao gồm:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung ký kinh doanh của doanh nghiệp mà hình thức sử dụng vốn góp hoặc cổ phần; tên và thẩm định sử dụng vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung ký kinh doanh của doanh nghiệp mà nội dung nội dung liên quan của hồ sơ sử dụng vốn góp hoặc cổ phần chiếm 35% vốn điều lệ.

2. Việc khai quy định từ khoản 1 điều này phải thực hiện trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh liên hệ liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải khai báo với công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Việc khai quy định từ khoản 1 và khoản 2 điều này phải được thông báo cho hội đồng công ty chủ tịch, thành viên và các thành viên, ủy viên tư vấn của doanh nghiệp. Công ty, hội đồng theo quy định của công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có quyền xem xét nội dung khai báo để làm rõ những thắc mắc.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác thực hiện công việc đăng ký kinh doanh trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty ủy quyền cho người đại diện, nội dung của công việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên khi các thành viên của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập của công ty.

### **Điều 119.** Nghĩa vụ của người quản lý công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện các quy định và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật này, pháp luật có liên quan, nội dung công ty, quy định của nội dung công ty;

b) Thực hiện các quy định và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tận tâm nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty và công ty;

c) Trung thành với lợi ích của công ty và công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, lợi ích kinh doanh của công ty, lợi ích cá nhân, lợi ích gia đình và tài sản của công ty để lợi ích cá nhân, lợi ích gia đình, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà hình thức sử dụng vốn liên quan của họ làm chủ hoặc sử dụng vốn góp, cổ phần chi phí; thông báo này cần phải có nội dung chi tiết về các doanh nghiệp và chi nhánh của công ty.

2. Ngoài các nghĩa vụ quy định từ khoản 1 điều này, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không được lợi dụng, trục lợi khi công ty không thanh toán các khoản nợ của công ty.

3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và nội dung công ty.

**Điều 120.** Hợp đồng, giao dịch phi công ích của Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch của công ty vì các lợi ích sau đây phi công ích của Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Công nợ, nghĩa vụ tài sản quy định của công ty được ưu tiên 35% tổng số phần vốn góp của công ty và nghĩa vụ tài sản của công ty;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;

c) Doanh nghiệp quy định tại mục a và mục b khoản 1 Điều 118 của Luật này và nghĩa vụ tài sản của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất theo một lần khi cần thiết quy định tại Điều 1 của Công ty. Trong trường hợp này, nghĩa vụ tài sản theo pháp luật phải ghi nhận các thành viên Hội đồng quản trị; nếu có thì trừ số tiền, chi nhánh của công ty để thanh toán hợp đồng hoặc thông báo nội dung chi yêu cầu giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định về chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn một tháng kể từ ngày niêm yết; thành viên có liên quan không được quy định.

3. Lợi ích của công ty chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trừ thanh toán hợp đồng hoặc giá trị nhỏ hơn nội dung chi yêu cầu giao dịch tại cuộc họp lợi ích của Hội đồng công lý ý kiến của ông bằng văn bản. Trong trường hợp này, công ty có liên quan không được quy định; hợp đồng hoặc giao dịch chấp thuận khi có số nghĩa vụ tài sản ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Hợp đồng, giao dịch bất công và xử lý theo quy định của pháp luật khi công ty giao kết hoặc thực hiện mà chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Nghĩa vụ tài sản theo pháp luật của công ty, công ty, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bị đình chỉ thi hành, hoàn trả cho công ty các khoản lợi nhuận và lợi ích thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

### **Điều 121.** Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có tối đa năm thành viên nếu là công ty không có quy định khác; nếu không của Ban kiểm soát không quá năm năm; thành viên Ban kiểm soát có thể bầu lại nếu nhiệm kỳ không hết hạn.

2. Các thành viên Ban kiểm soát bầu trong số làm Trưởng ban kiểm soát. Quy định và nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có ít nhất ba thành viên trong đó có ít nhất một người là người đại diện cho thành viên là khách hàng của công ty và một người là khách hàng của công ty.

3. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa bầu được Trưởng ban kiểm soát thì nhiệm kỳ của Ban kiểm soát nhiệm kỳ trước đó tiếp tục thực hiện quy định và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới bầu được Trưởng ban kiểm soát.

### **Điều 122.** Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) T 21 tu i tr l n, cú n ng l c hành vi đôn s và kh ng thu c i t ng b c m thành l p và qu n lý doanh nghi p theo quy nh c a Lu t này;

b) Kh ng ph i là v ho c ch ng, cha, cha nu i, m , m nu i, con, con nu i, anh, ch , em ru t c a thành vi n H i ng qu n tr , Giám c ho c T ng giám c và ng i qu n lý kh c.

2. Thành vi n Ban ki m so t kh ng c gi các ch c v qu n lý công ty. Thành vi n Ban ki m so t kh ng nh t thi t ph i là c ông ho c ng i lao ng c a công ty.

### **i u 123. Quy n và nhi m v c a Ban ki m so t**

1. Ban ki m soát th c hi n giám sát H i ng qu n tr , Giám c ho c T ng giám c trong vi c qu n lý và i u hành c ng ty; ch u tr ch nhi m tr c i h i ng c ông th c hi n các nhi m v c giao.

2. Ki m tra t nh h p lý, h p ph p, t nh trung th c và m c c n tr ng trong qu n lý, i u hành ho t ng kinh doanh, trong t ch c công tác k toán, th ng k và l p b o c o tài ch nh.

3. Th m nh báo cáo t nh h nh kinh doanh, b o c o tài ch nh h ng n m và s u th ng c a c ng ty, b o c o ánh giá công tác qu n lý c a H i ng qu n tr .

Tr nh b o c o th m nh báo cáo tài ch nh, b o c o t nh h nh kinh doanh h ng n m c a công ty và b o c o ánh giá công tác qu n lý c a H i ng qu n tr l n i h i ng c ông t i cu c h p th ng ni n.

4. Xem x t s k to n và c c tài li u kh c c a c ng ty, c c c ng vi c qu n lý, i u hành ho t ng c a công ty b t c khi nào n u x t th y c n thi t ho c theo quy t nh c a i h i ng c ông ho c theo y u c u c a c ông ho c nhóm c ông quy nh t i kho n 2 i u 79 c a Lu t này.

5. Khi cú y u c u c a c ông ho c nhóm c ông quy nh t i kho n 2 i u 79 c a Lu t này, Ban ki m so t th c hi n ki m tra trong th i h n b y ngày làm vi c, k t ngày nh n c y u c u. Trong th i h n m i l m ngày, k t ngày k t th c ki m tra, Ban ki m so t ph i b o c o gi i tr nh v nh ng v n c y u c u ki m tra n H i ng qu n tr và c ông ho c nhóm c ông có y u c u.

Vi c ki m tra c a Ban ki m soát quy nh t i kho n này kh ng c c n tr ho t ng b nh th ng c a H i ng qu n tr , không gây gián o n i u hành ho t ng kinh doanh c a công ty.

6. Ki n ngh H i ng qu n tr ho c i h i ng c ông các bi n pháp s a i, b sung, c i ti n c c u t ch c qu n lý, i u hành ho t ng kinh doanh c a công ty.

7. Khi ph t hi n cú thành vi n H i ng qu n tr , Giám c ho c T ng giám c vi ph m ngh a v c a ng i qu n lý công ty quy nh t i i u 119 c a Lu t này th ph i th ng b o ngay b ng v n b n v i H i ng qu n tr , y u c u ng i cú hành vi vi ph m ch m đ t hành vi vi ph m và cú gi i ph p kh c ph c h u qu .

8. Th c hi n c c quy n và nhi m v kh c theo quy nh c a Lu t này, i u l công ty và quy t nh c a i h i ng c ông.

9. Ban ki m soát có quy n s đ ng t v n c l p th c hi n các nhi m v c giao.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi triển bố cáo, kết luận và kiến nghị liên hệ Hội đồng.

**Điều 124.** Quy định cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thành viên Hội đồng, người ủy quyền thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải cung cấp thành viên Ban kiểm soát bằng văn bản và theo phương thức như quy định thành viên Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trước Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành cung cấp thành viên Ban kiểm soát bằng văn bản và theo phương thức như quy định thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền nhận các tài liệu quan trọng và nhận văn bản của công ty làm việc.

4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp ý kiến, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

**Điều 125.** Thời lao và lịch kế của thành viên Ban kiểm soát

Trong trường hợp điều lệ công ty không có quy định thời lao và lịch kế của thành viên Ban kiểm soát thì thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát thực hiện thời lao theo công việc và chức năng các lợi ích khác theo quy định của Hội đồng. Hội đồng quy định từng mức thời lao và nguồn số giờ hàng năm của Ban kiểm soát đưa vào sổ ngày làm việc định kỳ, số giờ và tính chất của công việc và mức thời lao bình quân hàng ngày của thành viên;

2. Thành viên Ban kiểm soát thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ và các chi phí khác theo quy định của công ty. Tổng mức thời lao và chi phí này không vượt quá tổng nguồn số giờ hàng năm của Ban kiểm soát do Hội đồng quy định khác;

3. Thời lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.

**Điều 126.** Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ pháp luật, điều lệ công ty, quy định của Hội đồng và các nghị quyết trong các quy định và nhiệm vụ giao.

2. Thực hiện các quy định và nhiệm vụ giao một cách trung thực, cẩn trọng, tận tâm nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của công ty và công ty của công ty.

3. Trung thành v i l i ch c a c ng ty và c ông công ty; không c s d ng thông tin, bí quy t, c h i kinh doanh c a công ty, l m d ng a v , ch c v và tài s n c a c ng ty t l i ho c ph c v l i ích c a t ch c, c nhõn kh c.

4. Các ngh a v khác theo quy nh c a Lu t này và i u l công ty.

5. Tr ng h p vi ph m ngh a v quy nh t i các kho n 1, 2, 3 và 4 i u này mà gõy thi t h i cho c ng ty ho c ng i kh c th c c thành vi n Ban ki m so t ph i ch u tr ch nhi m c nhõn ho c li n i b i th ng thi t h i ó.

M i thu nh p và l i ch kh c mà thành vi n Ban ki m so t tr c t i p ho c gi n ti p cú c do vi ph m ngh a v quy nh t i kho n 3 i u này u thu c s h u c a công ty.

6. Tr ng h p ph t hi n cú thành vi n Ban ki m so t vi ph m ngh a v trong th c hi n quy n và nhi m v c giao th H i ng qu n tr ph i thông báo b ng v n b n n Ban ki m soát; y u c u ng i cú hành vi vi ph m ch m d t hành vi vi ph m và cú gi i ph p kh c ph c h u qu .

#### **i u 127.** Mi n nhi m, bói nhi m Ban ki m so t

1. Thành vi n Ban ki m so t b mi n nhi m, bói nhi m trong c c tr ng h p sau ây:

a) Kh ng c n ti u chu n và i u ki n làm thành vi n Ban ki m so t theo quy nh t i i u 122 c a Lu t này;

b) Kh ng th c hi n quy n và nhi m v c a m nh trong s u th ng li n t c, tr tr ng h p b t kh kh ng;

c) Có n xin t ch c;

d) Các tr ng h p khác do i u l công ty quy nh.

2. Ngoài c c tr ng h p quy nh t i kho n 1 i u này, thành vi n Ban ki m so t cú th b mi n nhi m b t c khi nào theo quy t nh c a i h i ng c ông.

3. Tr ng h p Ban ki m so t vi ph m nghi m tr ng ngh a v c a m nh cú nguy c gõy thi t h i cho c ng ty th H i ng qu n tr tri u t p i h i ng c ông xem xét và mi n nhi m Ban ki m so t ng nhi m và b u Ban ki m so t m i thay th .

#### **i u 128.** Tr nh b o c o h ng n m

1. T i th i i m k t thúc n m tài ch nh, H i ng qu n tr ph i chu n b các báo cáo và tài li u sau ây:

a) B o c o v t nh h nh kinh doanh c a c ng ty;

b) B o c o tài ch nh;

c) B o c o ánh giá công tác qu n lý, i u hành c ng ty.

2. i v i công ty c ph n mà ph p lu t y u c u ph i ki m to n th b o c o tài ch nh h ng n m c a công ty c ph n ó ph i c ki m toán tr c khi tr nh i h i ng c ông xem xét, thông qua.

3. C c b o c o và tài li u quy nh t i kho n 1 i u này ph i c gi n Ban ki m soát th m nh ch m nh t ba m i ngày tr c ngày khai m c cu c h p th ng ni n c a i h i ng c ông n u i u l công ty không có quy nh khác.

4. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phi vụ trừ số chênh lệch và chi nhánh của công ty chi minh từ ngày làm việc từ ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Hội đồng công ty nếu công ty không có quy định khác.

Hội đồng sáng lập viên của công ty liên tục tiến hành tìm kiếm có quy định minh bạch công vụ và lợi ích cho các cổ đông và kiểm toán viên có chức năng hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định của pháp luật này trong thời gian hợp lý.

#### **Điều 129. Công khai thông tin về công ty công khai**

1. Công ty công khai phải ghi báo cáo tài chính hàng năm đó của Hội đồng thông qua các quan hệ nhân sự có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

2. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo nội dung công khai.

3. Mọi thành viên, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của công ty công khai tại các quan hệ kinh doanh có thẩm quyền.

## **CHƯƠNG V CÔNG TY HỢP DANH**

#### **Điều 130. Công ty hợp danh**

1. Công ty hợp danh là doanh nghiệp, trong đó:

a) Phải có ít nhất hai thành viên là chủ sở hữu chung của công ty, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung (sau đây gọi là thành viên hợp danh); ngoài các thành viên hợp danh có thể có thành viên góp vốn;

b) Thành viên hợp danh phải là cá nhân, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty;

c) Thành viên góp vốn chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

2. Công ty hợp danh có thể chấp nhận vốn góp của các cá nhân và pháp nhân kinh doanh.

3. Công ty hợp danh không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào.

#### **Điều 131. Thành viên góp vốn và các pháp nhân phải góp vốn**

1. Thành viên hợp danh và thành viên góp vốn phải góp vốn và ứng hưởng vốn như có cam kết.

2. Thành viên hợp danh không được góp vốn và ứng hưởng vốn có cam kết giả thiết cho công ty phải chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình cho công ty.

3. Trường hợp có thành viên góp vốn không được góp vốn và ứng hưởng vốn có cam kết thì số vốn của họ được coi là khoản nợ của thành viên đó đối với công ty; trong

tr ợng h p này, thành vi n giúp v n cú li n quan cú th b khai tr kh i c ng ty theo quy t nh c a H i ng thành vi n.

4. T i th i i m góp v n nh ó cam k t, thành vi n c c p gi y ch ng nh n ph n v n góp. Gi y ch ng nh n ph n v n góp ph i có các n i dung ch y u sau ây:

a) T n, a ch tr s chính c a công ty;

b) S và ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh;

c) V n i u l c a công ty;

d) T n, a ch th ng trú, qu c t ch, s Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a thành vi n; lo i thành vi n;

) Giá tr ph n v n góp và lo i tài s n giúp v n c a thành vi n;

e) S và ngày c p gi y ch ng nh n ph n v n góp;

g) Quy n và ngh a v c a ng i s h u gi y ch ng nh n ph n v n góp;

h) H , t n, ch ký c a ng i s h u gi y ch ng nh n ph n v n góp và c a c c thành vi n h p danh c a c ng ty.

5. Tr ợng h p gi y ch ng nh n ph n v n giúp b m t, b r ch, b ch y ho c b ti u hu đ i h nh th c kh c, thành vi n c công ty c p l i gi y ch ng nh n ph n v n góp.

#### **i u 132.** Tài s n c a c ng ty h p danh

1. Tài s n giúp v n c a c c thành vi n ó c chuy n quy n s h u cho công ty.

2. Tài s n t o l p c mang t n c ng ty.

3. Tài s n thu c t ho t ng kinh doanh do các thành vi n h p danh th c hi n nh ãn danh c ng ty và t c c ho t ng kinh doanh các ngành, ngh kinh doanh ó ng ký c a công ty do các thành vi n h p danh nh ãn danh c nh ãn th c hi n.

4. C c tài s n kh c theo quy nh c a pháp lu t.

#### **i u 133.** H n ch i v i quy n c a thành vi n h p danh

1. Thành vi n h p danh kh ng c làm ch doanh nghi p t nh ãn ho c thành vi n h p danh c a c ng ty h p danh kh c, tr tr ợng h p c s nh t trí c a các thành vi n h p danh c n l i.

2. Thành vi n h p danh kh ng c quy n nhân danh cá nhân ho c nhân danh ng i khác th c hi n kinh doanh c ng ngành, ngh kinh doanh c a c ng ty ó t l i ho c ph c v l i ích c a t ch c, cá nhân khác.

3. Thành vi n h p danh kh ng c quy n chuy n m t ph n ho c toàn b ph n v n giúp c a m nh t i c ng ty cho ng i kh c n u kh ng c s ch p thu n c a các thành vi n h p danh c n l i.

#### **i u 134.** Quy n và ngh a v c a thành vi n h p danh

1. Thành vi n h p danh cú c c quy n sau ây:

a) Tham gia họp, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề của công ty; miễn thành viên họp danh cửu biểu quyết hoặc cửu biểu quyết khác quy định trong điều lệ công ty;

b) Nhấn danh công ty tiến hành các hoạt động kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh có ngành ký; làm phần và ký kết hợp đồng, thoả thuận hoặc giao dịch kinh doanh khác mà thành viên họp danh cửu cho là có lợi ích cho công ty;

c) Sử dụng con dấu, tài sản của công ty hoạt động kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh có ngành ký; nếu người trực tiếp quản lý các hoạt động kinh doanh của công ty thực hiện quy định của công ty hoàn toàn độc lập và lợi theo lợi suất thì trừ ngược lại công ty;

d) Yêu cầu công ty báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh trong tháng quy định trong điều lệ có xảy ra không phải do sai sót cá nhân của chính thành viên đó;

e) Yêu cầu công ty, thành viên họp danh khác cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty; kiểm tra tài sản, sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty bất cứ khi nào cần thiết;

f) Chia lợi nhuận công ty với lợi nhuận góp hoặc theo thoả thuận quy định trong điều lệ công ty;

g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, chia phần giá trị tài sản còn lại theo tỷ lệ góp vốn vào công ty nếu điều lệ công ty không quy định khác;

h) Trưởng họp thành viên họp danh chủ tịch hoặc Bộ phận tuyển dụng là chức vụ không kiêm nhiệm của thành viên đó. Người khác có thể trở thành thành viên họp danh nếu Hội đồng thành viên chấp thuận;

i) Các quy định khác theo quy định của Luật này và điều lệ công ty.

2. Thành viên họp danh cửu nghã sau đây:

a) Tiến hành quản lý và thực hiện các công việc kinh doanh một cách trung thực, cẩn trọng và tận tâm để đem lại lợi ích hợp pháp tối đa cho công ty và tất cả thành viên;

b) Tiến hành quản lý và hoạt động kinh doanh của công ty theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ công ty và quy định của Hội đồng thành viên; nếu làm trái quy định thì miễn nhiệm, gây thiệt hại cho công ty thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại;

c) Không sử dụng tài sản của công ty để lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của cá nhân khác;

d) Hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản số nhận và bị thiệt hại gây ra vì lợi ích công ty trong trường hợp nhân danh công ty, nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác nhận tiền hoặc tài sản khác từ hoạt động kinh doanh các ngành, nghề có ngành ký của công ty mà không đem nộp cho công ty;

e) Liên hệ chịu trách nhiệm thanh toán thuế của công ty nếu tài sản của công ty không được thanh toán;

f) Chịu trách nhiệm góp vốn vào công ty hoặc theo thoả thuận quy định trong điều lệ công ty trong trường hợp công ty kinh doanh bất lợi;

g) nh k hàng th ng b o c o trung th c, ch nh x c b ng v n b n t nh h nh và k t qu kinh doanh c a m nh v i c ng ty; cung c p th ng tin v t nh h nh và k t qu kinh doanh c a m nh cho thành vi n cú y u c u;

h) Các ngh a v khác theo quy nh c a Lu t này và i u l công ty.

### **i u 135. H i ng thành vi n**

1. T t c thành vi n h p l i thành H i ng thành vi n. H i ng thành vi n b u m t thành vi n h p danh làm Ch t ch H i ng thành vi n, ng th i ki m Gi m c ho c T ng giám c công ty n u i u l công ty không có quy nh khác.

2. Thành vi n h p danh cú quy n y u c u tri u t p h p H i ng thành vi n th o lu n và quy t nh công vi c kinh doanh c a công ty. Thành vi n y u c u tri u t p h p p h i chu n b n i dung, ch ng tr nh và tài li u h p.

3. H i ng thành vi n cú quy n quy t nh t t c công vi c kinh doanh c a công ty. N u i u l công ty không quy nh th quy t nh các v n sau ây p h i c ít nh t ba ph n t t ng s thành vi n h p danh ch p thu n:

a) Ph ng h ng ph t tri n c ng ty;

b) S a i, b sung i u l công ty;

c) Ti p nh n th m thành vi n h p danh m i;

d) Ch p nh n thành vi n h p danh r t kh i c ng ty ho c quy t nh khai tr thành vi n;

) Quy t nh d án u t ;

e) Quy t nh vi c vay và huy ng v n d i h nh th c khác, cho vay v i giá tr b ng ho c l n h n 50% v n i u l c a công ty, tr tr ng h p i u l công ty quy nh m t t l khác cao h n;

g) Quy t nh mua, bán tài s n cú gi tr b ng ho c l n h n v n i u l c a công ty, tr tr ng h p i u l công ty quy nh m t t l khác cao h n;

h) Quy t nh thông qua báo cáo tài ch nh h ng n m, t ng s l i nhu n c chia và s l i nhu n chia cho t ng thành vi n;

i) Quy t nh gi i th công ty.

4. Quy t nh v các v n khác không quy nh t i kho n 3 i u này c thông qua n u c ít nh t hai ph n ba t ng s thành vi n h p danh ch p thu n; t l c th do i u l công ty quy nh.

5. Quy n tham gia bi u quy t c a thành vi n gúp v n c th c hi n theo quy nh c a Lu t này và i u l công ty.

### **i u 136. Tri u t p h p H i ng thành vi n**

1. Ch t ch H i ng thành vi n cú th tri u t p h p H i ng thành vi n khi x t th y c n thi t ho c theo y u c u c a thành vi n h p danh. Tr ng h p Ch t ch H i ng thành vi n kh ng tri u t p h p theo y u c u c a thành vi n h p danh th thành vi n ó tri u t p h p H i ng thành vi n.

2. Thông báo miệng có thể bằng giấy mặt, điện thoại, fax, telex hoặc các phương tiện khác. Thông báo miệng phải in trên mặt giấy, y u cầu và nội dung hợp, chính xác và đầy đủ, trở thành văn bản y u cầu từ pháp.

Các tài liệu thuộc các dạng quy định các văn quy định tại khoản 3 điều 135 của Luật này phải ghi rõ tên thành viên; thời gian ghi rõ do nội dung công ty quy định.

3. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc thành viên y u cầu từ pháp phải có chức vụ Chủ tịch của Hội đồng thành viên phải ghi vào sổ biên bản của công ty. Nội dung biên bản phải có nội dung như sau đây:

- a) Tên, địa chỉ số chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh;
- b) Mục đích, chính xác và nội dung hợp;
- c) Thời gian, địa điểm;
- d) Hội đồng, thành viên danh dự;
- e) Các ý kiến của thành viên danh dự;
- f) Các quy định được thông qua, số thành viên chấp thuận và nội dung của biên bản các quy định đó;
- g) Hội đồng, chủ ký của các thành viên danh dự.

#### **Điều 137.** Điều lệ hành kinh doanh của công ty hợp danh

1. Các thành viên hợp danh có quyền di chuyển theo pháp luật và thực hiện hành động kinh doanh hàng ngày của công ty. Mọi hành vi của thành viên hợp danh trong thời hạn của kinh doanh hàng ngày của công ty chỉ có hiệu lực đối với bên thứ ba khi người đó có biểu hiện chấp thuận.

2. Trong điều lệ hành động kinh doanh của công ty, thành viên hợp danh phải phân công nhau nhiệm vụ các chức danh quản lý và kiểm soát công ty.

Khi mất số hoặc tất cả thành viên hợp danh công ty thì công ty phải có kinh doanh thì quy định được thông qua theo nguyên tắc sau.

Hành động của thành viên hợp danh thực hiện ngoài phạm vi hành động kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh có đăng ký của công ty thì không chịu trách nhiệm của công ty, trừ trường hợp hành động đó có các thành viên chấp thuận.

3. Công ty có thể mở tài khoản tại ngân hàng. Hội đồng thành viên chấp thuận thành viên chấp thuận quy định và rút tiền từ tài khoản đó.

4. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có các nhiệm vụ sau đây:

- a) Quản lý và điều hành công ty kinh doanh hàng ngày của công ty và thực hiện là thành viên hợp danh;
- b) Trụ sở và thực hiện Hội đồng thành viên; ký các quy định hoặc nghị quyết của Hội đồng thành viên;

c) Phõn c ng, ph i h p c ng vi c kinh doanh gi a c c thành vi n h p danh; ký c c quy t nh v quy ch , n i quy và c c c ng vi c t ch c n i b kh c c a c ng ty;

d) T ch c s p x p, l u gi y và trung th c s k to n, ho n, ch ng t và c c tài li u kh c c a c ng ty theo quy nh c a pháp lu t;

) i di n cho công ty trong quan h v i c quan nh à n c; i di n cho công ty v i t c ch là b n ho c nguy n n trong các v ki n, tranh ch p th ng m i ho c các tranh ch p khác;

e) Các nhi m v khác do i u l công ty quy nh.

### **i u 138.** Ch m d t t c ch thành vi n h p danh

1. T c ch thành vi n h p danh ch m d t trong các tr ng h p sau ây:

a) T nguy n r t v n kh i c ng ty;

b) Ch t ho c b To à n tuy n b là ó ch t;

c) B To à n tuy n b là m t t ch, h n ch n ng l c hành vi dõn s ho c m t n ng l c hành vi dõn s ;

d) B khai tr kh i c ng ty;

) Các tr ng h p khác do i u l công ty quy nh.

2. Thành vi n h p danh cú quy n r t v n kh i c ng ty n u c H i ng thành vi n ch p thu n. Trong tr ng h p này, thành vi n mu n r t v n kh i c ng ty ph i th ng b o b ng v n b n y u c u r t v n ch m nh t s u th ng tr c ngày rút v n; ch c rút v n vào th i i m k t thúc n m tài ch nh và b o c o tài ch nh c a n m tài ch nh ó ó c thông qua.

3. Thành vi n h p danh b khai tr kh i c ng ty trong c c tr ng h p sau ây:

a) Không có kh n ng góp v n ho c không góp v n nh ó cam k t sau khi c ng ty ó cú y u c u l n th hai;

b) Vi ph m quy nh t i i u 133 c a Lu t này;

c) Ti n hành c ng vi c kinh doanh kh ng trung th c, kh ng c n tr ng ho c cú hành vi kh ng th ch h p kh c gõy thi t h i nghi m tr ng n l i ích c a công ty và c c thành vi n kh c;

d) Không th c hi n úng các ngh a v c a thành vi n h p danh.

4. Trong tr ng h p ch m d t t c ch thành vi n c a thành vi n b h n ch ho c b m t n ng l c hành vi dõn s th ph n v n gúp c a thành vi n ó c hoàn tr c ng b ng và tho áng.

5. Trong th i h n hai n m k t ngày ch m d t t c ch thành vi n h p danh theo quy nh t i i m a và i m d kho n l i u này th ng i ó v n ph i li n i ch u trách nhi m b ng toàn b tài s n c a m nh i v i các kho n n c a công ty ó ph t sinh tr c ngày ch m d t t c ch thành vi n.

6. Sau khi ch m d t t c ch thành vi n, n u t n c a thành vi n b ch m d t ó c s d ng làm thành m t ph n ho c toàn b t n c ng ty th ng i ó ho c ng i th a k ,

người đi đến theo pháp luật của họ có quy định về việc sử dụng tín hiệu.

**Điều 139. Thành viên**

1. Công ty có thể thành lập thành viên hợp danh hoặc thành viên góp vốn; việc thành lập thành viên của công ty phải theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên hợp danh hoặc thành viên góp vốn phải có trách nhiệm góp vốn vào công ty trong thời hạn mà luật quy định trước khi công ty thành lập hoặc trước khi thành lập quy định khác.

3. Thành viên hợp danh phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản cá nhân về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty, trừ trường hợp thành viên đó và các thành viên khác có thỏa thuận khác.

**Điều 140. Quyền và nghĩa vụ của thành viên góp vốn**

1. Thành viên góp vốn có các quyền sau đây:

a) Tham gia họp, thảo luận và biểu quyết tại Hội đồng thành viên về việc sử dụng, bổ sung vốn công ty, sử dụng, bổ sung các quyền và nghĩa vụ của thành viên góp vốn, việc chuyển nhượng và ghi tên công ty và các nội dung khác của vốn công ty có liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của họ;

b) Được chia lợi nhuận theo mức đóng góp vốn vào vốn công ty;

c) Được cung cấp báo cáo tài chính hàng năm của công ty; có quyền yêu cầu Hội đồng thành viên, thành viên hợp danh cung cấp và trung thực công tin về tình hình và kết quả kinh doanh của công ty; xem xét sổ kế toán, sổ biên bản, hợp đồng, giao dịch, hồ sơ và tài liệu khác của công ty;

d) Chuyển nhượng phần vốn góp của mình tại công ty cho người khác;

e) Nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác tiến hành kinh doanh của ngành, nghề đó hoặc ký các công ty;

e) Nhờ tổ chức khác góp vốn hoặc bằng cách khác, tặng cho, chuyển nhượng, cầm cố và các hình thức khác theo quy định của pháp luật và vốn công ty; trường hợp chuyển nhượng là một phần vốn là một phần thì người khác thay thế thành viên đó chỉ trở thành thành viên góp vốn của công ty;

g) Được chia một phần giá trị tài sản của công ty theo mức đóng góp vốn vào vốn công ty khi công ty giải thể hoặc phá sản;

h) Các quyền khác theo quy định của Luật này và vốn công ty.

2. Thành viên góp vốn có nghĩa vụ sau đây:

a) Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp;

b) Không được tham gia quản lý công ty, không được tiến hành các việc kinh doanh nhằm danh công ty;

- c) Tuân thủ luật, nội quy công ty và quy định của Hội đồng thành viên;
- d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và luật công ty.

## **CHƯƠNG VI**

### **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN**

#### **Điều 141.** Doanh nghiệp tư nhân

1. Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản cá nhân vì hoạt động của doanh nghiệp.
2. Doanh nghiệp tư nhân không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào.
3. Mọi cá nhân chỉ được quy định thành lập một doanh nghiệp tư nhân.

#### **Điều 142.** Văn bản của chủ doanh nghiệp

1. Văn bản của chủ doanh nghiệp tư nhân do chủ doanh nghiệp tự ký. Chủ doanh nghiệp tư nhân có nghĩa vụ ký chính xác tên, số văn bản, trong đó nêu rõ số văn bản tín Việt Nam, ngày, tháng, năm và các tài sản khác; địa chỉ văn bản gửi tài sản khác cần ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị liên quan tài sản.
2. Toàn bộ vốn và tài sản khác vốn vay và tài sản thu được sẽ dùng vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phải ghi chép vào sổ kế toán và báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
3. Trong quá trình hoạt động, chủ doanh nghiệp tư nhân có quyền huy động vốn văn bản cá nhân vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Việc huy động vốn văn bản của chủ doanh nghiệp phải ghi chép vào sổ kế toán. Trường hợp giảm vốn văn bản xuất xứ thì phải có văn bản ký thanh toán doanh nghiệp tư nhân chỉ giảm vốn sau khi có văn bản ký xác nhận giảm vốn.

#### **Điều 143.** Quản lý doanh nghiệp

1. Chủ doanh nghiệp tư nhân có toàn quyền quy định nội quy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, việc sử dụng tài sản sau khi có sổ thu và thanh toán cá nhân và tài chính khác theo quy định của pháp luật.
2. Chủ doanh nghiệp tư nhân có thể trực tiếp hoặc thuê người khác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh. Trường hợp thuê người khác làm Giám đốc quản lý doanh nghiệp thì chủ doanh nghiệp tư nhân phải ký xác nhận giảm vốn văn bản và văn bản ủy quyền nhiệm vụ vì hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
3. Chủ doanh nghiệp tư nhân là người nhân, bản thân có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trực tiếp tài sản của Tòa án trong các tranh chấp liên quan đến doanh nghiệp.
4. Chủ doanh nghiệp tư nhân là người di sản theo pháp luật của doanh nghiệp.

#### **Điều 144.** Cho thuê doanh nghiệp

Ch doanh nghi p t nhõn cú quy n cho thu toàn b doanh nghi p c a m nh nh ng ph i b o c o b ng v n b n k m theo b n sao h p ng cho thu cú c ng ch ng n c quan ng ký kinh doanh, c quan thu . Trong th i h n cho thu , ch doanh nghi p t nhõn v n ph i ch u tr ch nhi m tr c ph p lu t v i t c ch là ch s h u doanh nghi p. Quy n và tr ch nhi m c a ch s h u và ng i thu i v i ho t ng kinh doanh c a doanh nghi p c quy nh trong h p ng cho thu .

#### **i u 145. B n doanh nghi p**

1. Ch doanh nghi p t nhõn cú quy n b n doanh nghi p c a m nh cho ng i kh c. Ch m nh t m i l m ngày tr c ngày chuy n giao doanh nghi p cho ng i mua, ch doanh nghi p ph i th ng b o b ng v n b n cho c quan ng ký kinh doanh. Thông báo ph i n u r t n, tr s c a doanh nghi p; t n, a ch c a ng i mua; t ng s n ch a thanh toán c a doanh nghi p; t n, a ch , s n và th i h n thanh to n cho t ng ch n ; h p ng lao ng và c c h p ng khác ó ký mà ch a th c hi n xong và c ch th c gi i quy t c c h p ng ó.

2. Sau khi b n doanh nghi p, ch doanh nghi p t nhõn v n ph i ch u tr ch nhi m v c c kho n n và ngh a v tài s n kh c mà doanh nghi p ch a th c hi n, tr tr ng h p ng i mua, ng i b n và ch n c a doanh nghi p cú tho thu n kh c.

3. Ng i bán, ng i mua doanh nghi p ph i tuân th các quy nh c a pháp lu t v lao ng.

4. Ng i mua doanh nghi p ph i ng ký kinh doanh l i theo quy nh c a Lu t này.

## **CH NG VII NH M C NG TY**

#### **i u 146. Nhóm c ng ty**

1. Nhóm c ng ty là t p h p c c c ng ty cú m i quan h g n bú lổu dài v i nhau v l i ch kinh t , c ng ngh , th tr ng và c c đ ch v kinh doanh kh c.

2. Nhóm c ng ty bao g m c c h nh th c sau ây:

- a) C ng ty m - c ng ty con;
- b) T p oàn kinh t ;
- c) C c h nh th c kh c.

#### **i u 147. Quy n và tr ch nhi m c a c ng ty m i v i công ty con**

1. Tu thu c vào lo i h nh ph p lý c a c ng ty con, c ng ty m th c hi n quy n và ngh a v c a m nh v i t c ch là thành vi n, ch s h u ho c c ông trong quan h v i công ty con theo quy nh t ng ng c a Lu t này và ph p lu t cú li n quan.

2. H p ng, giao đ ch và quan h kh c gi a c ng ty m và c ng ty con u ph i c thi t l p và th c hi n c l p, b nh ng theo i u ki n áp đ ng i v i các ch th pháp lý c l p, tr tr ng h p quy nh t i kho n l i u này.

3. Trường hợp công ty m can thi p ngoài th m quy n c a ch s h u, thành vi n ho c c ông và bu c c ng ty con ph i th c hi n ho t ng kinh doanh trái v i thông l kinh doanh b nh th ng ho c th c hi n ho t ng không sinh l i mà kh ng n b h p lý trong n m tài ch nh cú li n quan, gõy thi t h i cho c ng ty con th c ng ty m ph i ch u tr ch nhi m v thi t h i ó.

4. Ng i qu n lý c a công ty m ch u trách nhi m v vi c can thi p bu c công ty con th c hi n ho t ng kinh doanh quy nh t i kho n 3 i u này ph i li n i c ng c ng ty m ch u tr ch nhi m v c c thi t h i ó.

5. Trường hợp công ty m kh ng n b cho c ng ty con theo quy nh t i kho n 3 i u này th ch n ho c thành vi n, c ông có s h u ít nh t 1% v n i u l c a công ty con có quy n nhân danh chính m nh ho c nhõn danh c ng ty con i c ng ty m n b thi t h i cho c ng ty con.

6. Trường hợp ho t ng kinh doanh nh quy nh t i kho n 3 i u này do c ng ty con th c hi n em l i l i ích cho công ty con khác c a c ng m t c ng ty m th c ng ty con c h ng l i ó ph i li n i c ng c ng ty m hoàn tr kho n l i c h ng ó cho công ty con b thi t h i.

#### **i u 148. B o c o tài ch nh c a c ng ty m và c ng ty con**

1. Vào th i i m k t thúc n m tài ch nh, ngoài b o c o và tài li u theo quy nh c a pháp lu t, công ty m c n ph i l p c b o c o sau ây:

- a) B o c o tài ch nh h p nh t c a nhóm công ty theo quy nh c a pháp lu t v k toán;
- b) Báo cáo t ng h p k t qu kinh doanh h ng n m c a nhóm công ty;
- c) Báo cáo t ng h p công tác qu n lý, i u hành c a nhóm c ng ty.

2. Ng i ch u trách nhi m l p báo cáo quy nh t i kho n 1 i u này ch a c l p và tr nh c c b o c o ó n u ch a nh n c y báo cáo tài ch nh c a c c c ng ty con.

3. Khi cú y u c u c a ng i i di n theo pháp lu t c a công ty m , ng i i di n theo pháp lu t c a công ty con ph i cung c p các báo cáo, tài li u và thông tin c n thi t nh quy nh l p báo cáo tài ch nh h p nh t và b o c o t ng h p c a nhóm c ng ty.

4. Trường hợp kh ng bi t ho c kh ng nghi ng v vi c b o c o do c ng ty con l p và tr nh cú th ng tin sai l ch, kh ng ch nh x c ho c gi m o th ng i qu n lý công ty m s đ ng các báo cáo ó l p báo cáo tài ch nh h p nh t và b o c o t ng h p c a nhóm c ng ty.

5. Trong tr ng h p ng i qu n lý công ty m ó p đ ng c c bi n ph p c n thi t trong ph m vi th m quy n mà v n kh ng nh n c báo cáo, tài li u và th ng tin c n thi t nh quy nh t công ty con th ng i qu n lý c ng ty m v n l p và tr nh b o c o tài ch nh h p nh t, b o c o t ng h p c a nhóm c ng ty. B o c o cú th g m ho c kh ng g m c c th ng tin t c ng ty con ó, nh ng ph i có gi i tr nh c n thi t tránh hi u nh m ho c hi u sai l ch.

6. C c b o c o, tài li u quy t to n tài ch nh h ng n m c a công ty m , c a các công ty con và c c b o c o tài ch nh h p nh t, b o c o t ng h p c a c nhóm c ng ty ph i

cl ugi t i tr s chính c a công ty m . B n sao c a c c b o c o, tài li u quy nh t i kho n này ph i cú c c chi nh nh c a c ng ty m tr n lónh th Vi t Nam.

7. i v i các công ty con, ngoài c c b o c o, tài li u theo quy nh c a pháp lu t, c n ph i l p và tr nh b o c o t ng h p v mua, b n và c c giao d ch kh c v i c ng ty m .

#### **i u 149. T p oàn kinh t**

T p oàn kinh t là nhóm c ng ty cú quy m l n. Ch nh ph quy nh h ng d n tí u ch , t ch c qu n lý và ho t ng c a t p oàn kinh t .

## **CH NG VIII T CH CL I, GI I TH VÀ PHÁ S N DOANH NGHI P**

#### **i u 150. Chia doanh nghi p**

1. Công ty trách nhi m h u h n, công ty c ph n có th c chia thành m t s c ng ty c ng lo i.

2. Th t c chia công ty trách nhi m h u h n, công ty c ph n c quy nh nh sau:

a) H i ng thành vi n, ch s h u công ty ho c i h i ng c ông c a công ty b chia thông qua quy t nh chia công ty theo quy nh c a Lu t này và i u l công ty. Quy t nh chia công ty ph i có các n i dung ch y u v t n, a ch tr s chính c a công ty b chia; t n c c c ng ty s thành l p; nguy n t c và th t c chia tài s n c ng ty; ph ng n s d ng lao ng; th i h n và th t c chuy n i ph n v n góp, c ph n, trái phi u c a công ty b chia sang các công ty m i thành l p; nguy n t c gi i quy t c c ngh a v c a c ng ty b chia; th i h n th c hi n chia công ty. Quy t nh chia công ty ph i c gi n t t c các ch n và th ng b o cho ng i lao ng bi t trong th i h n m i l m ngày, k t ngày th ng qua quy t nh;

b) C c thành vi n, ch s h u c ng ty ho c c c c ông c a các công ty m i c thành l p th ng qua i u l , b u ho c b nhi m Ch t ch H i ng thành vi n, Ch t ch c ng ty, H i ng qu n tr , Giám c ho c T ng giám c và tín hành ng ký kinh doanh theo quy nh c a Lu t này. Trong tr ng h p này, h s ng ký kinh doanh ph i k m theo quy t nh chia công ty quy nh t i i m a kho n này.

3. Công ty b chia ch m d t t n t i sau khi các công ty m i c ng ký kinh doanh. Các công ty m i ph i c ng li n i ch u trách nhi m v các kho n n ch a thanh toán, h p ng lao ng và ngh a v tài s n kh c c a c ng ty b chia ho c tho thu n v i ch n , kh ch hàng và ng i lao ng m t trong s các công ty ó th c hi n các ngh a v này.

#### **i u 151. T ch doanh nghi p**

1. C ng ty tr ch nhi m h u h n, c ng ty c ph n cú th t ch b ng c ch chuy n m t ph n tài s n c a c ng ty hi n cú (sau ây g i là c ng ty b t ch) thành l p m t ho c m t s c ng ty m i c ng lo i (sau ây g i là c ng ty c tách); chuy n m t ph n quy n và ngh a v c a c ng ty b t ch sang c ng ty c tách mà kh ng ch m d t t n t i c a c ng ty b t ch.

2. Thủ tục tách công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần quy định như sau:

a) Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty hoặc hội đồng của công ty tách thông qua quyết định tách công ty theo quy định của Luật này và luật công ty. Quyết định tách công ty phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty tách; tên công ty mới tách thành lập; phạm vi sản xuất kinh doanh; giá trị tài sản, nợ công và nghĩa vụ chuyển tiếp công ty tách sang công ty mới tách; thời hạn thực hiện tách công ty. Quyết định tách công ty phải ghi rõ tên và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn một tháng, kể từ ngày thông qua quyết định;

b) Chủ tịch thành viên, chủ sở hữu công ty hoặc ủy ban của công ty mới tách thông qua luật, bộ hồ sơ bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và tiến hành đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật này. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký kinh doanh phải kèm theo quyết định tách công ty quy định tại điều khoản này.

3. Sau khi đăng ký kinh doanh, công ty tách và công ty mới tách phải công nhận và chịu trách nhiệm về các khoản nợ của thanh toán, phạm vi sản xuất kinh doanh và nghĩa vụ tài sản khác của công ty tách, trừ trường hợp công ty tách, công ty mới thành lập, chi nhánh, chi nhánh và người lao động của công ty tách có tho thu khác.

### **ĐIỀU 152. Hợp nhất doanh nghiệp**

1. Hai hoặc nhiều công ty công lập (sau đây gọi là công ty bị sáp nhập) có thể sáp nhập thành một công ty mới (sau đây gọi là công ty sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, nợ công, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty sáp nhập, đồng thời chấm dứt tồn tại của các công ty bị sáp nhập.

2. Thủ tục sáp nhập công ty quy định như sau:

a) Các công ty bị sáp nhập chủ yếu phạm vi sáp nhập. Hợp nhất sáp nhập phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của các công ty bị sáp nhập; tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty sáp nhập; thủ tục và điều kiện sáp nhập; phạm vi sản xuất kinh doanh; thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển tiếp tài sản, chuyển tiếp phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty bị sáp nhập thành phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty sáp nhập; thời hạn thực hiện sáp nhập; danh sách luật công ty sáp nhập;

b) Chủ tịch thành viên, chủ sở hữu công ty hoặc ủy ban của các công ty bị sáp nhập thông qua phạm vi sáp nhập, luật công ty sáp nhập, bộ hồ sơ bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty sáp nhập và tiến hành đăng ký kinh doanh công ty sáp nhập theo quy định của Luật này. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký kinh doanh phải kèm theo phạm vi sáp nhập. Hợp nhất sáp nhập phải ghi rõ tên và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn một tháng, kể từ ngày thông qua.

3. Trường hợp sáp nhập mà theo đó công ty sáp nhập có thể phần 30% đến 50% trở nên trở lại quan hệ liên hệ pháp của công ty bị sáp nhập thì thông báo cho cơ quan quản lý cạnh tranh trước khi tiến hành sáp nhập, trừ trường hợp pháp luật về cạnh tranh có quy định khác.

Các cơ chế này hợp pháp nhưng theo đó công ty hợp nhất có thể phân bổ 50% trên thị trường chứng khoán, trừ trường hợp pháp luật về cạnh tranh có quy định khác.

4. Sau khi ngừng kinh doanh, các công ty hợp nhất chấm dứt tồn tại; công ty hợp nhất sẽ ngừng các quy định và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản chi trả thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty hợp nhất.

### **Điều 153. Sáp nhập doanh nghiệp**

1. Một hoặc một số công ty công lập (sau đây gọi là công ty bị sáp nhập) có thể sáp nhập vào một công ty khác (sau đây gọi là công ty nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quy định, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty nhận sáp nhập, ngừng hoạt động của công ty bị sáp nhập.

2. Trường hợp sáp nhập công ty quy định như sau:

a) Các công ty liên quan chủ yếu sáp nhập và đồng thời công ty nhận sáp nhập. Hợp đồng sáp nhập phải có các nội dung chủ yếu và nội dung chính của công ty nhận sáp nhập; tên, địa chỉ và địa điểm chính của công ty bị sáp nhập; thủ tục và điều kiện sáp nhập; phân bổ lao động; thủ tục, thời hạn và điều kiện chuyển nhượng tài sản, chuyển nhượng vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty bị sáp nhập thành phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty nhận sáp nhập; thời hạn thanh toán;

b) Các thành viên, chủ sở hữu công ty hoặc các công ty liên quan thông qua hợp đồng sáp nhập, đồng thời công ty nhận sáp nhập và tiến hành ngừng kinh doanh công ty nhận sáp nhập theo quy định của Luật này. Trong trường hợp này, hồ sơ ngừng kinh doanh phải kèm theo hợp đồng sáp nhập. Hợp đồng sáp nhập phải ghi rõ nội dung các chi phí và trách nhiệm bồi thường bị thiệt hại trong thời hạn một năm, kể từ ngày thông qua;

c) Sau khi ngừng kinh doanh, công ty bị sáp nhập chấm dứt tồn tại; công ty nhận sáp nhập sẽ ngừng các quy định và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản chi trả thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của công ty bị sáp nhập.

3. Trường hợp sáp nhập mà theo đó công ty nhận sáp nhập có thể phân bổ 30% đến 50% trên thị trường chứng khoán thì lợi ích hợp pháp của công ty bị sáp nhập cho các quan quản lý cạnh tranh trước khi tiến hành sáp nhập, trừ trường hợp pháp luật về cạnh tranh có quy định khác.

Các cơ chế này hợp pháp nhưng các công ty mà theo đó công ty nhận sáp nhập có thể phân bổ 50% trên thị trường chứng khoán, trừ trường hợp pháp luật về cạnh tranh có quy định khác.

### **Điều 154. Chuyển đổi công ty**

Công ty trách nhiệm hữu hạn có thể chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc ngược lại. Trường hợp chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần (sau đây gọi là công ty chuyển đổi) thành công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn (sau đây gọi là công ty chuyển đổi) quy định như sau:

1. Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty hoặc hội đồng quản trị thông qua quyết định chuyển đổi và đồng thời công ty chuyển đổi. Quyết định chuyển đổi phải có các nội dung chủ yếu và nội dung chính của công ty chuyển đổi; tên, địa chỉ

số chính của công ty chuyển đổi; thì hiện và ưu tiên chuyển tài sản, phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty chuyển đổi thành tài sản, cổ phần, trái phiếu, phần vốn góp của công ty chuyển đổi; phần ấn số đăng lao động; thì hiện thì hiện chuyển đổi;

2. Quy trình chuyển đổi phải công bố tất cả các chi phí và thành báo cho người lao động biết trong thời hạn một tháng, kể từ ngày thông qua quyết định;

3. Việc ký kinh doanh của công ty chuyển đổi chỉ tiến hành theo quy định của Luật này. Trong trường hợp này, hồ sơ ký kinh doanh phải kê khai theo quy định của pháp luật.

Sau khi ký kinh doanh, công ty chuyển đổi chỉ mới được tiến hành; công ty chuyển đổi chỉ được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản chi trả thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của công ty chuyển đổi.

#### **Điều 155.** Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành viên

1. Trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển đổi một phần vốn ưu tiên cho tất cả các cá nhân khác trong thời hạn một tháng kể từ ngày chuyển đổi xong, chủ sở hữu công ty và người nhận chuyển đổi phải ký văn bản thay đổi nội dung thành viên và nội dung quản lý kinh doanh. Kể từ ngày ký thay đổi quy định thì kể từ ngày này, công ty chuyển đổi quản lý và hoạt động theo quy định của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

2. Trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển đổi toàn bộ vốn ưu tiên cho một cá nhân thì trong thời hạn một tháng kể từ ngày hoàn thành thủ tục chuyển đổi xong, người nhận chuyển đổi phải ký thay đổi chủ sở hữu công ty và tất cả các quản lý, hoạt động theo quy định của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là cá nhân.

#### **Điều 156.** Thành lập kinh doanh

1. Doanh nghiệp có quyền thành lập kinh doanh như phải thông báo bằng văn bản về thời điểm và thời hạn thành lập kinh doanh cho cơ quan quản lý kinh doanh và cơ quan thuế chậm nhất một tháng trước ngày thành lập kinh doanh.

2. Cơ quan quản lý kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cụ thể quy định yêu cầu doanh nghiệp thành lập kinh doanh ngành, nghề kinh doanh cụ thể ưu tiên khi phát hiện doanh nghiệp không có ưu tiên theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời gian thành lập kinh doanh, doanh nghiệp phải nộp thuế doanh nghiệp, nộp thuế thành toán các khoản nợ, hoàn thành việc thanh toán hàng và người lao động, trả nợ hợp đồng doanh nghiệp chi trả, khách hàng và người lao động có tho thu khác.

#### **Điều 157.** Các trường hợp và ưu tiên ghi nội dung doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp bắt buộc ghi nội dung trong các trường hợp sau đây:

a) Kể từ thời hạn hoạt động ghi trong nội dung công ty mà không có quy định gia hạn;

b) Theo quy t ̃nh c ̃a ch ̃ doanh nghi p ̃ i v ̃ i doanh nghi p ̃ t ̃nh ̃n; c ̃ a t ̃ t c ̃ thành vi ̃nh p ̃ danh ̃ i v ̃ i công ty h ̃ p danh; c ̃ a H ̃ i ̃ng thành vi ̃nh, ch ̃ s ̃ h ̃ u c ̃ng ty ̃ i v ̃ i công ty trách nhi ̃m h ̃ u h ̃n; c ̃ a ̃ i h ̃ i ̃ng c ̃ ông ̃ i v ̃ i công ty c ̃ p h ̃n;

c) C ̃ng ty kh ̃ng c ̃n ̃ s ̃ l ̃ng thành vi ̃nh t ̃ i thi u theo quy ̃nh c ̃a Lu ̃t này trong th ̃i h ̃n s ̃u th ̃ng li ̃n t ̃c;

d) B ̃ thu h ̃ i Gi ̃y ch ̃ng nh ̃n ̃ng ký kinh doanh.

2. Doanh nghi p ̃ ch ̃ c ̃ gi ̃ i th ̃ khi b ̃ o ̃ m thanh toán h ̃ t c ̃ c kho ̃n n ̃ và ngh ̃a v ̃ tài s ̃n kh ̃c.

### **i u 158. Th ̃ t c ̃ gi ̃ i th ̃ doanh nghi p ̃**

Vi ̃ c gi ̃ i th ̃ doanh nghi p ̃ c ̃ th ̃ c hi ̃n theo quy ̃nh sau ̃ ̃y:

1. Thông qua quy t ̃nh gi ̃ i th ̃ doanh nghi p ̃. Quy t ̃nh gi ̃ i th ̃ doanh nghi p ̃ ph ̃ i có các n ̃i dung ch ̃y u sau ̃ ̃y:

a) T ̃n, ̃a ch ̃ tr ̃ s ̃ chính c ̃a doanh nghi p ̃;

b) Lý do gi ̃ i th ̃ ;

c) Th ̃ i h ̃n, th ̃ t c ̃ thanh lý h ̃ p ̃ng và thanh to ̃n c ̃ c kho ̃n n ̃ c ̃a doanh nghi p ̃; th ̃ i h ̃n thanh to ̃n n ̃, thanh lý h ̃ p ̃ng không ̃ c v ̃ t quá sáu tháng, k ̃ t ̃ ngày th ̃ng qua quy t ̃nh gi ̃ i th ̃ ;

d) Ph ̃ng án x ̃ lý các ngh ̃a v ̃ phát sinh t ̃ h ̃ p ̃ng lao ̃ng;

e) H ̃, t ̃n, ch ̃ ký c ̃a ng ̃ i ̃ i di ̃n theo pháp lu ̃t c ̃a doanh nghi p ̃.

2. Ch ̃ doanh nghi p ̃ t ̃nh ̃n, H ̃ i ̃ng thành vi ̃nh ho ̃c ch ̃ s ̃ h ̃ u c ̃ng ty, H ̃ i ̃ng qu ̃n tr ̃ tr ̃ c ti ̃ p t ̃ ch ̃ c thanh lý tài s ̃n doanh nghi p ̃, tr ̃ tr ̃ng h ̃ p ̃ i u l ̃ công ty quy ̃nh thành l ̃ p t ̃ ch ̃ c thanh lý ri ̃ng.

3. Trong th ̃i h ̃n b ̃y ngày làm vi ̃c k ̃ t ̃ ngày th ̃ng qua, quy t ̃nh gi ̃ i th ̃ ph ̃ i c ̃ gi ̃ i n ̃c quan ̃ng ký kinh doanh, t ̃ t c ̃ các ch ̃n ̃, ng ̃ i cú quy ̃n, ngh ̃a v ̃ và l ̃ i ch ̃ li ̃n quan, ng ̃ i lao ̃ng trong doanh nghi p ̃ và ph ̃ i ̃ c ni ̃m y t ̃c ng khai t ̃ i tr ̃ s ̃ ch ̃nh và chi nh ̃nh c ̃a doanh nghi p ̃.

i v ̃ i tr ̃ng h ̃ p mà ph ̃ p lu ̃t y u c ̃ u ph ̃ i ̃ng báo th ̃ quy t ̃nh gi ̃ i th ̃ doanh nghi p ̃ ph ̃ i ̃ c ̃ng ít nh ̃ t tr ̃n m t t ̃ b ̃ o vi ̃ tho ̃c b ̃ o i n t ̃ trong ba s ̃ li ̃n t ̃i p ̃.

Quy t ̃nh gi ̃ i th ̃ ph ̃ i ̃ c ̃ gi ̃ cho các ch ̃n ̃ k ̃m theo th ̃ng b ̃ o v ̃ ph ̃ng n ̃ gi ̃ i quy t ̃n ̃. Th ̃ng b ̃ o ph ̃ i cú t ̃n, ̃a ch ̃ c ̃a ch ̃n ̃; s ̃n ̃, th ̃ i h ̃n, ̃a i m và ph ̃ng th ̃ c thanh toán s ̃n ̃ ó; cách th ̃c và th ̃ i h ̃n gi ̃ i quy t ̃nh gi ̃ i quy t ̃nh gi ̃ i c ̃a ch ̃n ̃.

4. Các kho ̃n n ̃ c ̃a doanh nghi p ̃ c ̃ thanh toán theo th ̃ t sau ̃ ̃y:

a) C ̃ c kho ̃n n ̃ l ̃ng, tr ̃ c p th ̃ i vi ̃c, b ̃ o hi ̃m x ̃ó h ̃ i theo quy ̃nh c ̃a pháp lu ̃t và c ̃ c quy ̃n l ̃ i khác c ̃a ng ̃ i lao ̃ng theo tho ̃c lao ̃ng t ̃ p th ̃ và h ̃ p ̃ng lao ̃ng ó ký k ̃ t;

b) N ̃ thu và c ̃ c kho ̃n n ̃ kh ̃c.

Sau khi ó thanh to ̃n h ̃ t c ̃ c kho ̃n n ̃ và chi ph ̃ gi ̃ i th ̃ doanh nghi p ̃, ph ̃n c ̃n l ̃ i thu c ̃ v ̃ ch ̃ doanh nghi p ̃ t ̃nh ̃n, c ̃ c thành vi ̃nh, c ̃ ông ho ̃c ch ̃ s ̃ h ̃ u công ty.

5. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, người đi đăng ký kinh doanh phải nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh xóa tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh.

6. Trường hợp doanh nghiệp bỏ thủ tục đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp phải ghi rõ trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày bỏ thủ tục đăng ký kinh doanh. Trường hợp và thủ tục ghi rõ chi tiết theo quy định của pháp luật này.

Sau thời hạn sáu tháng quy định thì khoản này mà cơ quan đăng ký kinh doanh không nhận hồ sơ đăng ký kinh doanh thì doanh nghiệp có coi như đã đăng ký và cơ quan đăng ký kinh doanh xóa tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh. Trong trường hợp này, người đi đăng ký kinh doanh, các thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn, chủ sở hữu công ty của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, các thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần, các thành viên hội đồng quản trị của công ty trách nhiệm vô hạn và các nhà đầu tư của công ty trách nhiệm vô hạn và các nhà đầu tư của công ty trách nhiệm vô hạn.

**Điều 159.** Các hoạt động bị cấm khi có quy định như sau:

Kể từ khi có quy định như sau đây, doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp phải thực hiện các hoạt động sau đây:

1. Cung cấp, mua bán tài sản;
2. Tổ chức giao dịch mua bán;
3. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp;
4. Ký kết hợp đồng mà không phải là hợp đồng nhằm thực hiện ghi chép doanh nghiệp;
5. Cung cấp, thanh toán, cho thuê tài sản;
6. Chứng minh thực hiện hợp đồng có hiệu lực;
7. Huy động vốn để mua hàng hóa.

**Điều 160.** Phấn đấu doanh nghiệp

Việc phấn đấu doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về phấn đấu.

## CHƯƠNG IX QUẢN LÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ DOANH NGHIỆP

**Điều 161.** Nội dung quản lý nhà đầu tư và doanh nghiệp

1. Ban hành, phê duyệt và hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp luật về doanh nghiệp và văn bản pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện ký kinh doanh; hướng dẫn việc ký kinh doanh bổ sung thực hiện chi nhánh, quy hoạch và kế hoạch ngành nghề phát triển kinh tế - xã hội.

3. Thực hiện các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao hiệu quả kinh doanh cho người quản lý doanh nghiệp; phẩm chất chính trị, đạo đức, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý nhà nước ở vị trí doanh nghiệp; đào tạo và xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề.

4. Thực hiện chính sách ưu đãi ở vị trí doanh nghiệp theo ngành nghề và mức độ ưu đãi chi nhánh, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

5. Kiểm tra, thanh tra hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của doanh nghiệp, các cá nhân và tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 162.** Trách nhiệm quản lý nhà nước ở vị trí doanh nghiệp

1. Chức năng, nhiệm vụ của người quản lý nhà nước ở vị trí doanh nghiệp; chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Trung ương về Chính phủ và Ủy ban Chính phủ về việc thực hiện nhiệm vụ phân công trong quản lý nhà nước ở vị trí doanh nghiệp; trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của phân công có trách nhiệm:

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc thực hiện nhiệm vụ phân công trong quản lý nhà nước ở vị trí doanh nghiệp; trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của phân công có trách nhiệm:

a) Đánh giá lợi ích theo nhu cầu theo yêu cầu của hiệp hội doanh nghiệp để cấp vốn kinh doanh thu xếp quy định quản lý nhà nước; kiểm soát, bố trí cấp vốn kinh doanh không cần tiền mặt; sắp xếp các cấp vốn kinh doanh bất hợp lý; triển khai phân bổ hành vi cấp vốn kinh doanh miễn phí bổ sung yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước phân công;

b) Hướng dẫn thực hiện pháp luật về cấp vốn kinh doanh; kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm về cấp vốn kinh doanh thu xếp quy định quản lý nhà nước;

c) Tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật;

d) Thực hiện quản lý hoạt động kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh cấp vốn kinh doanh; kiểm tra, kiểm soát và xử lý nhiệm vụ môi trường, bảo vệ môi trường; bảo đảm an toàn và sinh thái phát triển, an toàn và sinh lợi;

e) Xây dựng hệ thống Tiêu chuẩn Việt Nam; kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm về tiêu chuẩn Việt Nam; xây dựng hàng hóa và dịch vụ theo hệ thống Tiêu chuẩn Việt Nam;

f) Thực hiện các quy định và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực tiếp trung ương thực hiện quản lý nhà nước ở vị trí doanh nghiệp trong phạm vi địa phương; trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của phân công có trách nhiệm:

a) Chuyển các cơ quan chuyên môn trực tiếp thu xếp và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực tiếp trung ương tin doanh nghiệp; ghi ý kiến, kiến nghị, kiến nghị trong luật và hoạt động phát triển doanh nghiệp trong phạm vi thẩm quyền; tổ chức kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

b) Tách các ngành ký kinh doanh và thành phần quản lý doanh nghiệp, hình kinh doanh theo các nội dung ngành ký kinh doanh; xử lý hành chính các hành vi vi phạm Luật này và pháp luật có liên quan;

c) Chuyển các cơ quan chuyên môn trực thuộc và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc thành phố trực thuộc tỉnh thành phố trực thuộc trung ương, các khu vực kinh doanh theo quy định pháp luật và hướng dẫn từ ngành các bộ, cơ quan ngang bộ; trực tiếp xử lý hồ sơ kinh doanh có thẩm quyền xử lý các vi phạm quy định về quản lý nhà nước trong lĩnh vực này;

d) Tách các cơ quan ngành ký kinh doanh, quy định biên chế các cơ quan ngành ký kinh doanh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; chuyển và hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh xử lý vi phạm hành chính trong ngành ký kinh doanh.

**Điều 163.** Các nội dung, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan ngành ký kinh doanh

1. Các cơ quan ngành ký kinh doanh có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Giám sát việc thực hiện ngành ký kinh doanh và cấp Giấy chứng nhận ngành ký kinh doanh theo quy định pháp luật;

b) Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin doanh nghiệp; cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có yêu cầu theo quy định pháp luật;

c) Yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp khi xuất hiện các tín hiệu về các thành phần của Luật này; ôn tập về các thành phần chi báo cáo của doanh nghiệp;

d) Trực tiếp hoặc ngành cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra doanh nghiệp theo nội dung trong hồ sơ ngành ký kinh doanh;

e) Xử lý vi phạm các quy định về ngành ký kinh doanh theo quy định pháp luật; thu hồi Giấy chứng nhận ngành ký kinh doanh và yêu cầu doanh nghiệp làm thủ tục gì thì theo quy định của Luật này;

f) Chịu trách nhiệm trực tiếp pháp luật về hành vi phạm trong việc ngành ký kinh doanh;

g) Thành lập các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

2. Các nội dung của các cơ quan ngành ký kinh doanh do Chính phủ quy định.

**Điều 164.** Kiểm tra, thanh tra hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Việc kiểm tra, thanh tra hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thực hiện theo quy định pháp luật.

**Điều 165.** Xử lý vi phạm

1. Ngăn ngừa hành vi vi phạm các quy định của Luật này thực hiện theo tinh thần và mục đích vi phạm mà bất kỳ lý do nào, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật; trừng phạt gây thiệt hại lớn lợi ích của doanh

nghi p, ch s h u, thành vi n, c ông, ch n c a doanh nghi p ho c ng i khác th ph i b i th ng theo quy nh c a pháp lu t.

2. Doanh nghi p b thu h i Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh và b xo t n trong s ng ký kinh doanh trong các tr ng h p sau ây:

- a) N i dung k khai trong h s ng ký kinh doanh là gi m o;
- b) Doanh nghi p do nh ng ng i b c m thành l p doanh nghi p theo kho n 2 i u 13 c a Lu t này thành l p;
- c) Không ng ký mó s thu trong th i h n m t n m k t ngày c c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh;
- d) Không ho t ng t i tr s ng ký trong th i h n sáu tháng li n t c, k t ngày c c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh ho c ch ng nh n thay i tr s chính;
- e) Không báo cáo v ho t ng kinh doanh c a doanh nghi p v i c quan ng ký kinh doanh trong m i hai tháng li n t c;
- f) Ng ng ho t ng kinh doanh m t n m li n t c mà kh ng th ng b o v i c quan ng ký kinh doanh;
- g) Doanh nghi p không g i báo cáo theo quy nh t i i m c kho n 1 i u 163 c a Lu t này n c quan ng ký kinh doanh trong th i h n ba tháng, k t ngày cú y u c u b ng v n b n;
- h) Kinh doanh ngành, ngh b c m.

## CH NG X I U KHO N THI HÀNH

### **i u 166.** Chuy n i công ty nhà n c

1. Th c hi n theo l tr nh chuy n i h ng n m, nh ng ch m nh t trong th i h n b n n m k t ngày Lu t này cú hi u l c, c c c ng ty nhà n c thành l p theo quy nh c a Lu t doanh nghi p nhà n c n m 2003 ph i chuy n i thành c ng ty tr ch nhi m h u h n ho c c ng ty c ph n theo quy nh c a Lu t này.

Chính ph quy nh và h ng d n tr nh t , th t c chuy n i.

2. Trong th i h n chuy n i, nh ng quy nh c a Lu t doanh nghi p nhà n c n m 2003 c ti p t c áp d ng i v i doanh nghi p nhà n c n u Lu t này kh ng cú quy nh.

### **i u 167.** Doanh nghi p ph c v qu c ph ng, an ninh

Doanh nghi p nhà n c tr c ti p ph c v qu c ph ng, an ninh ho c k t h p kinh t v i qu c ph ng, an ninh c t ch c qu n lý và ho t ng theo quy nh c a Lu t này và quy nh ri ng c a Ch nh ph .

### **i u 168.** Th c hi n quy n ch s h u v n c a Nhà n c t i doanh nghi p



4. Hộ kinh doanh sẽ đăng ký thuế thu nhập cá nhân và đăng ký thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật này.

Hộ kinh doanh có quy mô nhỏ thì chỉ cần đăng ký kinh doanh và hoạt động theo quy định của Chính phủ.

#### **Điều 171.** Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2006.

2. Luật này thay thế Luật doanh nghiệp năm 1999; Luật doanh nghiệp nhà nước năm 2003, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 166 của Luật này; các quy định về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp tại Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2000.

#### **Điều 172.** Hiệu đính thi hành

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này.

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.*

Chủ tịch Quốc hội

Nguyễn Văn An